



CÔNG TY TNHH E.U.C

VINCE

AGSCV

QUẢN TRẠC
MÔI TRƯỜNG & AN TOÀN
NGHIỆM 11-2015-SQ

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bội, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0932.42.82.39 Email: eucvina@gmail.com Web: www.eucvina.com

Số: 2022.618/KQ-EUC

Bình Dương, ngày 02 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
Địa chỉ: Lô B10 -B, KCN Becamex Bình Phước, Minh Thành, Chơn Thành, Bình Phước.
2. Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu/ thể tích mẫu
2206.144NT	Nước thải	Hồ ga dầu nối KCN	Nước trong/ 2 lít

4. Ngày lấy mẫu: 22/06/2022

Ngày nhận mẫu: 22/06/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
				2206.144NT	
1.	pH ⁽¹⁾	--	TCVN 6492: 2011	6,95	5,5 – 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	194	--
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mgO ₂ /L	SMEWW 5210B: 2017	21,8	50
4.	COD ⁽¹⁾	mgO ₂ /L	SMEWW 5220D: 2017	43,1	150
5.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	14,2	100
6.	NO ₂ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B: 2017	KPH (<MDL=0,014)	--
7.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	17,1	--
8.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988: 1995	0,77	10
9.	Tổng N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-N.C: 2017	20,3	40
10.	Tổng P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E: 2017	3,86	6
11.	Sulfat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	31,0	--
12.	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl: 2017	KPH (<MDL = 0,3)	2
13.	Coliform ⁽¹⁾	CFU/ 100ml	TCVN 6187-1: 2019	2.400	5.000

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ tài nguyên môi trường công nhận;

- ^(a): Thông số được liên kết với Vincerts 292;

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

[Chữ ký]

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỀN THUẬN

BM-09-11-QLPT

Trang: 1/1

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nên không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

VINICERT
261



QUAN TRƯỞNG
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỀ NGHIỆP 4-2004-2007

Địa chỉ: Số 41/34 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web: www.eucvina.com

Số: 2022.618/KQ-EUC

Bình Dương, ngày 02 tháng 07 năm 2022.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
Địa chỉ: Lô B10 – B, Khu B, KCN Becamex – Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
2. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 05
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2206.144KK-01	Khu vực nhập liệu
2206.144KK-02	Khu vực xả cám silo
2206.144KK-03	Khu vực nghiền
2206.144KK-04	Khu vực ép đùn
2206.144KK-05	Khu vực ép viên

4. Ngày lấy mẫu: 22/06/2022

Ngày nhận mẫu: 22/06/2022

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	HD 08 01 HDLM
2.	Ánh sáng ⁽¹⁾⁽²⁾	lux	TCVN 5176:1990
3.	Độ ồn ⁽¹⁾⁽²⁾	dBA	TCVN 7878-2: 2018
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT – Phụ lục 1
5.	H ₂ S ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT – Phụ lục 30
6.	NH ₃ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT – Phụ lục 05
7.	Metyl mercaptan ⁽²⁾	mg/m ³	TQKTSKNN&MT 2015

6. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ (°C)	Ánh sáng (lux)	
		Kết quả	QCVN 22:2016/BYT
2206.144KK-01	31,6	374	≥150
2206.144KK-02	31,1	460	≥300
2206.144KK-03	31,3	325	≥300
2206.144KK-04	31,6	363	≥300
2206.144KK-05	30,8	357	≥300
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	---	

BM-09-11 QLPT

Trang 1/2

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
201

ĐC MIA
AUSCAR
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP

QUAN TRƯỞNG
MÔI TRƯỜNG-LÀO ĐỘNG
NGHIỆM-SỰ NGHIỆP VIỆT

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bí, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web: www.eucvina.com

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn (dBA)	Bụi tổng (mg/m ³)	H ₂ S (mg/m ³)	NH ₃ (mg/m ³)	Metyl mercaptan (mg/m ³)
2206.144KK-01	78,3	0,771	KPH	KPH	--
2206.144KK-02	80,0	2,016	KPH	KPH	--
2206.144KK-03	81,0	0,858	KPH	KPH	KPH
2206.144KK-04	80,7	0,665	KPH	KPH	KPH
2206.144KK-05	79,2	0,874	KPH	KPH	KPH
QCVN 24:2016/BYT	≤85	--	--	--	--
QCVN 02:2019/BYT	--	8	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT	--	--	15	25	--
QD 3733/2002/QĐ-BYT	--	--	--	--	2

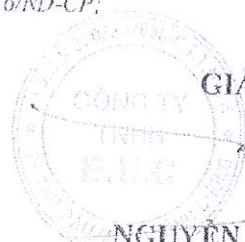
Ghi chú: ⁽¹⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

⁽²⁾: Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/ND-CP;

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử

PHÒNG THÍ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN



BM 09/11/QLPT

Trang 2/2

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa chỉ: Số 41/34 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

V.P Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đét, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0932.42.57.39

Email: enevina@gmail.com

Website: www.enevina.com

Số: 2022.824/KQ-EUC

Ngày 15 tháng 09 năm 2022.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC**
- Địa chỉ: **Lô B10 –B, Khu B, KCN Becamex – Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.**
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu: Số lượng: 01

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2209.017NT	Nước thải	Hồ ga đầu nổi KCN	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu được bảo quản tại hiện trường

4. Ngày lấy mẫu: 06/09/2022

Ngày nhận mẫu: 07/09/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
				2209.017NT	
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	--	TCVN 6492: 2011	6,77	5,5 – 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	493	--
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210B: 2017	11	50
4.	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220D: 2017	23	150
5.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	23	100
6.	NO ₂ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ : B: 2017	KPH (<MDL=0,014)	--
7.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ : E: 2017	22,8	--
8.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988: 1995	0,7	10
9.	Tổng N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-N.C: 2017	23,5	40
10.	Tổng P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E: 2017	1,26	6
11.	Clo dư ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-Cl: 2017	KPH (<MDL = 0,3)	2
12.	Coliform ⁽¹⁾	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	2.100	5.000
13.	Sunfat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ : E: 2017	44	--

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ tài nguyên môi trường công nhận;

- ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

- ^(a): Thông số được liên kết với Vincerts 292;

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả. Hệ thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không

chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Chữ ký)

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

BM 09 TT QLPT

Trang: 1/1

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả do dực, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIỆT CEMENT
201

HIỆU MỸ
AOSL
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NHIỆM VỤ CÔNG VIỆC

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Hotline: 0933.42.52.39

Email: eucvina@gmail.com

Website: www.eucvina.com

Số: 2022.824/KQ-EUC

Ngày 15 tháng 09 năm 2022.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤM NUÔI CP VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: **Lô B10 –B, Khu B, KCN Becamex – Bình Phước, Xã Minh Thạnh, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.**

2. Loại mẫu: Không khí

Số lượng: 05

3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2209.017KK-01	Khu vực nhập liệu
2209.017KK-02	Khu vực xả cám silo
2209.017KK-03	Khu vực nghiền
2209.017KK-04	Khu vực ép đùn
2209.017KK-05	Khu vực ép viên

4. Ngày lấy mẫu: 06/09/2022

Ngày nhận mẫu: 07/09/2022

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾⁽²⁾	°C	HD 08 01 HDLM
2.	Ánh sáng ⁽¹⁾⁽²⁾	lux	TCVN 5176:1990
3.	Độ ồn ⁽¹⁾⁽²⁾	dBA	TCVN 7878-2: 2018
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT – Phụ lục 1
5.	H ₂ S ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT – Phụ lục 30
6.	NH ₃ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT – Phụ lục 05
7.	Metyl mercaptan ⁽²⁾	mg/m ³	TQKTSKNN&MT 2015

6. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ (°C)	Ánh sáng (lux)	
		Kết quả	QCVN 22:2016/BYT
2209.017KK-01	31,2	476	≥150
2209.017KK-02	30,9	581	≥300
2209.017KK-03	31,6	383	≥300
2209.017KK-04	31,8	325	≥300
2209.017KK-05	31,6	314	≥300
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	--	--

Bảng 2:

BM 09 11 QLPT

Trang 1/2

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

VINCIART 261



QUẢN TRỊ
MÔI TRƯỜNG-LÀO ĐỘNG
AN TOÀN-HYỆP ĐỒNG

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đái, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Hotline: 0932.42.52.39

Email: euevina@gmail.com

Website: www.euevina.com

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn (dBA)	Bụi tổng (mg/m ³)	H ₂ S (mg/m ³)	NH ₃ (mg/m ³)	Metyl mercaptan (mg/m ³)
2209.017KK-01	73,8	0,698	KPH	KPH	--
2209.017KK-02	74,7	1,763	KPH	KPH	--
2209.017KK-03	80,4	0,864	KPH	KPH	KPH
2209.017KK-04	79,6	0,759	KPH	KPH	KPH
2209.017KK-05	83,4	0,796	KPH	KPH	KPH
QCVN 24:2016/BYT	≤85	--	--	--	--
QCVN 02:2019/BYT	--	8	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT	--	--	15	25	--
QD 3733/2002/QĐ-BYT	--	--	--	--	2

Ghi chú: (1): Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

(2): Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/NĐ-CP;

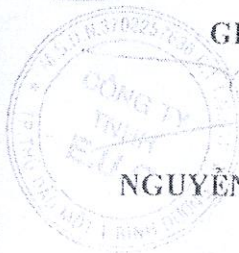
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử

PHÒNG THÍ NGHIỆM

[Signature]

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỂN THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa chỉ : Lô B10 – B, KCN Becamex – Bình phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Giáp Thạch, Hồ Minh Hiếu
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 11/01/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 7/7

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230111003_KK01)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	30,8	68,2	0,2	66,1
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230111003_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,18	0,061	0,064	5,26
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực công bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **3/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 230111003_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	6,96	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)*	mg/L	55	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat*	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	0,04	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	36	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F ⁻)*	mg/L	0,18	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)*	mg/L	0,25	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm nhà dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°39'35.2"; Vĩ độ: 11°26'32.0") – Nước

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 230111003_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	6,91	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	26	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	4,57	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	37	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	13	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N _{NH4} ⁺)*	mg/L	0,14	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	51	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N _{NO2} ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N _{NO3} ⁻)	mg/L	0,63	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P _{PO4} ³⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,28	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	15 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
 - Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
 - Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
 - Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
 - Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **5/7**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

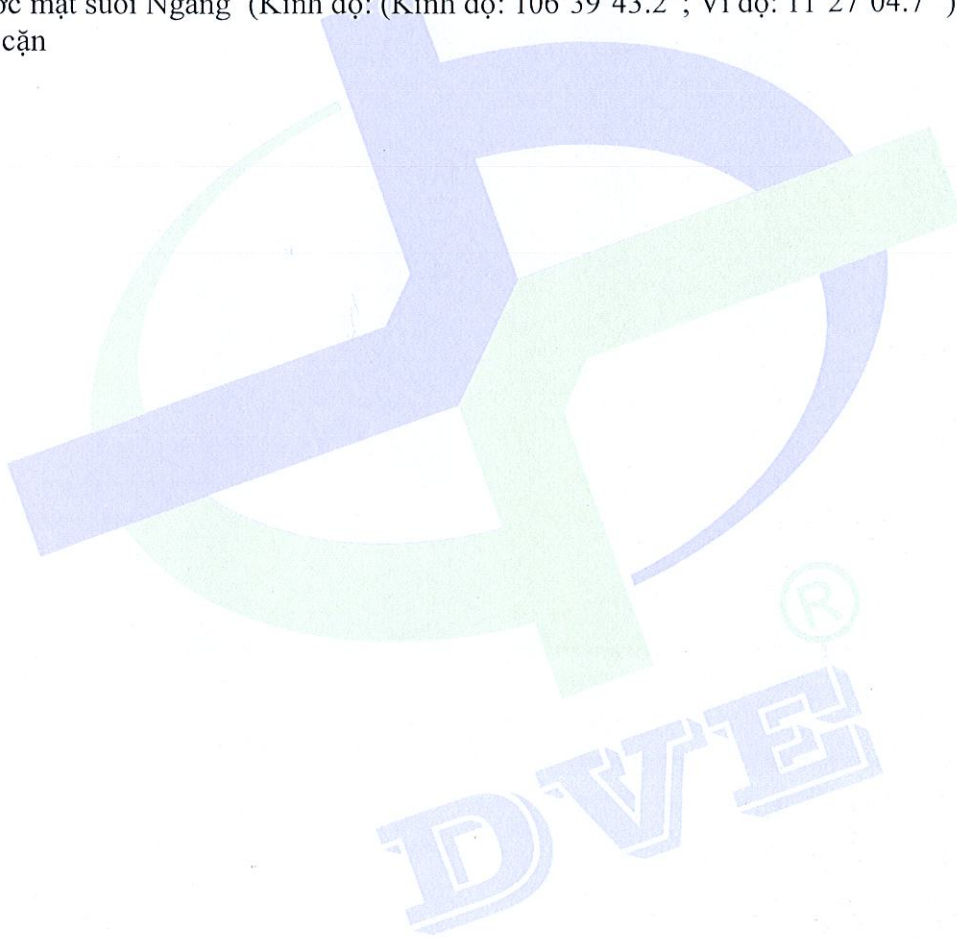
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Ngang (Kinh độ: (Kinh độ: 106°39'43.2"; Vĩ độ: 11°27'04.7'') – Nước hơi vàng, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **6/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0011/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT
(Mã số mẫu: 230111003_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000& SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	KPH (MDL=2,0)	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3111B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	5,3	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:☒ Đất TCVN 7538:2005**Ký hiệu vị trí lấy mẫu:**

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°38'27.0'', Vĩ độ: 11°27'30.2'') – Đất

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 7/7



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa chỉ : Lô B10 – B, KCN Becamex – Bình phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Giáp Thạch, Hồ Minh Hiếu
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 12/01/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 7/7

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM


KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230112004_KK01)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	30,5	63,9	0,3	67,1
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ

(Mã số mẫu: 230112004_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,16	0,058	0,063	5,25
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực công bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **3/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 230112004_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	6,99	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) [*]	mg/L	58	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat [*]	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N-NH ₄ ⁺) [*]	mg/L	0,06	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl ⁻) [*]	mg/L	40	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F ⁻) [*]	mg/L	0,23	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) [*]	mg/L	0,28	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,01)	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm nhà dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°39'35.2"; Vĩ độ: 11°26'32.0") – Nước

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 230112004_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đặc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	6,87	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	23	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	4,62	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	33	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	12	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	0,11	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	48	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N_NO ₂ ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)*	mg/L	0,58	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P_PO ₄ ³⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,26	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	14 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 5/7



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Ngang (Kinh độ: (Kinh độ: 106°39'43.2"; Vĩ độ: 11°27'04.7'') – Nước hơi vàng, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/00**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **6/7**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0015/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 230112004_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	KPH (MDL=2,0)	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	4,5	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:

☒ Đất TCVN 7538:2005

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°38'27.0'', Vĩ độ: 11°27'30.2'') – Đất

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 7/7



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
- Địa chỉ : Lô B10 – B, KCN Becamex – Bình phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Giáp Thạch, Hồ Minh Hiếu
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/01/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 7/7

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/7



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU (Mã số mẫu: 230113001_KK01)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	30,2	69,1	0,2	67,5
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/00
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

- KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230113001_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,15	0,060	0,065	5,26
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°38'27.5'', Vĩ độ: 11°27'32.8'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

(Mã số mẫu: 230113001_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	7,02	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)*	mg/L	53	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat*	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	0,07	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	39	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F ⁻)*	mg/L	0,25	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N_NO ₂ ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)*	mg/L	0,31	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm nhà dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°39'35.2"; Vĩ độ: 11°26'32.0'') – Nước trong, không cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **4/7**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

(Mã số mẫu: 230113001_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	6,94	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	27	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	4,72	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	37	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	14	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	0,15	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	55	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N_NO ₂ ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)	mg/L	0,63	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P_PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,29	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	20 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
 - Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
 - Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
 - Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
 - Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/00**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **5/7**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Ngang (Kinh độ: (Kinh độ: 106°39'43.2"; Vĩ độ: 11°27'04.7'') – Nước hơi vàng, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **6/7**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0016/2301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 230113001_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đặc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	KPH (MDL=2,0)	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	5,6	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:☒ Đất TCVN 7538:2005**Ký hiệu vị trí lấy mẫu:**

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°38'27.0'', Vĩ độ: 11°27'30.2'') – Đất

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

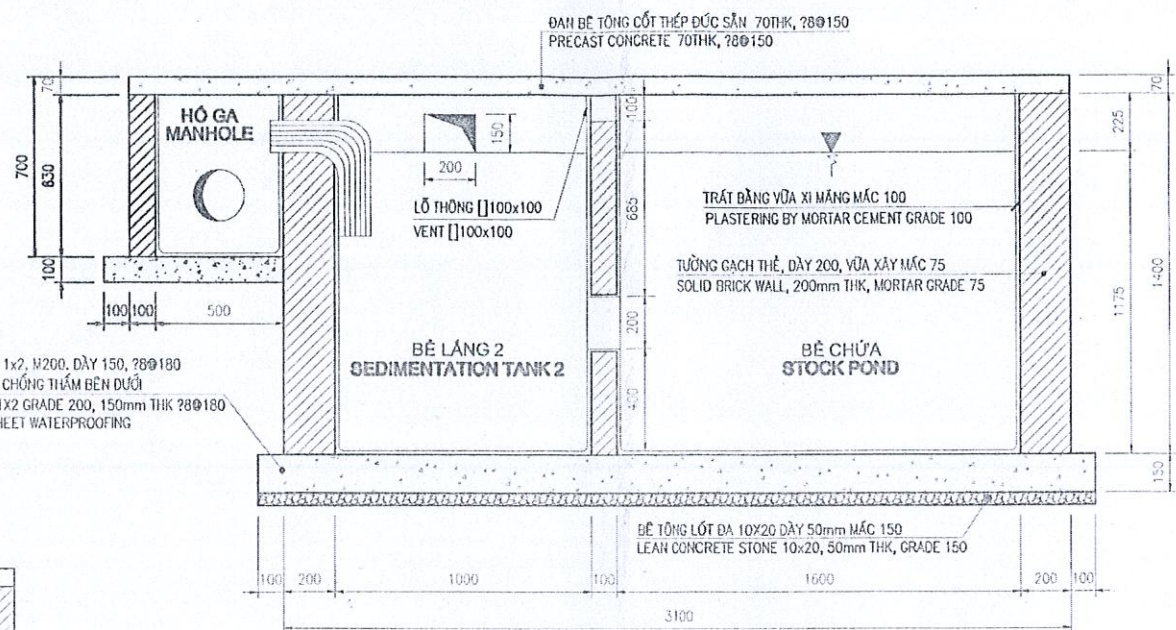
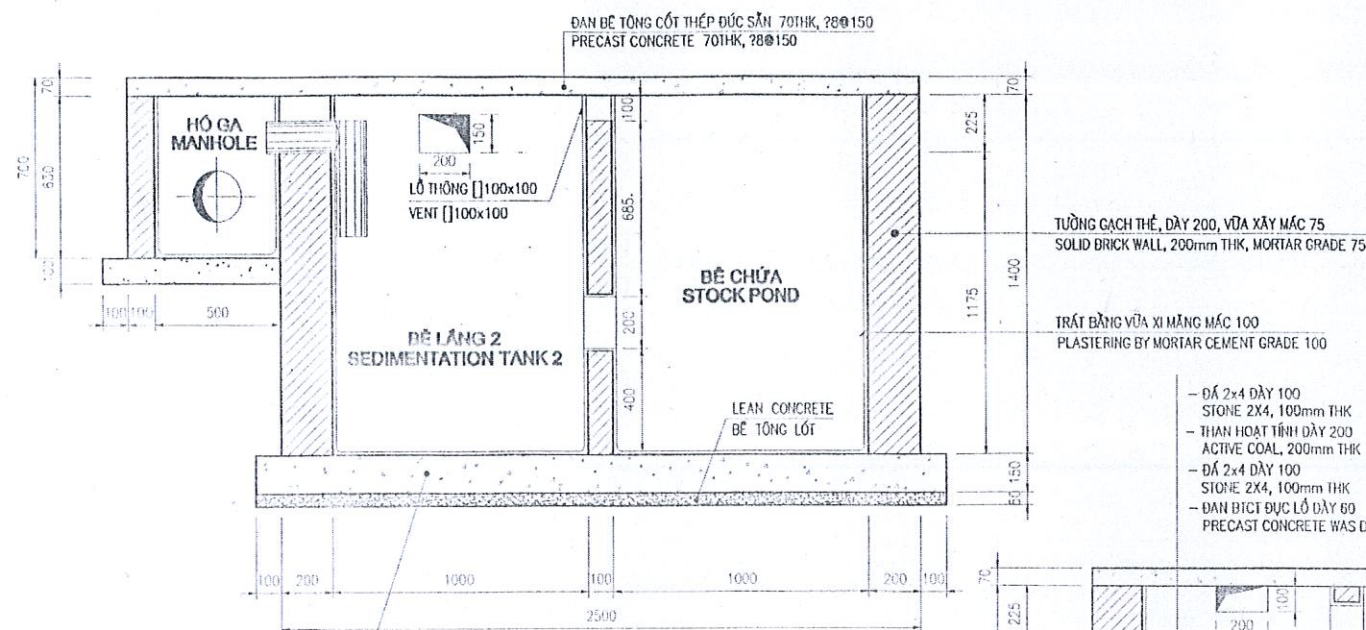
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

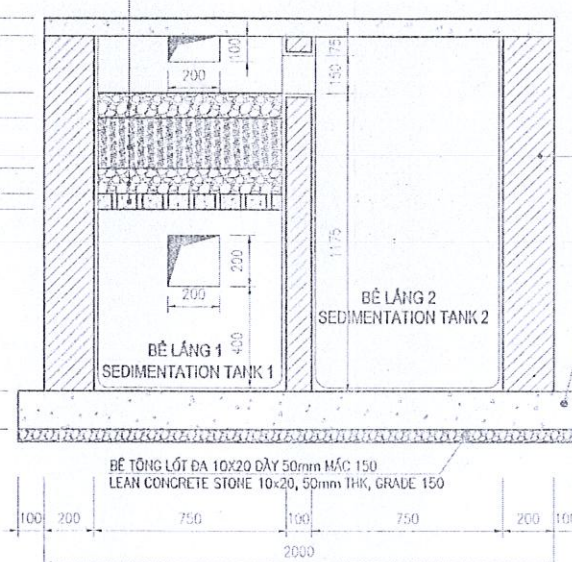
MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**

Trang: 7/7

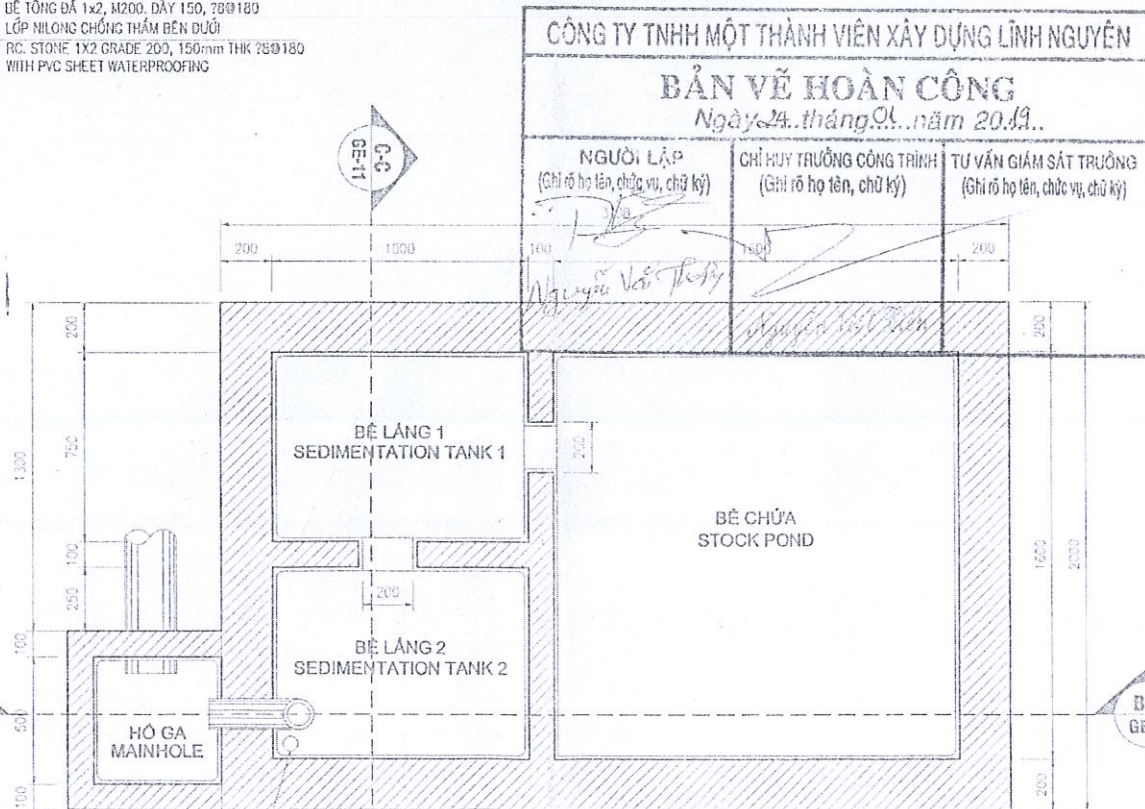


**MẶT CẮT A-A
SECTION A-A**
KHỔ A2 TỈ LỆ 1:20/A2 SIZE SCALE 1:20

**MẶT CẮT B-B
SECTION B-B**
KHỔ A2 TỈ LỆ 1:20/A2 SIZE SCALE 1:20



**MẶT CẮT C-C
SECTION C-C**
KHỔ A2 TỈ LỆ 1:20/A2 SIZE SCALE 1:20



**MẶT BẰNG HÀM TỰ HOẠI LOẠI 2
SEPTIC TANK PLAN-TYPE 2**
KHỔ A2 TỈ LỆ 1:20/A2 SIZE SCALE 1:20

GHI CHÚ/REMARKS:

I. KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP CONCRETE STRUCTURE

1. BÊ TÔNG LỚT ĐÁ 1x2 M150 LEAN CONCRETE AGG 1x2, G.150
2. BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 M200 CONCRETE AGG 1x2, G.200
3. REINFORCEMENT/CỐT THÉP
- ?<10, SD295
- ?>=10, SD390

II. KẾT CẤU THÉP STEEL STRUCTURE

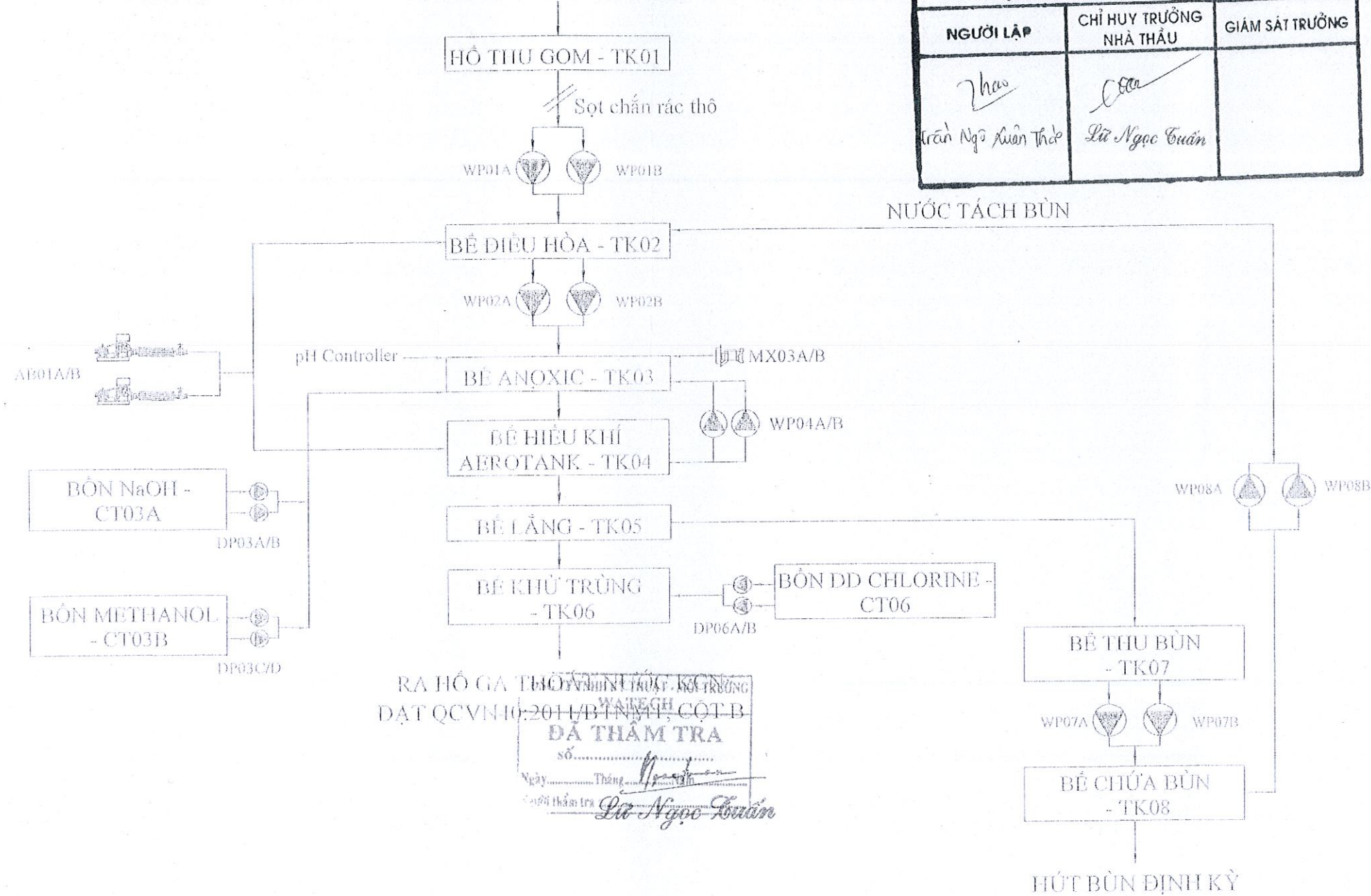
1. TẤT CẢ CÁC KẾT CẤU THÉP ĐIỀU MA KẼM HỒNG ALL STEEL STRUCTURE MUST BE HOT DIP GALVANIZE
2. CƯỜNG ĐỘ THÉP TẤM & THÉP HÌNH, R_e=2350 KG/CM² INTENSITY OF STEEL PLATE & SHAPE R_e=2350 KG/CM²
3. BULÔNG LIÊN KẾT 8.8 CONNECTION BOLTS 8.8
4. ANCHOR BOLTS 5.6 BULÔNG neo 5.6

**MẶT BẰNG HÀM TỰ HOẠI LOẠI 1
SEPTIC TANK PLAN-TYPE 1**
KHỔ A2 TỈ LỆ 1:20/A2 SIZE SCALE 1:20

LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE		CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:		REMARKS / GHI CHÚ:		DỰ ÁN PROJECT:		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		THIẾT KẾ / DESIGN:		Hạng mục: TỔNG THỂ GENERAL		Tên bản vẽ: Drawing No.	
☒ Bản vẽ xin phép Preliminary ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☒ Thiết kế Thi Công Construction Design ☐ Hướng dẫn Lắp Đặt		Hạng mục: TỔNG THỂ GENERAL		1. BẢN VẼ HÃY CHỈ MANG TÍNH THAM KHẢO KHÔNG PHẢI BẢN VẼ THI CÔNG		NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC		C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P. VIETNAM CORPORATION - BÌNH PHƯỚC FACTORY 2		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG OMEGA DESIGN CONSULTANTS COMPANY LIMITED OMEGA		Hạng mục: TỔNG THỂ GENERAL		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST., W.13, DIST.13, HCM CITY		CHƠI TH		HÀM TỰ HOẠI SEPTIC TANK	
		CHƠI TH						Địa chỉ: Khu Công Nghiệp, Truyền Cường, Thị Xã Bình Phước Address: BECMEX INDUSTRIAL ZONE, CHON THAM DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE		Địa chỉ: 68/60/40 Đường Hoàng Văn Thái, P.13, Q.13 - TP. HCM Add: 68/60/40 SU VANG THANG ST					

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NƯỚC THẢI SAU TỰ HOẠI
NƯỚC THẢI SAU TÁCH DẦU



RA HỒ GA THOÁT KHÍ
ĐẠT QCVN 10:2011/BTNMT, CỘT B
ĐÃ THẨM TRA
số.....
Ngày.....Tháng.....
Người thẩm tra: *Lưu Ngọc Tuấn*

GHI CHÚ:				
-TK01: HỒ THU GOM	-TK05: BỂ LẮNG	-WP01A/B: BƠM HÚT THẢI GOM	-CT03A: BỒN DD NaOH	-AG03A: MOTOR KHUAY BỒN NaOH
-TK02: BỂ ĐIỀU HÒA	-TK06: BỂ KHỬ TRÙNG	-WP02A/B: BƠM ĐIỀU HÒA	-CT03B: BỒN DD METHANOL	-AG03B: MOTOR KHUAY BỒN METHANOL
-TK03: BỂ SINH HỌC THỂ KHÍ	-TK07: BỂ THU BÙN	-WP03A/B: BƠM TẠO HỒN BỂ ĐIỀU HÒA	-CT06: BỒN DD CHLORINE	-AG06: MOTOR KHUAY BỒN CHLORINE
-TK04: BỂ SINH HỌC THỂ KHÍ	-TK08: BỂ CHỨA BÙN	-WP04A/B: BƠM TẠO HỒN BỂ ĐIỀU HÒA	-DP04A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG NaOH	————— ĐƯỜNG DẪN NƯỚC
		-WP05A/B: BƠM HÚT THU BÙN	-DP03C/D: BƠM ĐỊNH LƯỢNG METHANOL	————— ĐƯỜNG DẪN KHÍ
		-AB01A/B: MÁY PHÂN KHI	-DP06A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE	————— ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT
		-MNG0A/B: MÁY KHUYA CHÈM		————— ĐƯỜNG DẪN BÙN

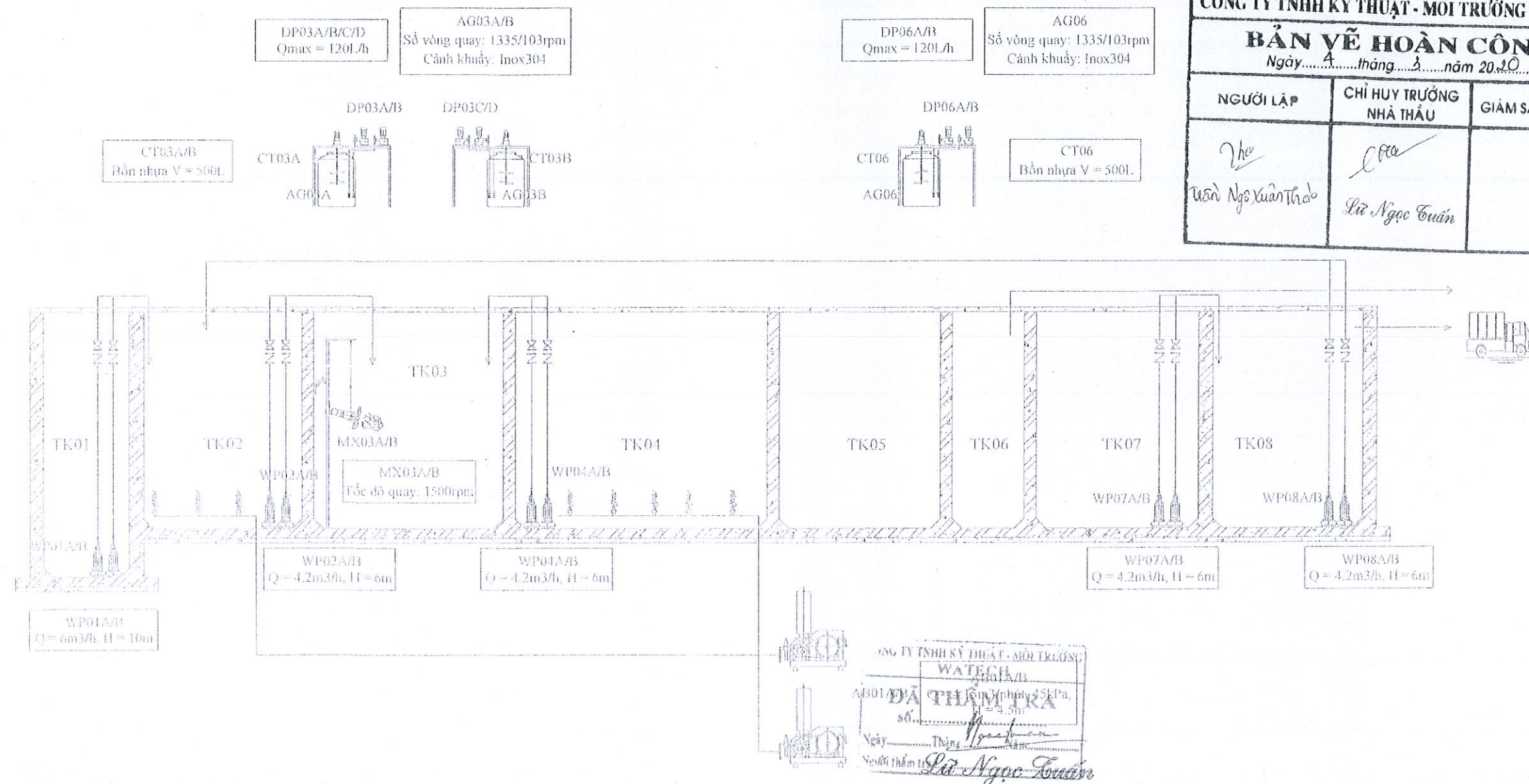
C.P.VIETNAM CORPORATION
PROJECT CENTER
AGRO FEED
DATE:/...../.....

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....4.....tháng.....3.....năm 2020.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG NHÀ THẦU	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Trần Ngô Xuân Thạc</i>	<i>Lưu Ngọc Tuấn</i>	

PROJECT TITLE: TÊN CÔNG TRÌNH:	WASTE WATER TREATMENT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
OWNER: CHỦ ĐẦU TƯ:	 C.P. VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION ADDRESS: NO. 2, 2A STREET, BIÊN HOÀ 2 INDUSTRIAL PARK, BIÊN HOÀ CITY, DONG NAI PROVINCE
REPRESENTATIVE OF THE OWNER: ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:	 Nguyễn Minh Thắng
REPRESENTATIVE OF CONTRACTOR: ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG:	 CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH ADDRESS: 15 NGUYỄN LƯƠNG ĐUNG STREET, LIN PHU WARD, DIST 7, HCMC
APPROVAL: PHÊ DUYỆT:	 TRẦN QUANG TRUNG
CHECK: NGƯỜI KIỂM:	 TS. TRẦN QUANG TRUNG
DESIGNER: THIẾT KẾ:	 LƯU NGỌC TUẤN
BẢN VẼ THI CÔNG CONSTRUCTION DRAWING	
TITLE TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
DATE/NGÀY	SHEET NO. SỐ BẢN VẼ
SCALE/TỶ LỆ	WATERMARK/CHỮ NƯỚC

Nguyễn Đông Sơ

SƠ ĐỒ P&ID HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:			
TK01: BỂ THU GOM	WP01A/B: BƠM HƠ THU GOM	CT03A: BƠM DI NƯỚC	AG03A: MOTOR KHUAY BƠM NƯỚC
TK02: BỂ ĐIỀU HÒA	WP02A/B: BƠM ĐIỀU HÒA	CT03B: BƠM DI METHANOL	AG03B: MOTOR KHUAY BƠM METHANOL
TK03: BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ	WP03A/B: BƠM TUẦN HOÀN BỂ THIỂU KHÍ	CT06: BƠM DI CHLORINE	AG06: MOTOR KHUAY CHLORINE
TK04: BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ	WP04A/B: BƠM ĐIỀU HÒA	DP03A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC	DP03C/D: BƠM ĐỊNH LƯỢNG METHANOL
TK05: BỂ LẮNG	WP05A/B: BƠM BỂ CHỨA Bùn	DP06A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE	AG06A: MOTOR KHUAY BƠM NƯỚC
TK06: BỂ KHUẾ TRƯNG	AG01A/B: MÁY THỔI KHÍ	AG03A: MOTOR KHUAY BƠM NƯỚC	AG03B: MOTOR KHUAY BƠN METHANOL
TK07: BỂ THU BƠM	MX03A/B: MÁY KHUYA CHỤM	AG06: MOTOR KHUAY CHLORINE	AG06A: MOTOR KHUAY BƠM NƯỚC
TK08: BỂ CHỨA Bùn			

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày...4...tháng...3...năm 20...0...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG NHÀ THẦU	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Nguyễn Xuân Thảo</i>	<i>Lữ Ngọc Tuấn</i>	



REPRESENTATIVE OF CONTRACTOR
Đại diện nhà thầu thi công

APPROVED: *[Signature]*
PHÊ DUYỆT

TRẦN QUANG TRUNG
CHỨC: NGƯỜI KIỂM

KS. TRẦN QUANG TRUNG
DESIGNER: THIẾT KẾ: *[Signature]*
LỮ NGỌC TUẤN

C.P.VIETNAM CORPORATION
PROJECT CENTER
AGRO FEED
DATE:/...../.....

Nguyễn Đông Po

BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING

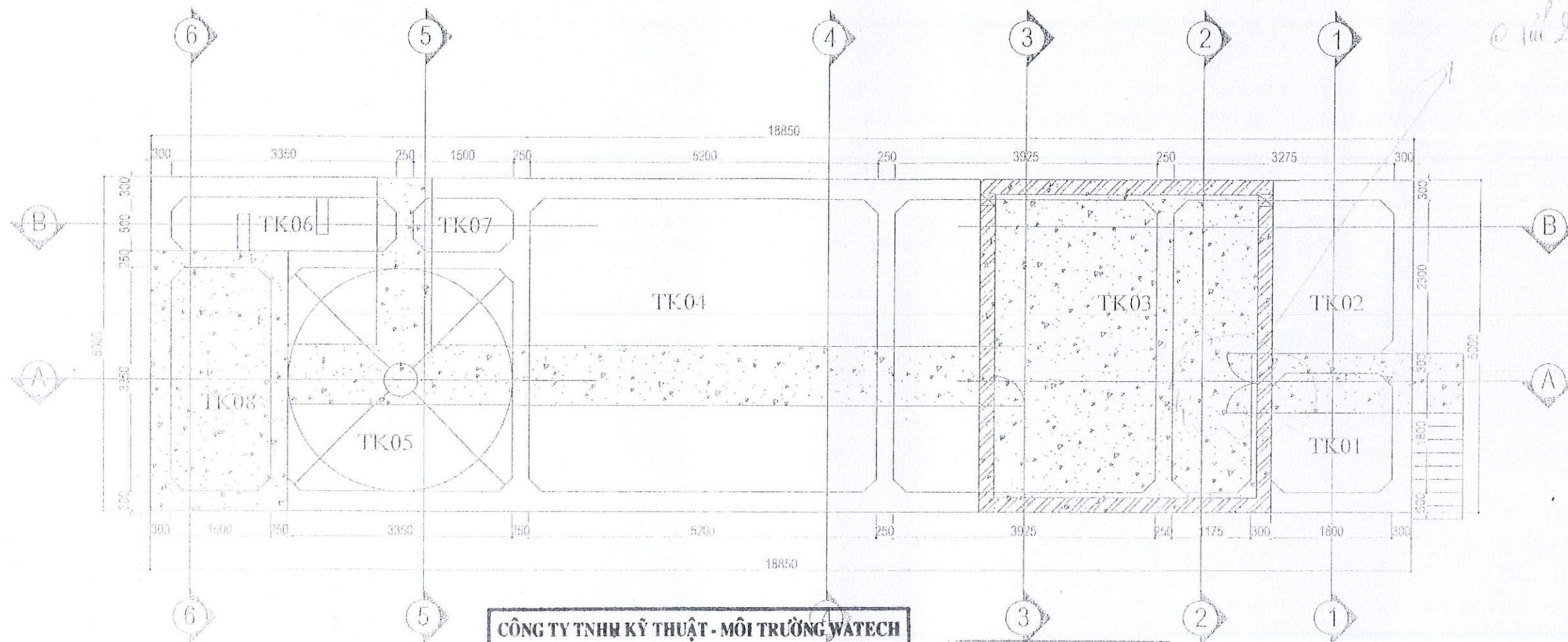
TITLE
TÊN BẢN VẼ

P&ID

DATE/NGÀY: SHEET NO./SỐ BẢN VẼ

SCALE/TỶ LỆ: WATECH/03/20...

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.../.../... tháng.../... năm 20.../...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG NHÀ THẦU	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Thao</i> Trần Ngọc Xuân Thao	<i>Trần</i> Lữ Ngọc Xuân	

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH

ĐÃ THẨM TRA
Số.../.../...

Ngày.../.../... Tháng.../... Năm.../.../...

Người thẩm tra: *Lữ Ngọc Xuân*

CHỈ CHỮ:					
TK01: HỒ THU GOM	TK05: BỂ LẠNG	WP01A/B: BƠM ĐÓ THU GOM	CT03A: BỒN DD NaOH	AG03A: MOTOR KHUẤY BỒN NaOH	
TK02: BỂ ĐIỀU HÒA	TK06: BỂ KHỬ TRÙNG	WP02A/B: BƠM BỂ ĐIỀU HÒA	CT03B: BỒN DD METHANOL	AG03B: MOTOR KHUẤY BỒN METHANOL	
TK03: BỂ SINH HỌC THỂ KHÍ	TK07: BỂ THU BÚN	WP03A/B: BƠM TẠO HỖN BỂ ĐIỀU HÒA	CT06: BỒN DD CHLORINE	AG06: MOTOR KHUẤY CHLORINE	
TK04: BỂ SINH HỌC HIỂU KHÍ	TK08: BỂ CHỨA BÚN	WP04A/B: BƠM BỂ THU BÚN	DP03A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG NaOH		
		WP05A/B: BƠM BỂ CHỨA BÚN	DP03C/D: BƠM ĐỊNH LƯỢNG METHANOL		
		AB01A/B: MÁY THỔI KHÍ	DB06A/B: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE		
		MX03A/B: MÁY CHUYỂN CHÌM			

C.P. VIETNAM CORPORATION
PROJECT CENTER
AGRO FEED
DATE: .../.../...

Nguyễn Đông Po

PROJECT TITLE:
TÊN CÔNG TRÌNH:

WASTE WATER TREATMENT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

OWNER:
CHỦ ĐẦU TƯ:

C.P. GROUP
C.P. VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION
ADDRESS: NO. 2, 2A STREET, BINH HOA 2 INDUSTRIAL PARK, BINH HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

REPRESENTATIVE OF THE OWNER
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

Nguyễn Minh Thắng

REPRESENTATIVE OF CONTRACTOR
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG:

APPROVED:
PHÊ DUYỆT:

Trần Quang Trung

CHECK:
NGƯỜI KIỂM:

KS. TRẦN QUANG TRUNG

DESIGNER:
THIẾT KẾ:

Lữ Ngọc Xuân

BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING

TITLE
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DATE/NGÀY:

SHEET NO.
SỐ BẢN VẼ:

SCALE/TỶ LỆ:

WWT/150M/01

PROJECT TITLE :
TÊN CÔNG TRÌNH :

WASTE WATER TREATMENT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢIOWNER;
CHỦ Đ. (V.T.Ư):

C.P. VIETNAM LIVESTOCK
CORPORATION

ADDRESS: NO. 2, 24 STREET, BIEN
HOA 2 INDUSTRIAL PARK, BIEN
HOA CITY, DONG NAI PROVINCE.

REPRESENTATIVE OF THE OWNER
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



CONTENTS:



REPRESENTATIVE OF
CONTRACTOR
DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

APPROVED:
PHÊ DUYỆT

TRẦN QUANG TRUNG

CHECK:
NGƯỜI KIỂM: /

TS. TRẦN QUANG TRUNG

DESIGNER:
THIẾT KẾ:

LÊ NGỌC TUẤN

BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION
DRAWING

TÊN BÀI VIẾT

MẶT CẮT 3-3
MẶT CẮT 4-4

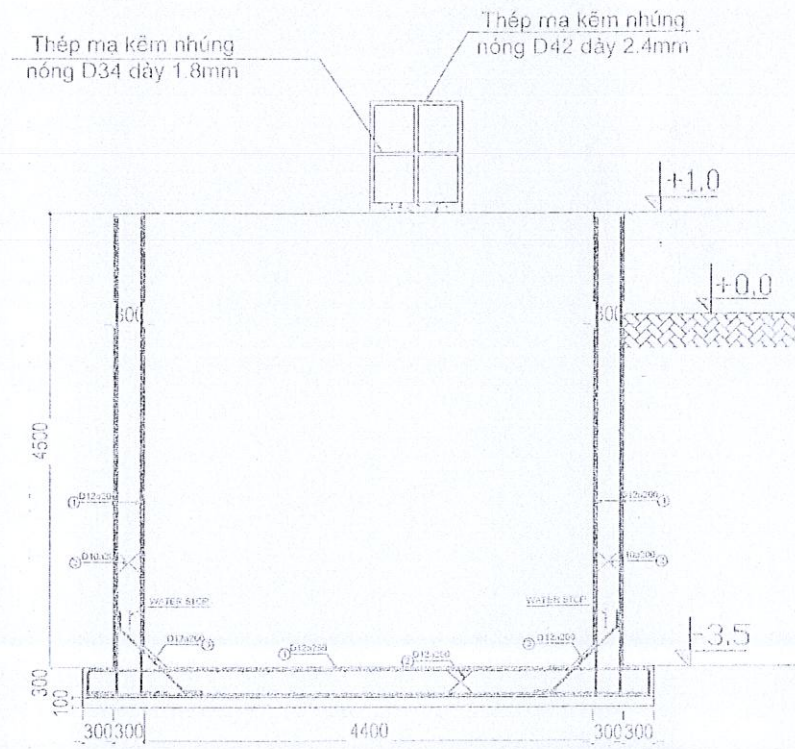
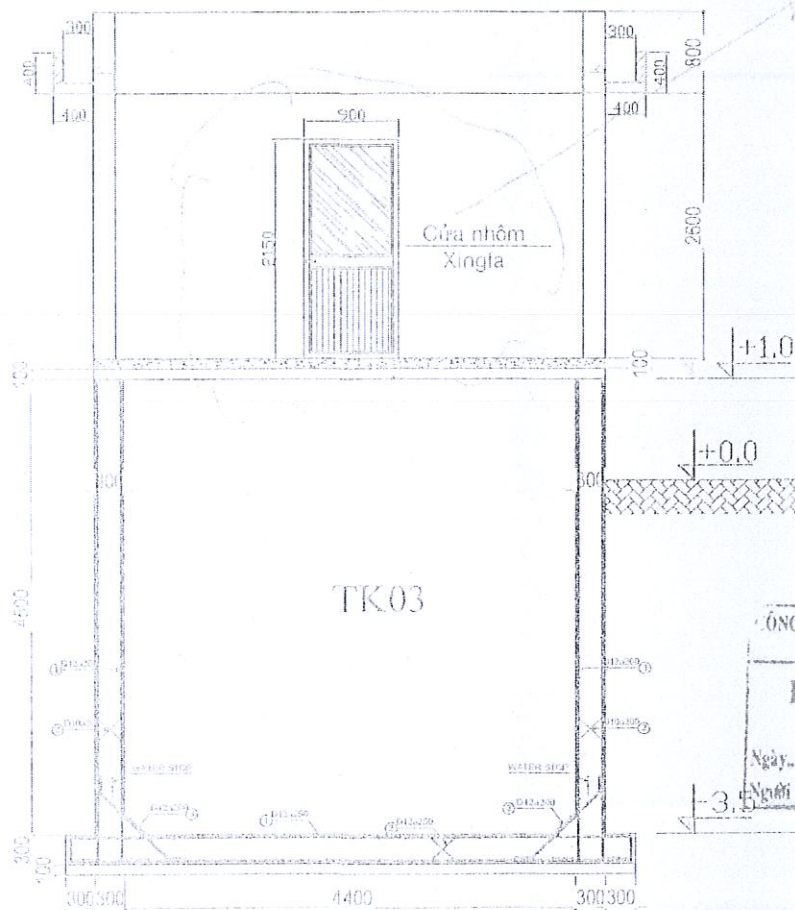
DATE/NGIV:

SHEET NO.

SCAMPTYLE.

77P150A13 009

MẶT CẮT 4 - 4



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG
WATECH

ĐÃ THẨM TRA

Ngày.....Tháng.....
Viết

Người thẩm tra *Lữ Ngọc Trùng*

CHI TIẾT CỦA NHÓM

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....4.....tháng.....3.....năm 20.26.....

NGƯỜI LẬP

CHI HUY TRƯỜNG
MÀ LÀ THÂN

GIÁM SÁT TRƯỞNG

Thảo
Trần Ngô Xuân Thảo

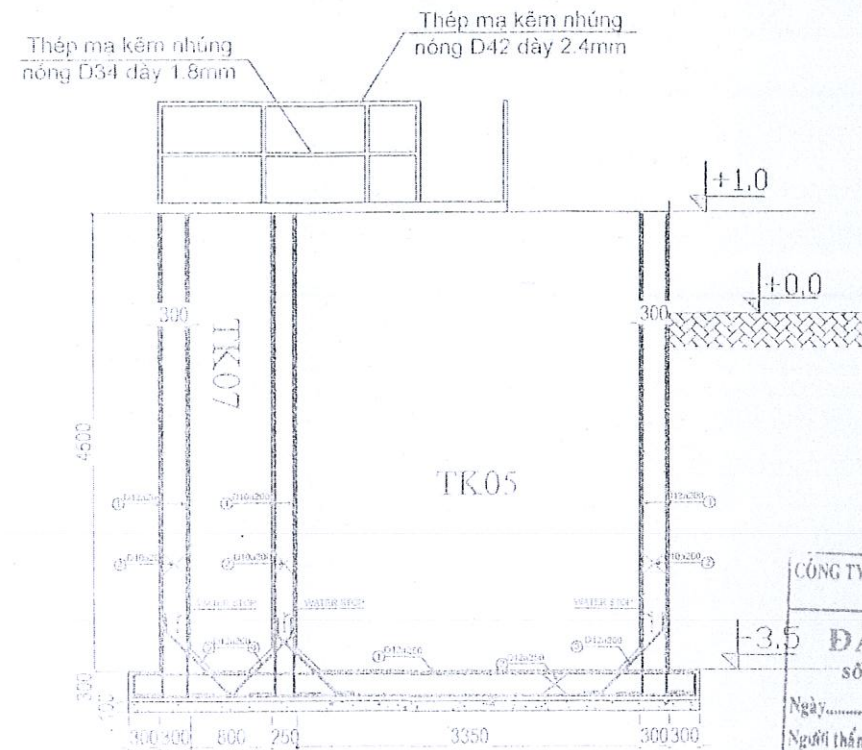
Pha
Lữ Ngọc Xuân

C.P. VIETNAM CORPORATION
PROJECT CENTER
AGRO FEED
DATE:/...../.....

Nguyễn Đông Sơ

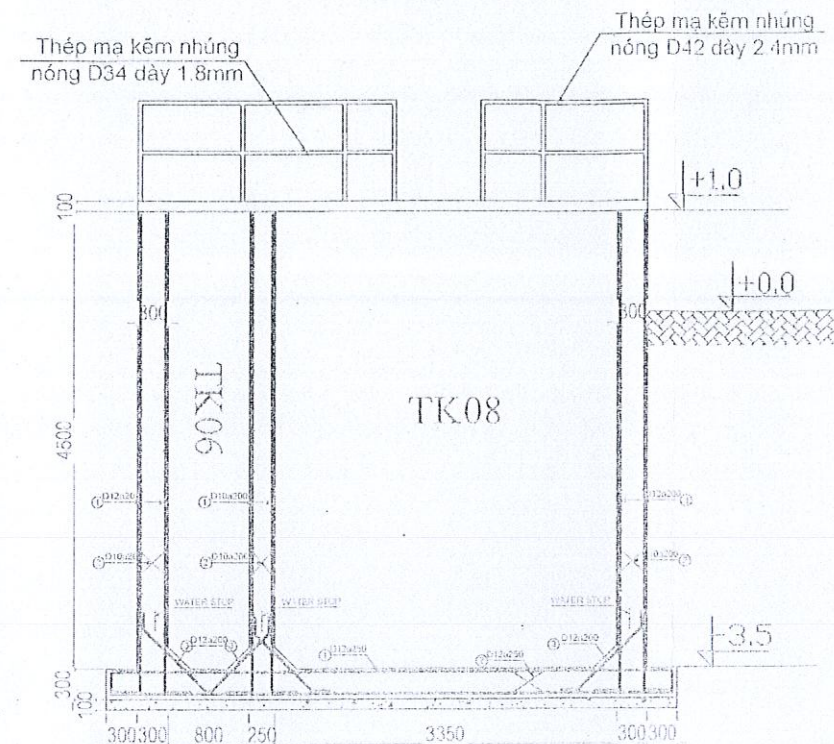
MẶT CẮT 5-5, 6-6
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 5-5
BỐ TRÍ THÉP

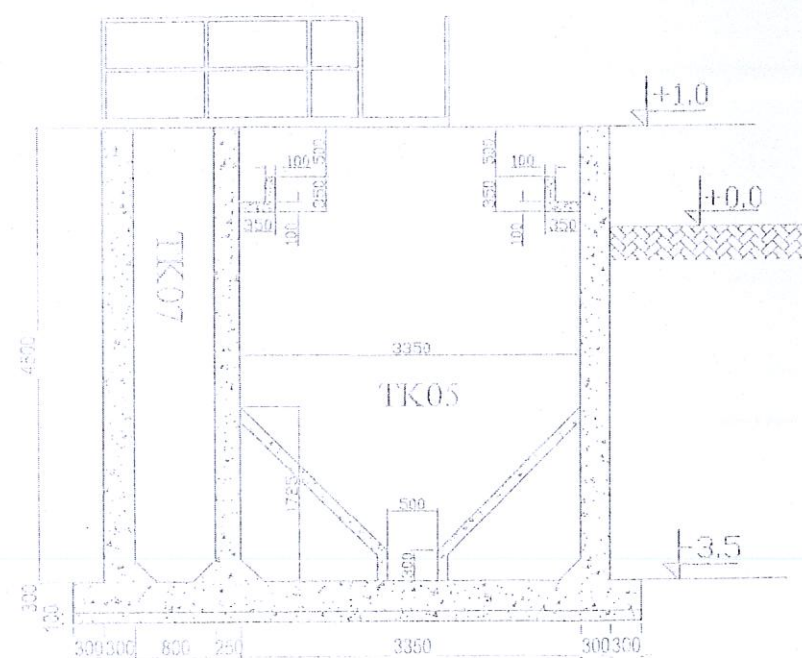


CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG
WATECH
ĐÃ THẨM TRA
số.....
Ngày.....Tháng.....
Người thẩm tra: *Lữ Ngọc Tuấn*

MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 5-5
BÊ TÔNG



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....4.....tháng.....3.....năm 2020.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG NHÀ THẦU	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Trần Ngọc Xuân Thảo</i>	<i>Lữ Ngọc Tuấn</i>	

C.P.VIETNAM CORPORATION
PROJECT CENTER
AGRO FEED
DATE:/...../.....

Nguyễn Đông Sơ

PROJECT TITLE:
TÊN CÔNG TRÌNH:

WASTE WATER TREATMENT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

OWNER:
CHỦ ĐẦU TƯ:



C.P. VIETNAM LIVESTOCK
CORPORATION
ADDRESS NO. 2, 21 STREET, BINH
HOA 2 INDUSTRIAL PARK, BINH
HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

REPRESENTATIVE OF THE OWNER
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Minh Thắng



ADDRESS: 1st FLOOR, 43
NGUYEN TUONG BINH STREET
TAN PHU QUANG, DIST. 7, HCMC

REPRESENTATIVE OF
CONTRACTOR
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

APPROVED:
ĐÃ DUYỆT

Trần Quang Trung

CHECK:
NGƯỜI KIỂM TRA

Trần Quang Trung

DESIGNER:
THIẾT KẾ

Lữ Ngọc Tuấn

BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION
DRAWING

TITLE:
TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 5-5
MẶT CẮT 6-6

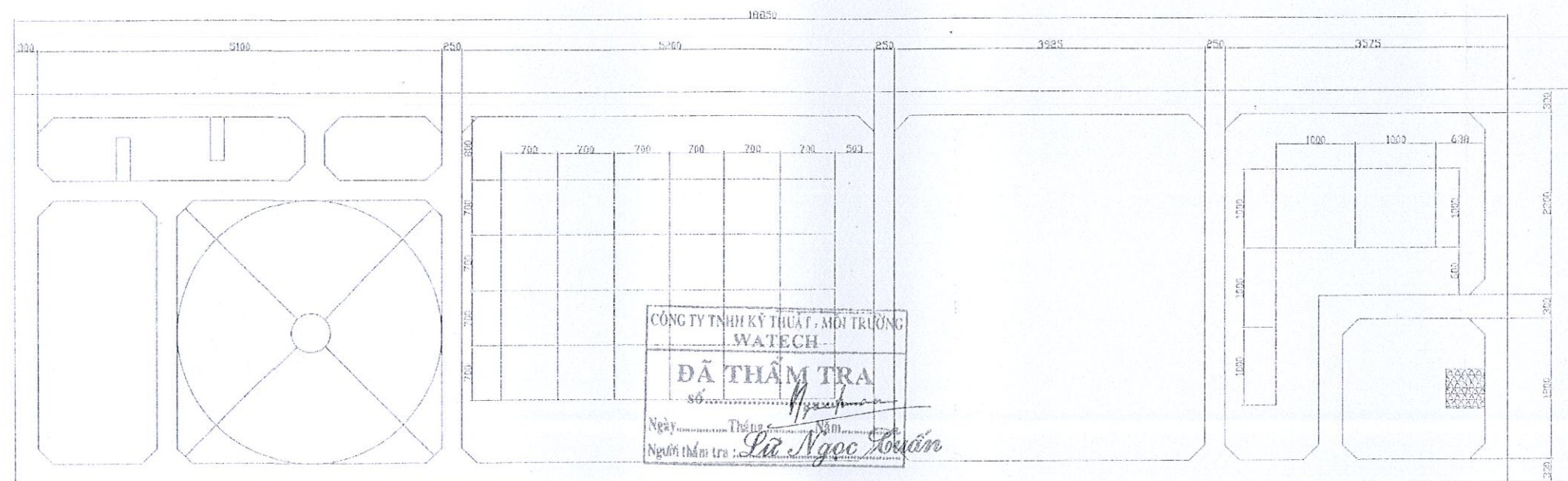
DATE/NGÀY:

SCALE/TỶ LỆ:

SHEET NO.
SỐ BẢN VẼ

WWT/PT/000.010

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐĨA THỜI KHÍ.



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - MÔI TRƯỜNG WATECH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....4.....tháng...3.....năm 20..10.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG NHÀ THẦU	GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Thao</i> Lữ Ngọc Xuân Thao	<i>Lữ Ngọc Xuân</i> Lữ Ngọc Xuân	

C.P. VIETNAM CORPORATION	
PROJECT CENTER	
AGRO FEED	
DATE:/...../.....	

PROJECT TITLE :
TÊN CÔNG TRÌNH :

WASTE WATER TREATMENT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

OWNER :
CHỦ ĐẦU TƯ :



C.P. VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION
ADDRESS: NO 2, 2A STREET, BIEN HOA 2 INDUSTRIAL PARK, BIEN HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

REPRESENTATIVE OF THE OWNER
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Minh Thắng



REPRESENTATIVE OF CONTRACTOR
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

APPROVED:
PHÊ DUYỆT

TRẦN QUANG TRUNG

CHECK:
NGƯỜI KIỂM

KS. TRẦN QUANG TRUNG

DESIGNER:
THIẾT KẾ

LỮ NGỌC TUẤN

BẢN VẼ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING

TITLE
TÊN BẢN VẼ

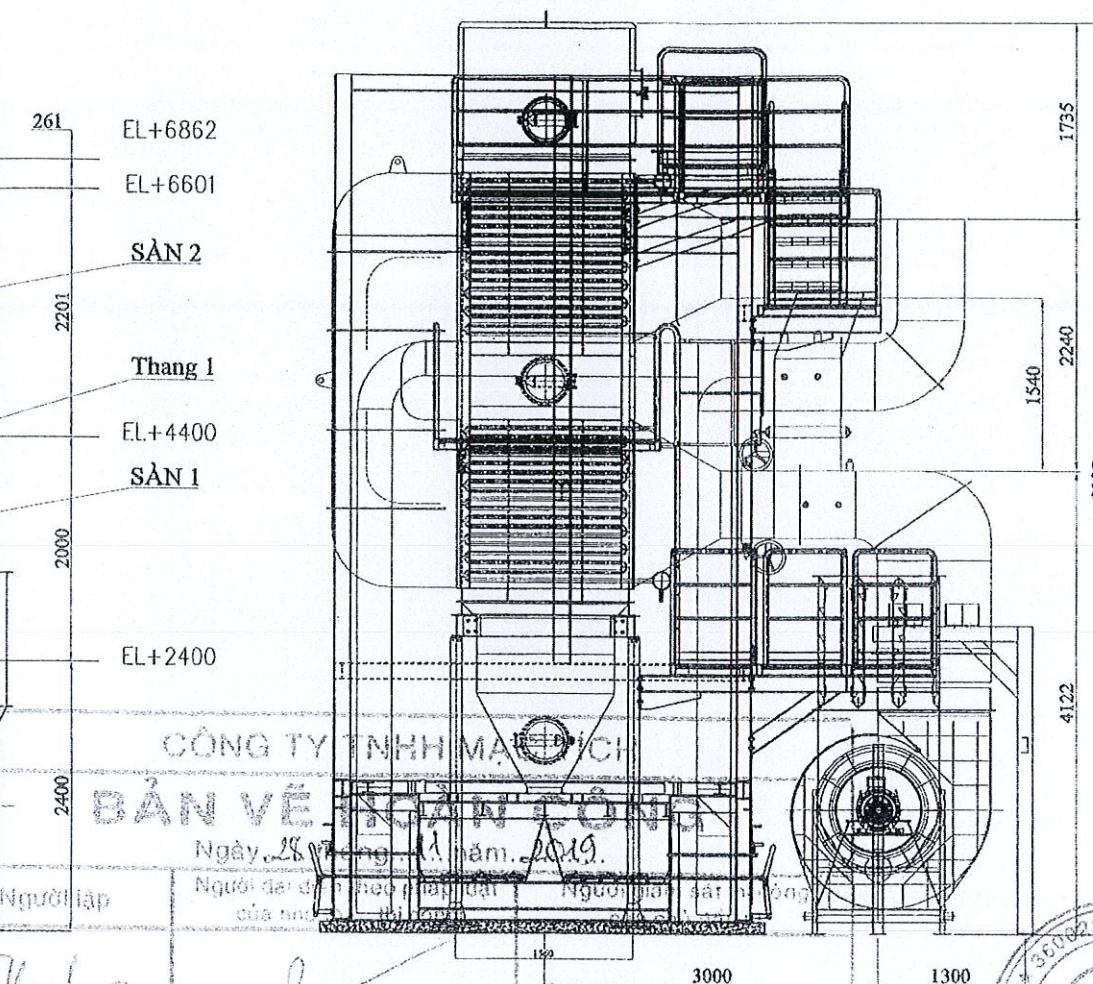
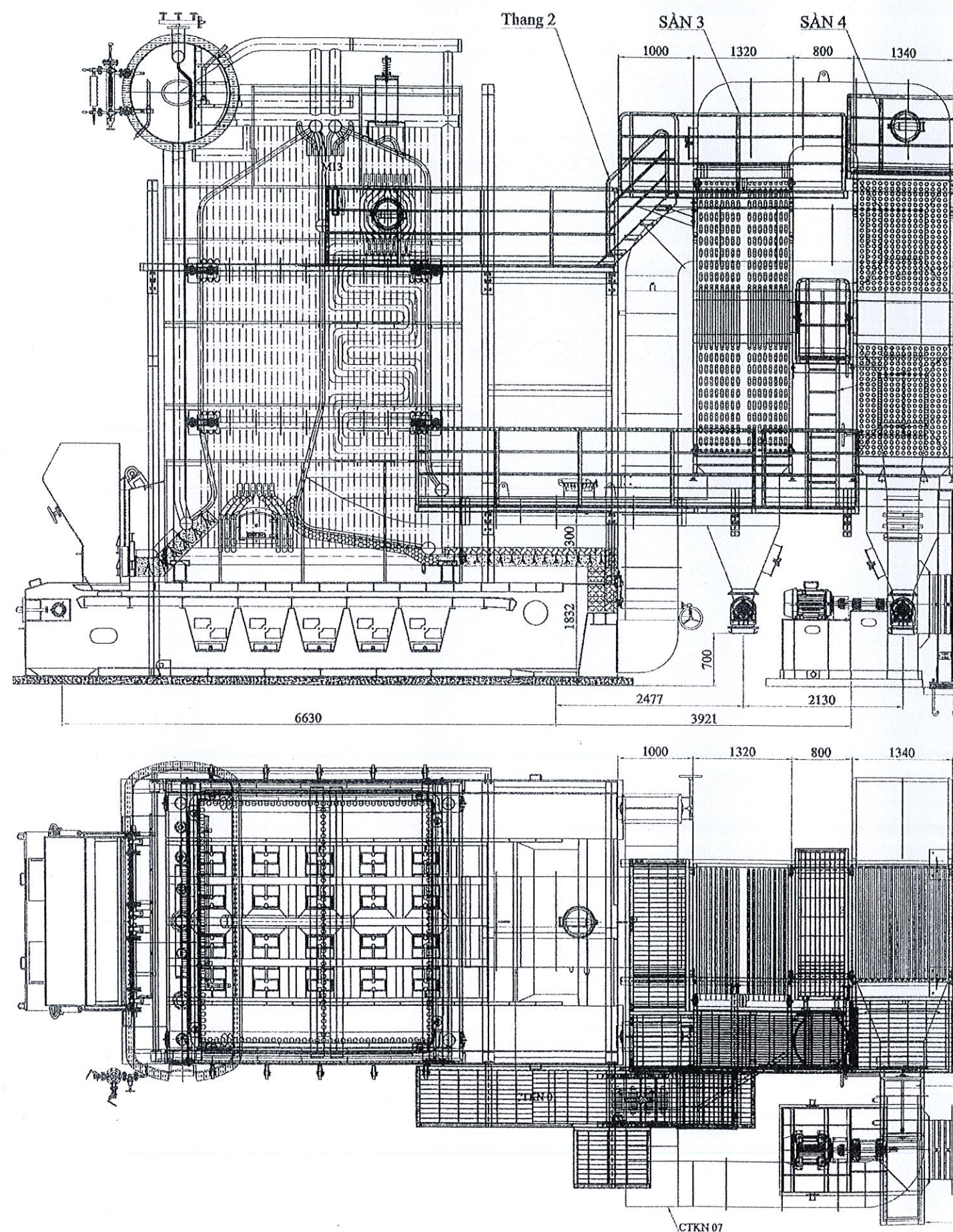
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐĨA THỜI KHÍ

DATE/NGÀY

SHEET NO.
SỐ BẢN VẼ

SCALE/TỶ LỆ

WWTP150_0018



CÔNG TY TNHH MẠC

BẢN VẼ **HOÀN CÔNG**

Ngày 28 tháng 1 năm 2019

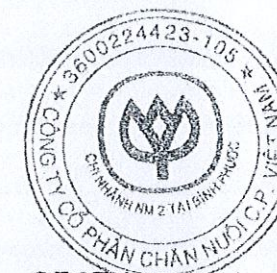
Người lập

Người đại diện theo pháp luật: _____ Người giám sát: _____

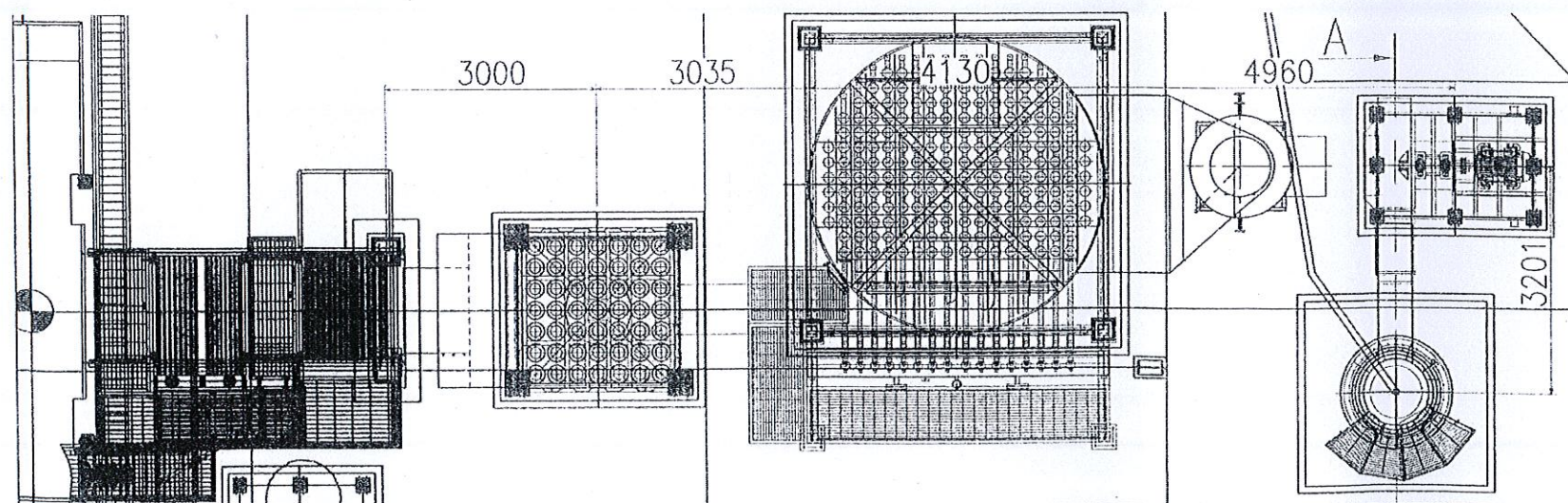
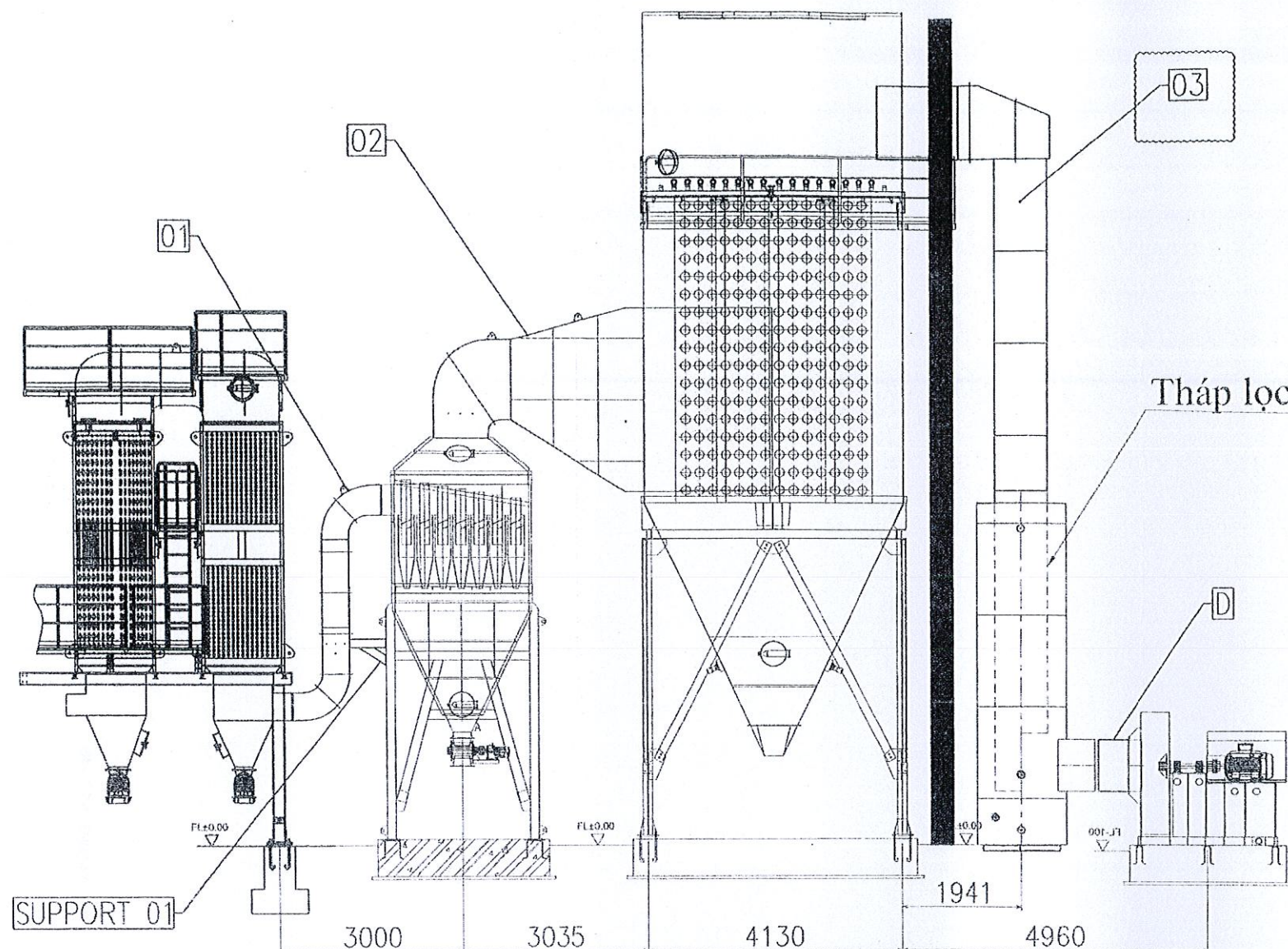
PHAN QUANG CHÁNH
TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Nguyễn Đông Sơ

[illegible]



SECTION A-A



CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH		Người giám sát thi công của chủ đầu tư	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		Người lập	
Ngày vẽ tháng 11 năm 2019		Phạm Như Hưng	
Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công		Nguyễn Đông Sơ	

SUPPORT 02

3201

CTKN CBP-32-18

KHỐI LƯỢNG (KG)		DIỆN TÍCH SƠN (M2)	
CTKN	SUPPORT	MẶT TRONG	MẶT NGOÀI
3190	87	95	103

No	Date	Revision	Name
02			
01			
FILE NAME CTKN		SCALE	EQUIPMENT CTKN
SIZE		REV: 02	COMPONENT CTKN
DRAWN	09/03/19	Nguyễn Th Hùng	MARTECH BOILER ENGINEERING CBP-32-18
CHECK	09/03/19	Phạm Như Hưng	
APPR.	09/03/19	Phạm Như Hưng	
ISSUED	09/03/19	Phạm Như Hưng	
PROJECT NO. 18-210/CV(01)		MANU. NO. 2329	DWG NO
BẢN VẼ LẬP			01
			TOTAL DWG. 08



- Lưu lượng: 27000 m³/hr
- Nhiệt độ hoạt động: <300°C
- Trở lực : 300 Pa
- Hiệu suất lọc 85%, với kích thước hạt bụi >20µm
- Khối lượng khung chân: 1048 Kg
- Diện tích sơn khung chân: 35 m²
- Khối lượng thân+phễu+chóp: 2139 Kg
- Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt ngoài): 50 m²
- Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt trong): 65,3 m²
- Số lượng cyclone con: 49
- Khối lượng cyclone con: 2178 Kg
- Diện tích sơn cyclone con: 69 m²
- Khối lượng cầu: 5365 kg



CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 28 tháng 11 năm 2019		
Name plate	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
 Phạm Duy Hoàng	 Phạm Như Hùng	 Nguyễn Đông Sơ

02					
01					
No	Date	Revision			Name
FILE NAME		SCALE	EQUIPMENT	COMPONENT	
CYCLONE ĐA CẤP		FIT	CYCLONE ĐA CẤP	CYCLONE ĐA CẤP	
SIZE	A4	REV:	02		
DRAWN	07/01/19	Nguyễn Thiên Hùng	 MARTECH BOILER ENGINEERING CBP-32-18 10T		
CHECK	07/01/19	Phạm Như Hưng			
APPR.	07/01/19	Lê Anh Tuấn			
ISSUED	07/01/19	Lê Anh Tuấn			
PROJECT NO. 18-210/(CV01)		MANU. NO. 2329		DWG NO	TOTAL DWG.
BẢN VẼ LẬP		02		08	

A

B

C

D

E

F

A

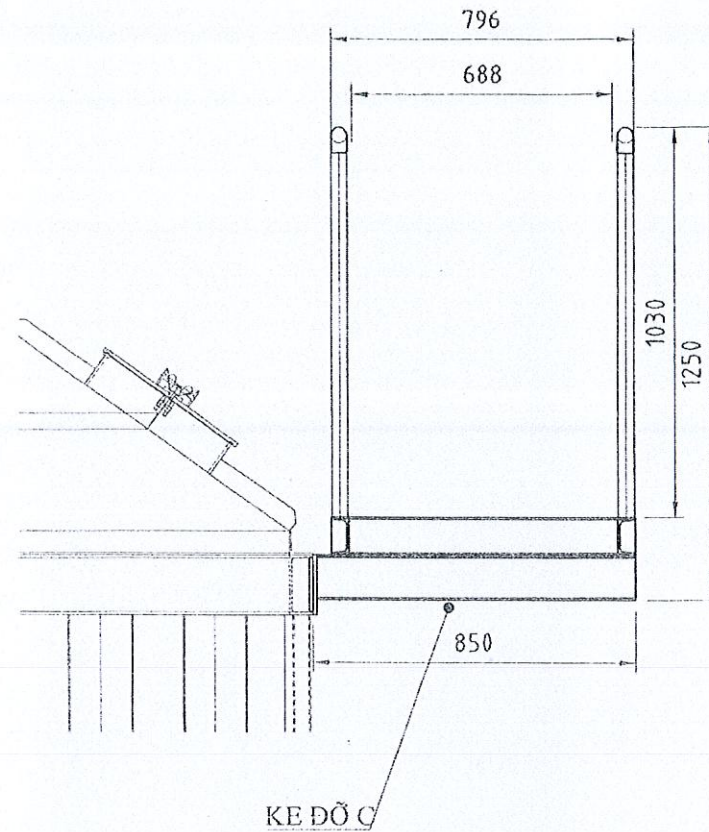
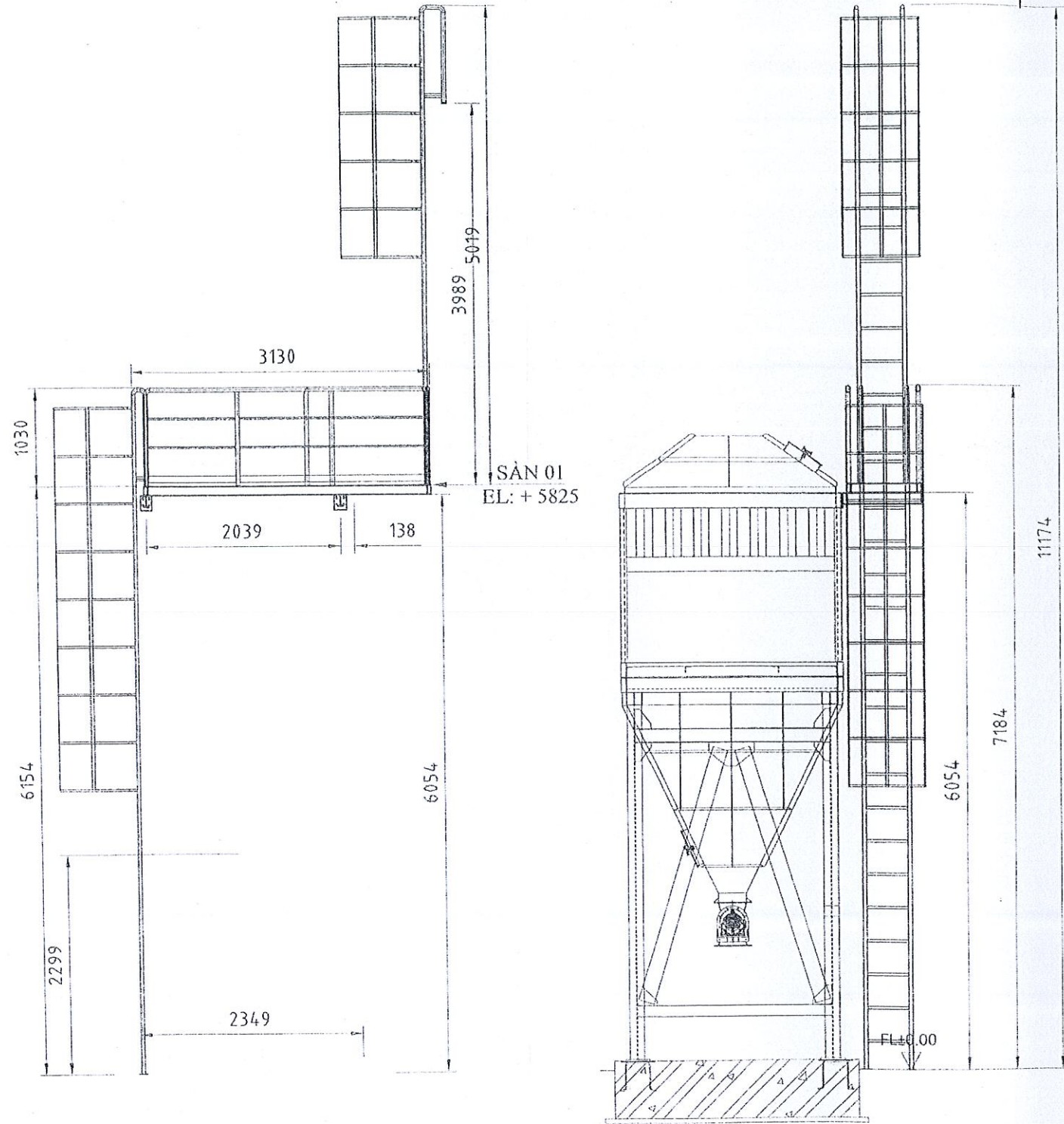
B

C

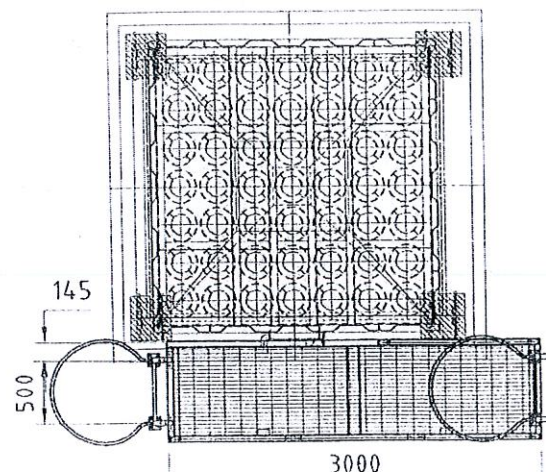
D

E

F



Sàn thao tác Cyclone CBP-32-18
 Tổng khối lượng: 270.5 Kg
 - KL Sàn + LC + TL : 188 Kg
 - KL Ke đỡ: 22 Kg
 - KL Grating: 60.5 Kg
 - Chiều dài lắp Grating: 3000 mm
 Tổng diện tích sơn: 15 m²
 - DTS Ke: 0.9 m²
 - DTS Sàn + LC + TL: 14.1 m²



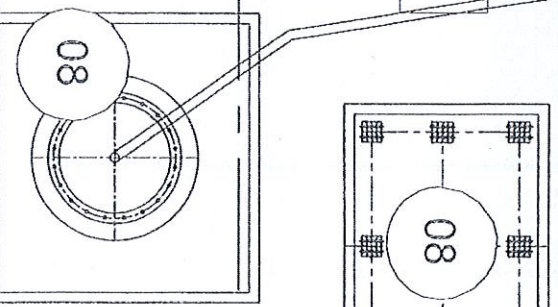
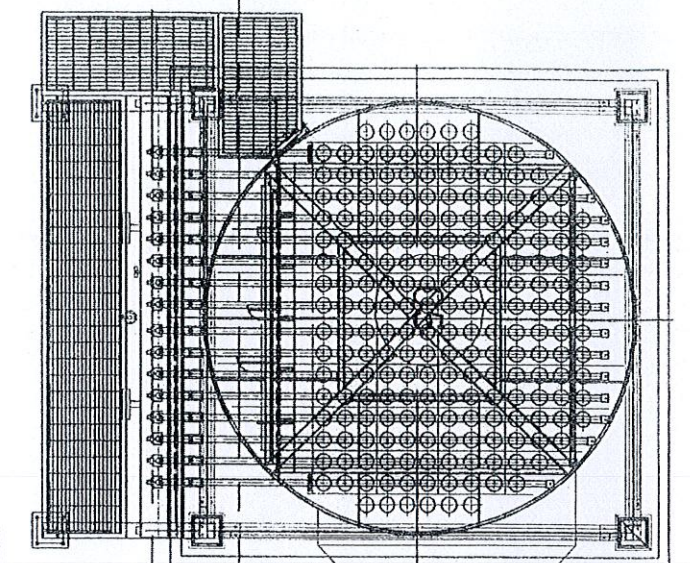
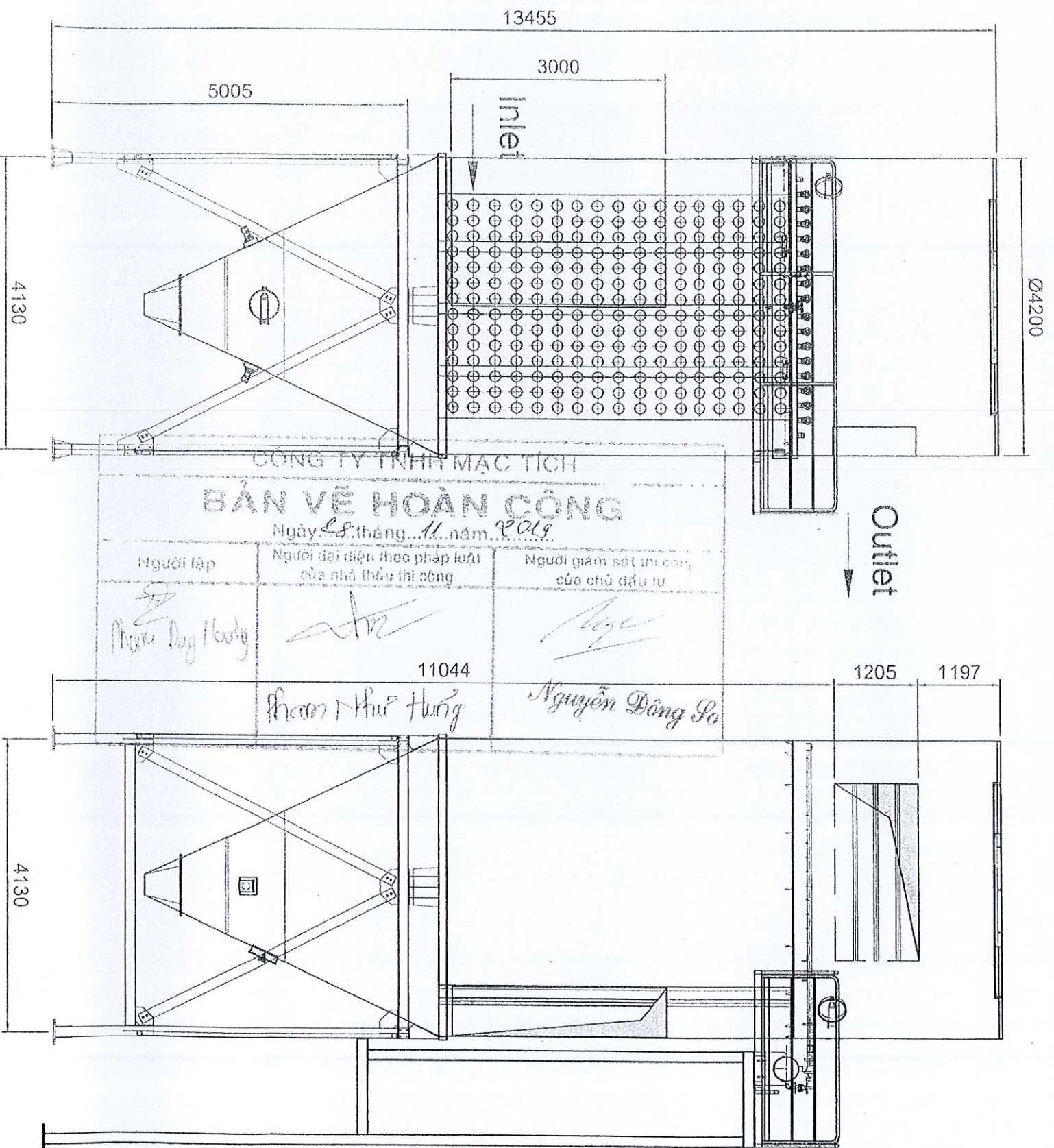
CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 28 tháng 11 năm 2019		
Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Phạm Duy Hoàng	Phạm Như Hùng	Nguyễn Đông Sơ

01									
No	Date	Revision						Name	
FILE NAME		STT CYCLONE CBP-32-18			SCALE FIT		EQUIPMENT STT CYCLONE		COMPONENT STT CYCLONE
SIZE	A4	REV: 01					MARTECH BOILER ENGINEERING		
DRAWN	22/02/2019	Đồng Văn Hiệp							
CHECK	22/02/2019	Đồng Văn Hiệp							
APPR.	22/02/2019	Phạm Như Hưng							
ISSUED	22/02/2019	Phạm Như Hưng							
PROJECT NO. 18-210/CV(01)		MANU. NO. 2329			DWG NO		CBP-32-18 X		(LÒ HƠI 10T) X
BẢN VẼ LẬP TỔNG							TOTAL DWG.		
					03		08		

BẢN VẼ LẬP TỔNG

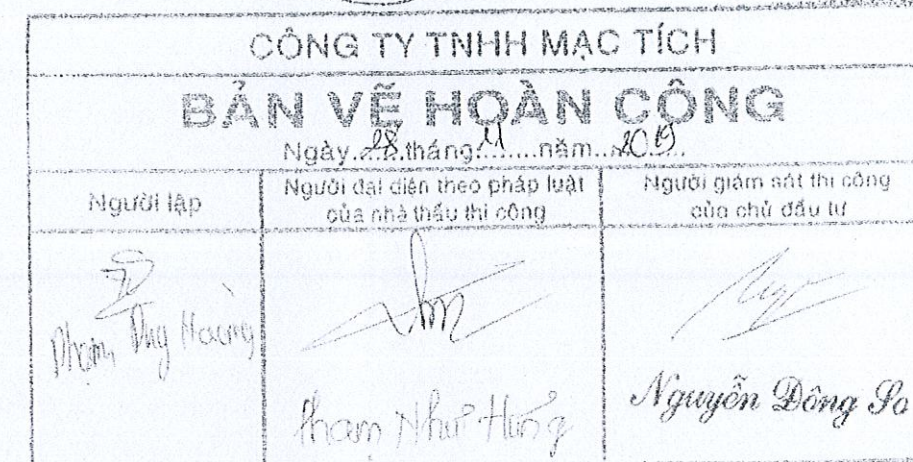
03

08



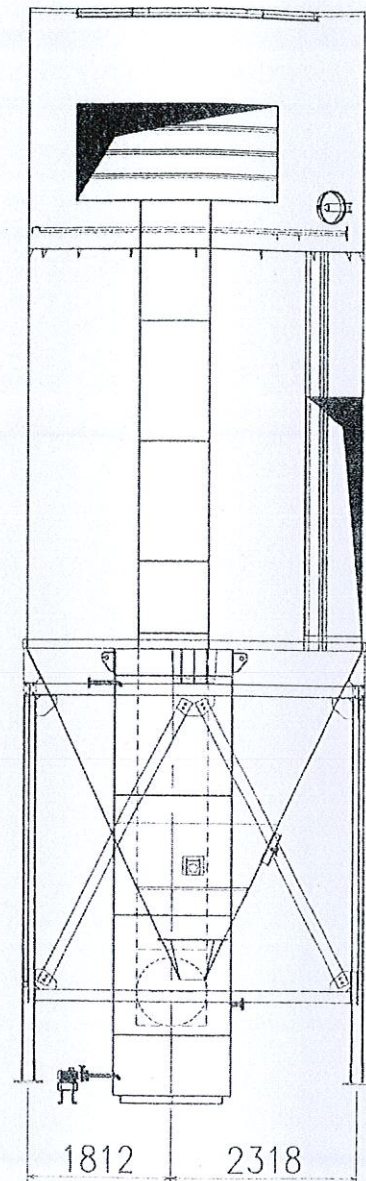
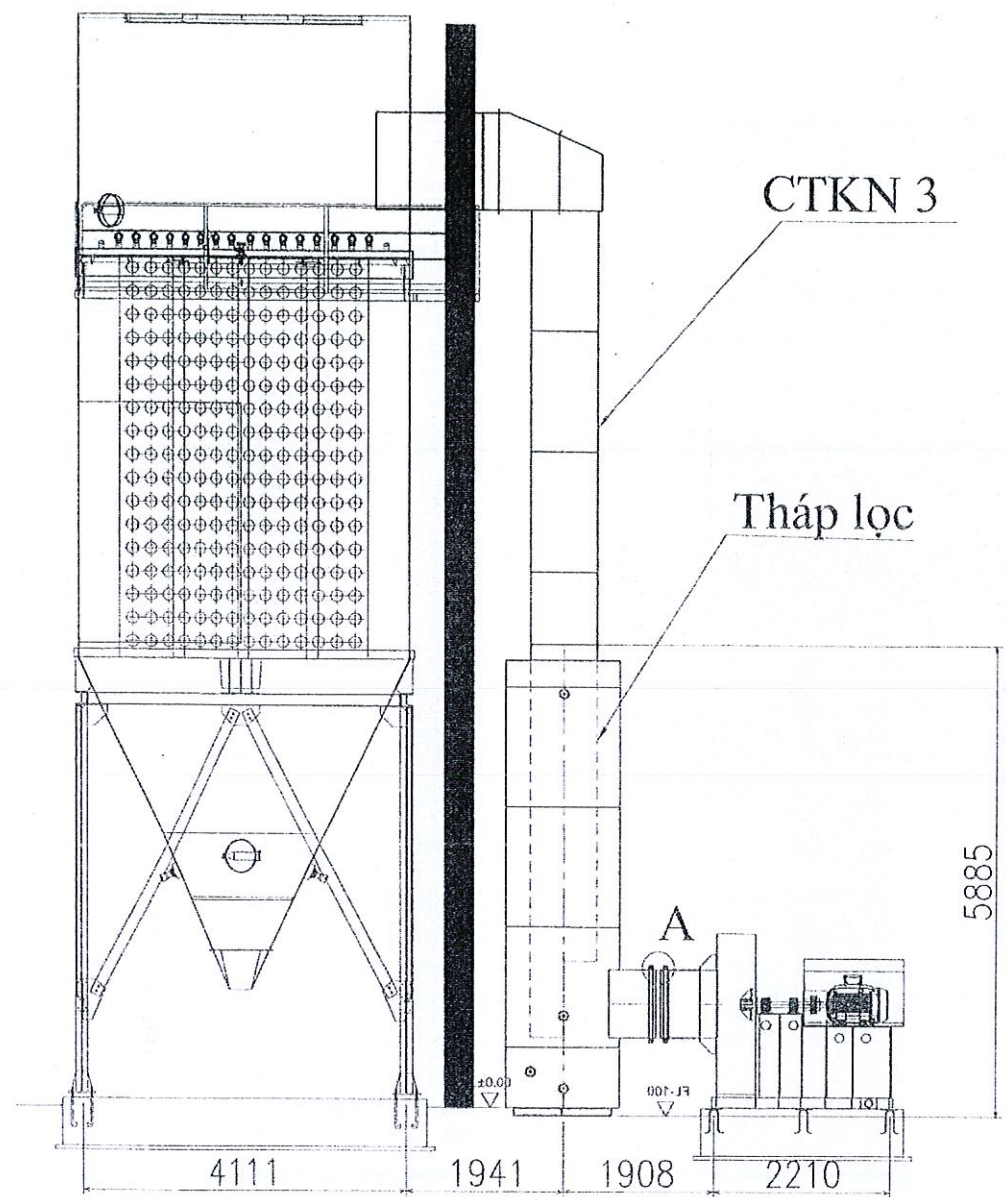
BẢN VẼ LẬP BỘ LBT

No	Date	Revision	Name
01			
02			
03			
Revision			
FILE NAME	LỘC BỤI TỬ CBP-32-18	SCALE	EQUIPMENT
SIZE	A4	REV.	01
DRAWN	15/12/2018	REV.	01
CHECK	15/12/2018	REV.	01
APPR	15/12/2018	REV.	01
ISSUED	15/12/2018	REV.	01
PROJECT NO. 18-210/CV(01)			
MAM. NO. 2329			
BẢN VẼ LẬP			
DWG NO. 04			
TOTAL DWG. 08			
MARTech BOILER ENGINEERING			
CBP-32-18 (LỒ HƠI 10T)			



Sàn thao tác Lọc túi CBP-32-18	
Tổng khối lượng: 2475 Kg	
-KL Sàn + LC + TL : 758 Kg	
-KL Grating: 391 Kg	
-KL Khung đỡ: 1326 Kg	D
Tổng diện tích sơn: 115 m ²	
-DTS Sàn + LC + TL: 56 m ²	
-DTS Khung đỡ: 59 m ²	
Chiều dài lắp Grating: 19 m	

03					
02					
01					
No	Date	Revision			Name
FILE NAME		SCALE	EQUIPMENT	COMPONENT	
STT LỘC TÚI CBP-32-18		FIT	STT LỘC TÚI CBP-32-18	SÀN THAO TÁC	
SIZE	A4	REV:	01	 MARTECH BOILER ENGINEERING	
DRAWN	22/02/2019	Đồng Văn Hiệp			
CHECK	22/02/2019	Phạm Như Hưng			
APPR.	22/02/2019	Lê Anh Tuấn			
ISSUED	22/02/2019	Lê Anh Tuấn			
PROJECT NO.		MANU. NO.		CBP-32-18 (LÒ HƠI 10T)	
18-210/CV(01)		2329		DWG NO	TOTAL DWG.
BẢN VẼ LẬP TỔNG				05	08

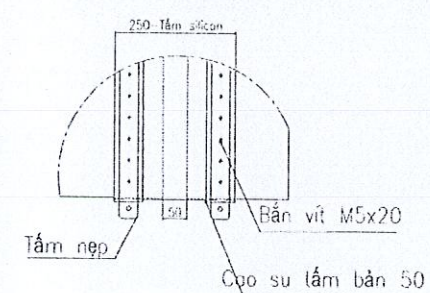


CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

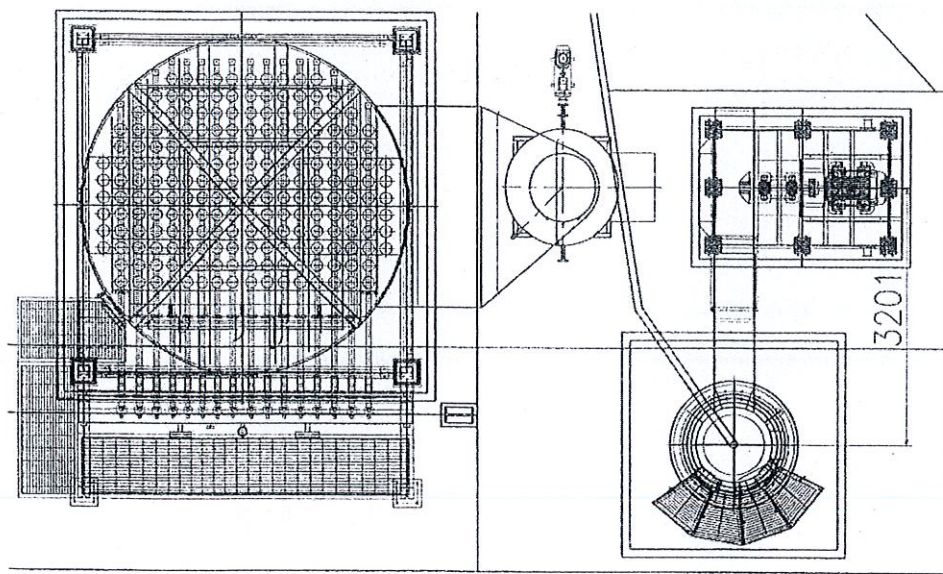
Ngày...tháng...năm...19...

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Phạm Duy Hoàng	Phạm Như Hùng	Nguyễn Đông Sơ



DIỆN TÍCH SƠN THÁP LỌC

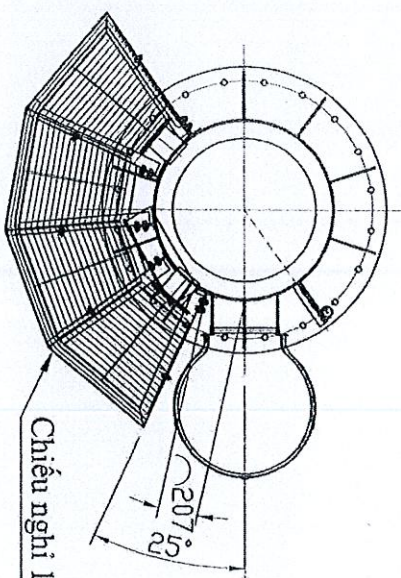
- Khối lượng: 1692 Kg
- Diện tích sơn mặt trong: 43 m²
- Diện tích sơn mặt ngoài: 46m²



01						
No	Date	Revision				Name
FILE NAME		SCALE		EQUIPMENT		COMPONENT
CTKN				CTKN		CTKN
SIZE		REV: 01				
DRAWN	08/03/19	Nguyễn Th Hùng				
CHECK	08/03/19	Phạm Như Hùng				
APPR.	08/03/19	Phạm Như Hùng				
ISSUED	08/03/19	Phạm Như Hùng				
PROJECT NO. 18-210/CV(01)		MANU. NO. 2329				CBP-32-18
BẢN VẼ LẬP						
DWG NO				TOTAL DWG.		
06				08		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

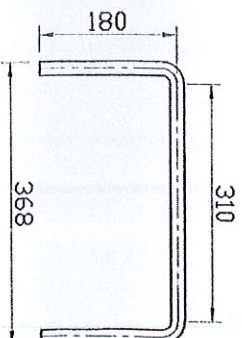
- CHIỀU CAO: 24040 mm
- ĐƯỜNG KÍNH: 950 mm
- SỐ ĐOẠN: 2 ĐOẠN
- ĐOẠN 1: 12100 mm
- ĐOẠN 2: 11940 mm
- 1. TỔNG KL ỒNG KHỎI: 4261Kg
- KL ĐOẠN 01: 1991 Kg
- KL ĐOẠN 02: 1779 Kg
- KL TÀM ĐÉ: 290 Kg
- KL GIA CƯỜNG: 201 Kg
- 2. TỔNG DTS THÂN: 158m²
- DTS MẶT TRONG: 74 m²
- DTS MẶT NGOÀI: 84 m²



MẶT CẮT A-A

VỊ TRÍ LẬP CHIỀU NGHI 01

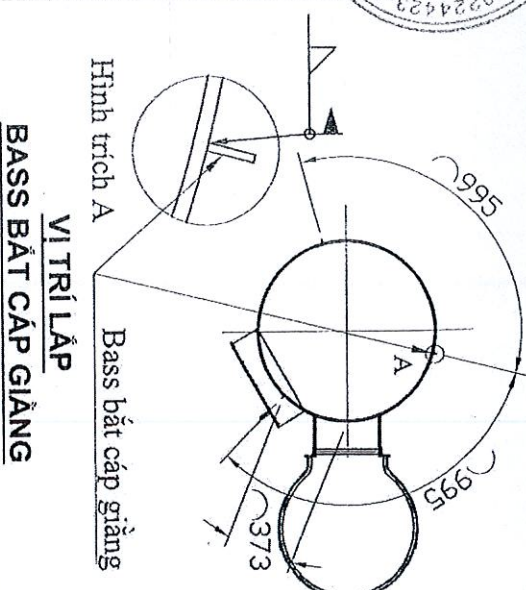
Chiều nghi 2



Thang leo chữ U

VL: lắp C45 Ø16-L=670mm

SL: 24 thanh

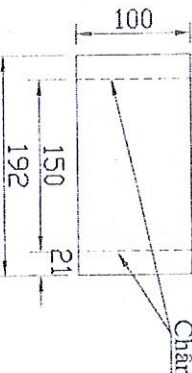


VỊ TRÍ LẬP

BASS BẮT CÁP GIẰNG

Chi tiết 01 - Tầm gần Nameplate

SS400-4mm - SL: 01

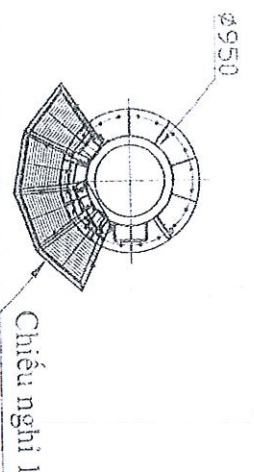
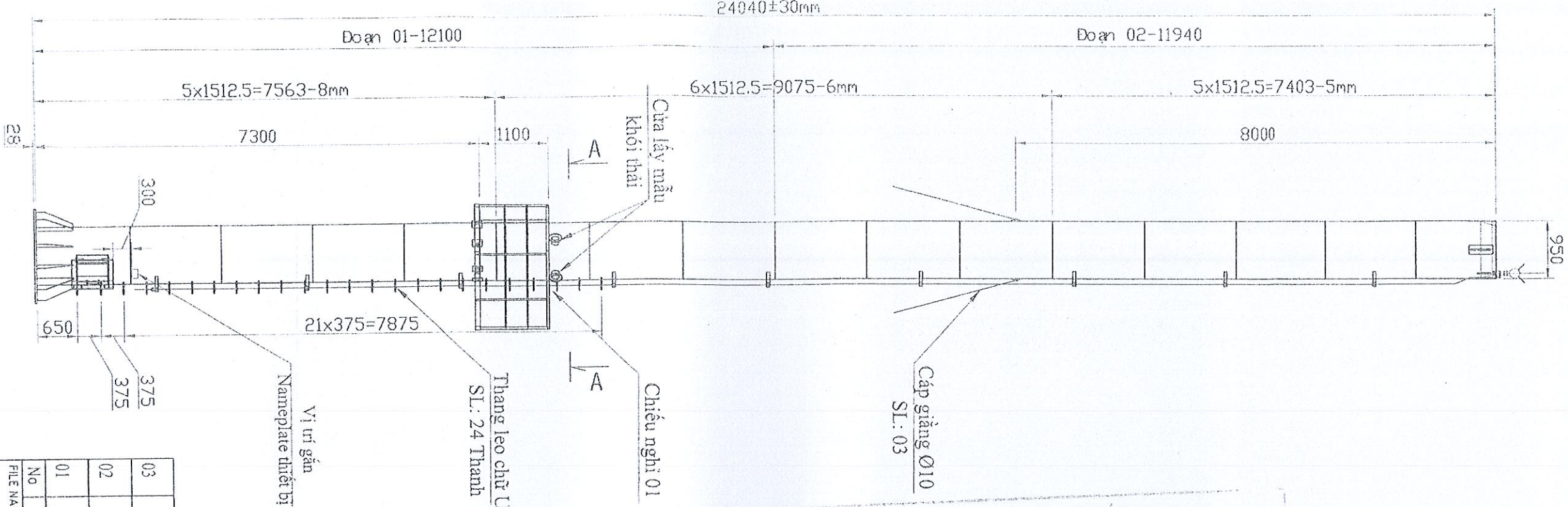


CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm... 2019

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Phạm Duy Hoàng	Phạm Như Hoàng	Nguyễn Đông Sơ



No	Date	Revision	Name
01			
02			
03			

FILE NAME	SIZE	SCALE	EQUIPMENT	COMPONENT
ÔNG KHỎI CBP-32-18	A4	FIT	ÔNG KHỎI CBP-32-18	THÂN ỒNG KHỎI
	REV: 02			
DRAWN	30/01/2019		Đông Văn Hiệp	
CHECK	30/01/2019		Phạm Như Hưng	
APPR	30/01/2019		Lê Anh Tuấn	
ISSUED	30/01/2019		Lê Anh Tuấn	

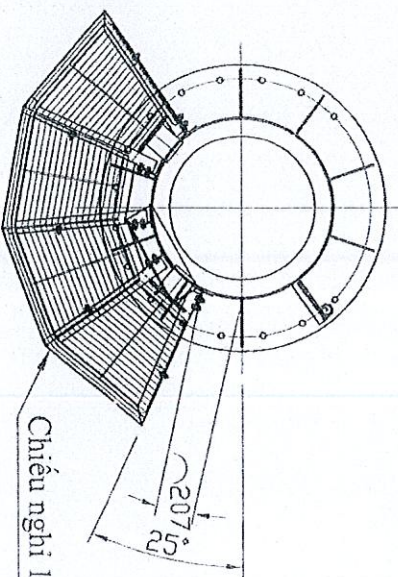
PROJECT NO: 18-210/CV(01)	MANU NO: 2329
---------------------------	---------------

BẢN VẼ LẬP TỔNG	DWG NO: 07	TOTAL DWG: 08
-----------------	------------	---------------

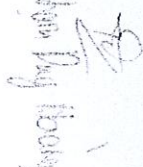
MARTECH BOILER ENGINEERING	CBP-32-18 (LỒI HỒI 10T)
----------------------------	-------------------------

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- CHIỀU CAO: 24040 mm
- DƯỜNG KÍNH: 1260 mm
- SỐ ĐOẠN: 2 ĐOẠN
- ĐOẠN 1: 12100 mm
- ĐOẠN 2: 11940 mm
- 1. TỔNG KL STT: 145 Kg
 - KL SÀN + TL: 99 Kg
 - KL GRATING: 46 Kg
- 2. TỔNG DTS STT: 8 m²
 - DTS SÀN + TL: 5.2 m²
 - DTS GRATING: 2.8 m²

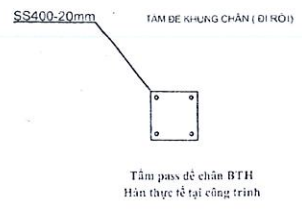
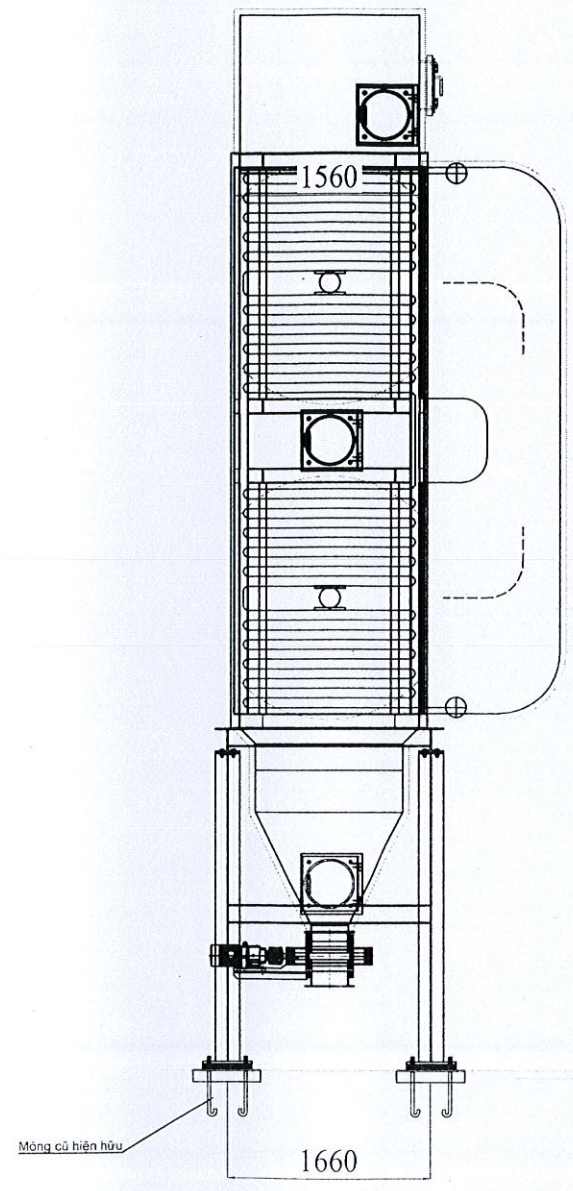
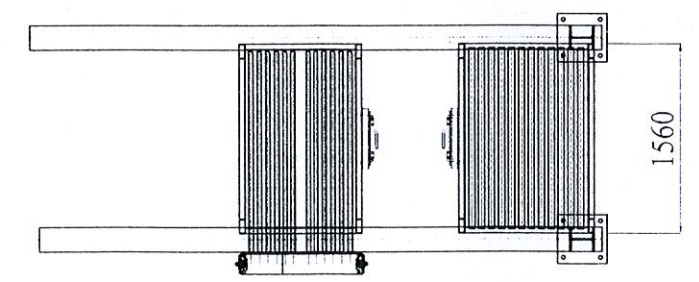
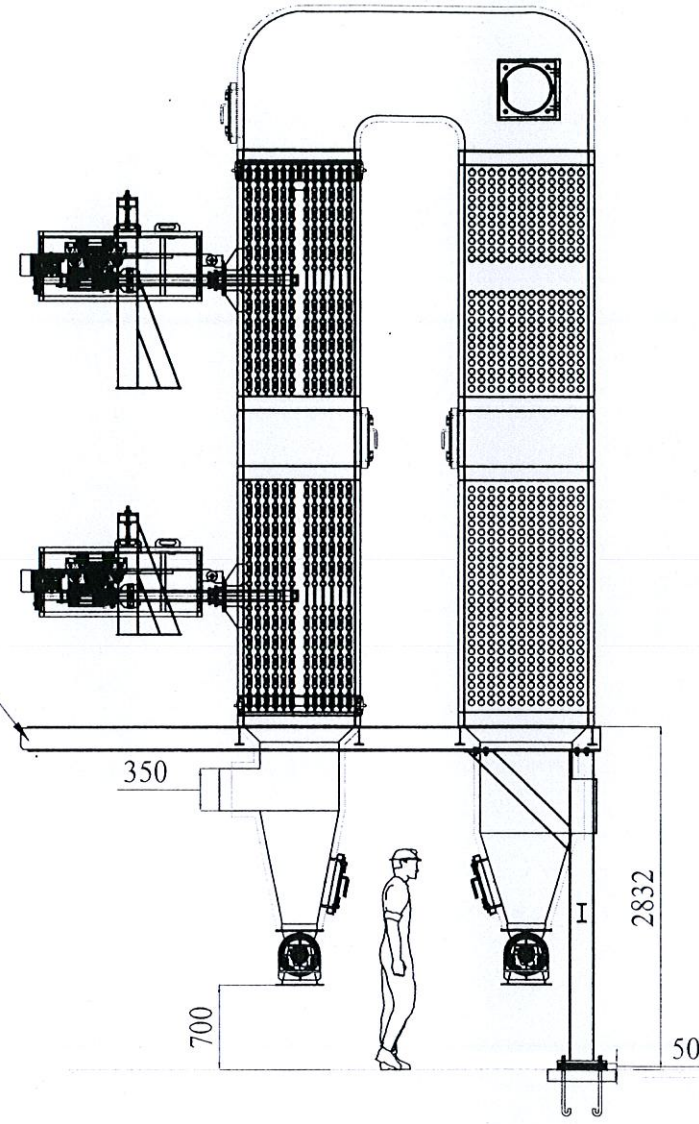


MẬT CẮT A-A
VỊ TRÍ LẮP CHIẾU NGHỈ 01

CÔNG TY TNHH MÃC TÍCH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 28 tháng 4 năm 2019...	
Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
 Phan Như Hùng	 Nguyễn Đăng Sơ
 Phan Đại Thuận	



03						
02						
01						
No	Date		Revision		Name	
FILE NAME		STT ÔNG KHÔI CBP-32-18	SCALE	EQUIPMENT	COMPONENT	
			FTT	STT ÔNG KHÔI CBP-32-18	SÀN THAO TÁC ÔNG KHÔI	
SIZE	A4	REV:	01	 MARTECH BOILER ENGINEERING CBP-32-18 (LÒ HƠI 10T)		
DRAWN	18/12/2018	Đồng Văn Hiệp				
CHECK	18/12/2018	Phạm Như Hưng				
APPR.	18/12/2018	Lê Anh Tuấn				
ISSUED	18/12/2018	Lê Anh Tuấn				
PROJECT NO	18-210/CV(01)	MANU. NO	2329	DWG NO	08	TOTAL DWG.
				08	08	



LIST VAT LIỆU				
No	Mô tả	Vật liệu	Chiều dày (mm)	Xuất xứ
1	Ống BTH nước	DN25 - SA192	3.38	TQ
1	Ống BTH gió	Ø49- Thép đen	2.5	TQ
2	Pad cầu	SS400	25	TQ
3	Ống góp BTH nước	DN150 - SAVA106 Gr.B	7.11	TQ
4	CTKN	SS400	4	TQ
6	Sàn thao tác	SS400	Theo bản vẽ	TQ
7	Cửa vệ sinh	SS400	Theo bản vẽ	TQ
8	Tôile mặt sàn BTH	SS400	6mm	TQ
9	Tôile ốp xung quanh BTH (Chân sóng)	SS400	4mm	TQ
10	Cùm ống BTH	SS400	5mm	TQ
11	Khung BTH	SS400	Theo bản vẽ	TQ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT BỘ THU HỒI NƯỚC					
Lưu lượng khối	13061	Nm ³ /h	Công suất nhiệt	704	kW
Lưu lượng nước	8200	kg/h	Hệ số truyền nhiệt	61.92	W/m ² K
Nhiệt độ khối vào	325	°C	Diện tích tiếp nhiệt	81.28	m ²
Nhiệt độ khối ra	205	°C	Áp suất thiết kế	12	bar.g
Nhiệt độ nước vào	105	°C	Áp suất làm việc max	12	bar.g
Nhiệt độ nước ra	168	°C	Nhiệt độ thiết kế	200	°C
Tốc độ khối	10.65	m/s	Áp suất thử nước	18	bar.g
Tốc độ nước	0.73	m/s	Bước ống dọc	80	mm
			Bước ống ngang	70	mm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT BỘ THU HỒI GIÓ					
Lưu lượng gió	13061	Nm ³ /h	Công suất nhiệt	252	kW
Lưu lượng khối	13061	Nm ³ /h	Hệ số truyền nhiệt	17.17	W/m ² K
Nhiệt độ khối vào	205	°C	Diện tích tiếp nhiệt	132	m ²
Nhiệt độ khối ra	155	°C	Áp suất thiết kế	0.3	bar.g
Nhiệt độ gió vào	30	°C	Áp suất làm việc max	0.15	bar.g
Nhiệt độ gió ra	96	°C	Nhiệt độ thiết kế	300	°C
Tốc độ khối	11.18	m/s	Bước ống dọc	80	mm
Tốc độ gió	9.03	m/s	Bước ống ngang	80	mm

THÔNG SỐ THIẾT KẾ BTH:
- Bảo ôn BTH và CTKH bộ thu hồi : 1 lớp 50mm
tỉ trọng 120Kg/m3

ECONOMIZER

Project code: CPV-BPH-220328

Design pressure: 12 bar.g

Serial no: 2203

Flow rate: 13061 Nm³/h

Design temp: 200 °C

Max. working temp: 200 °C

MARTECH BOILER J.S.C

MARTECH BOILER J.S.C

150

AIR PREHEATER

Project code: CPV-BPH-220328

Design pressure: 0.3 bar.g

Serial no: 2203

Flow rate: 13061 Nm³/h

Design temp: 300 °C

Max. working temp: 300 °C

MARTECH BOILER J.S.C

MARTECH BOILER J.S.C

150

0	13.02.23	For approval	N.T.LUAN	N.T.Luan	P.H.Nghia	L.A.Tuan
Rev.	Date	Description	Drawn	Designed	Checked	Approved

CLIENT:

MANUFACTURER:

MARTECH[®]

BOILER

The Energy Solutions

MARTECH JOINT STOCK COMPANY

PROJECT CODE: CPV-BPH-220328

TITLE: GENERAL ASSEMBLY DRAWING

BO THU HOI

DRAWING NO.: HOLD

Scale

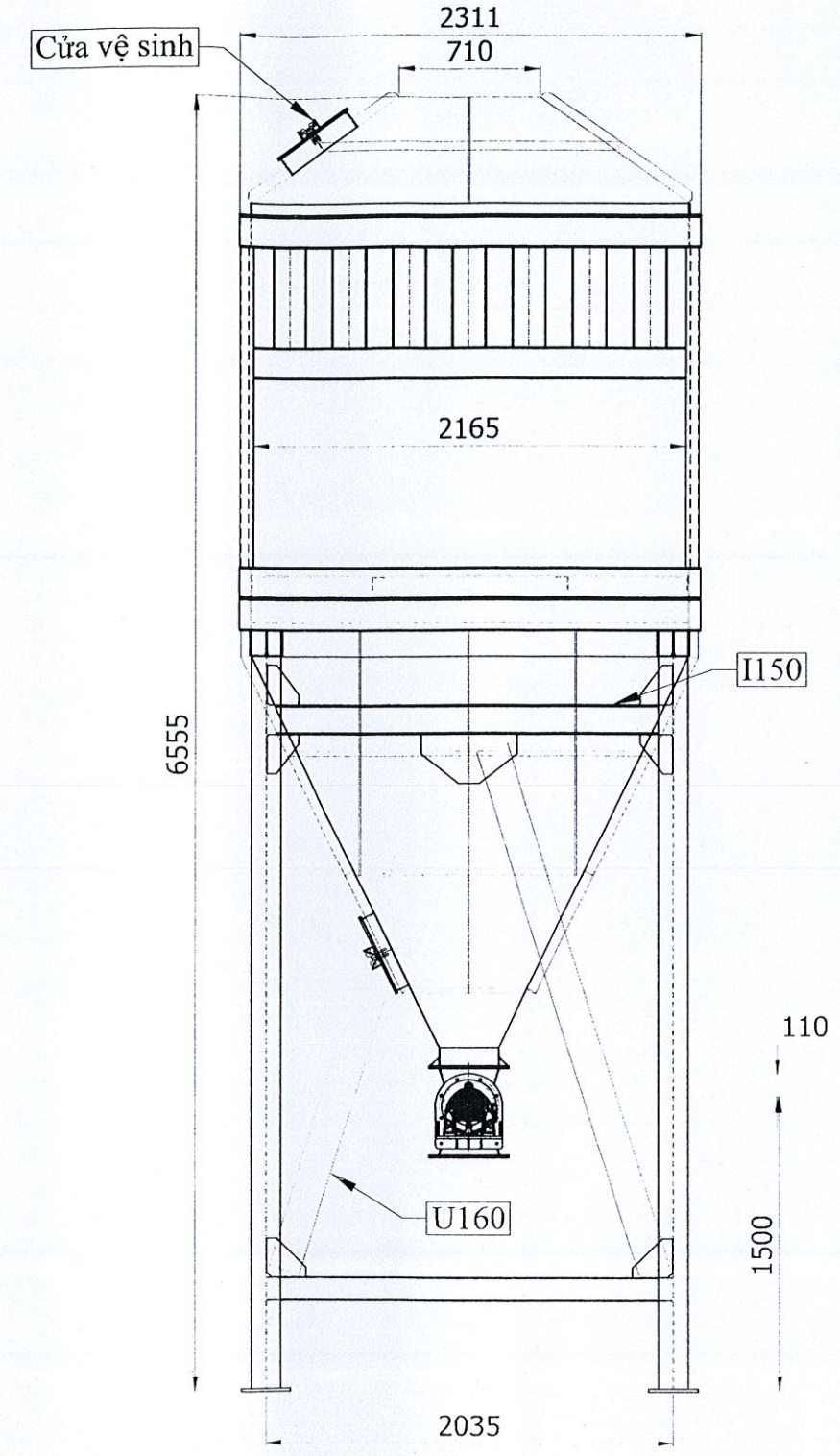
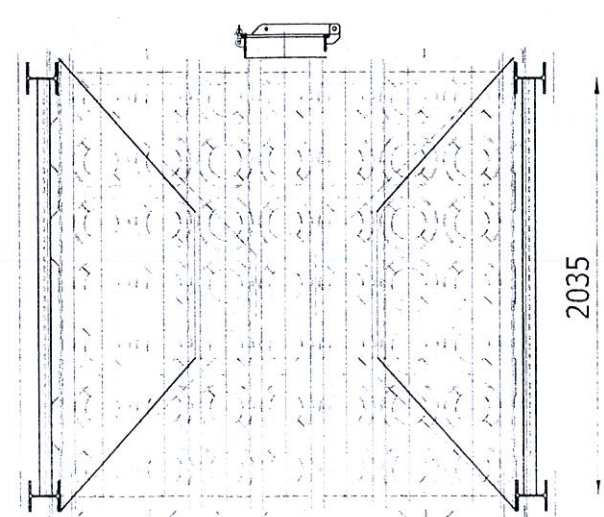
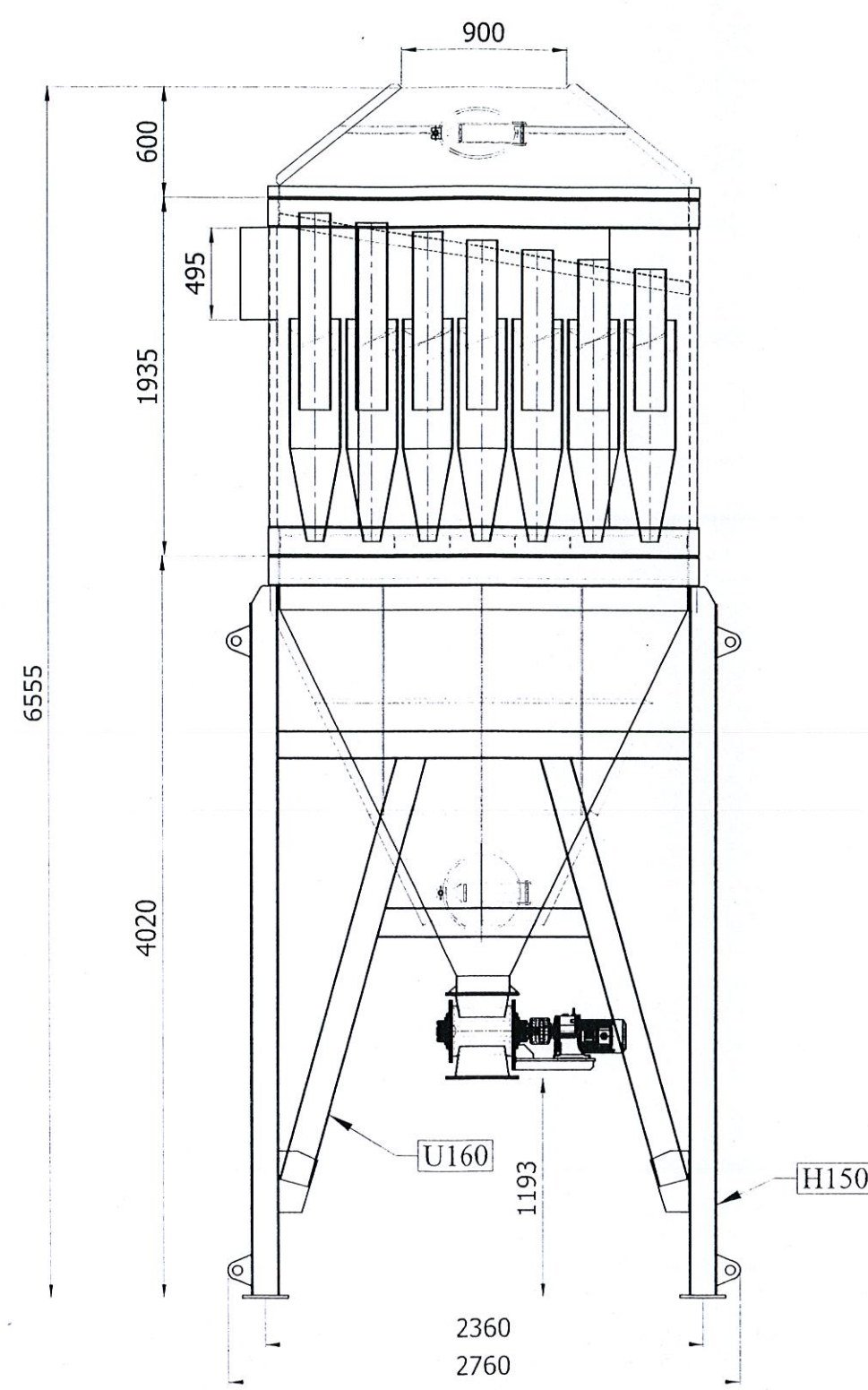
Size

Rev.

1:1

A3

0



Cyclone đa cấp - Lò hơi 8 t		
Thông số	Đơn vị	Số lượng
Lưu lượng	m ³ /hr	21,000
Số lượng cyclone con	Con	49
Nhiệt độ vận hành	°C	180
Trở lực	Pa	122
Tổng khối lượng	Kg	5,365
Kích thước	mm	6555x2760x231

00	10.02.23	For approval	H.T.THANG	H.T.THANG	P.N.HUNG	P.N.HUN
Rev.	Date	Description	Drawn	Designed	Checked	Approved

CLIENT:

MANUFACTURER:

**MARTECH[®] BOILER**
The energy Solutions

MARTECH JOINT STOCK COMPANY

PROJECT CODE: **CPV-BPH-220328**

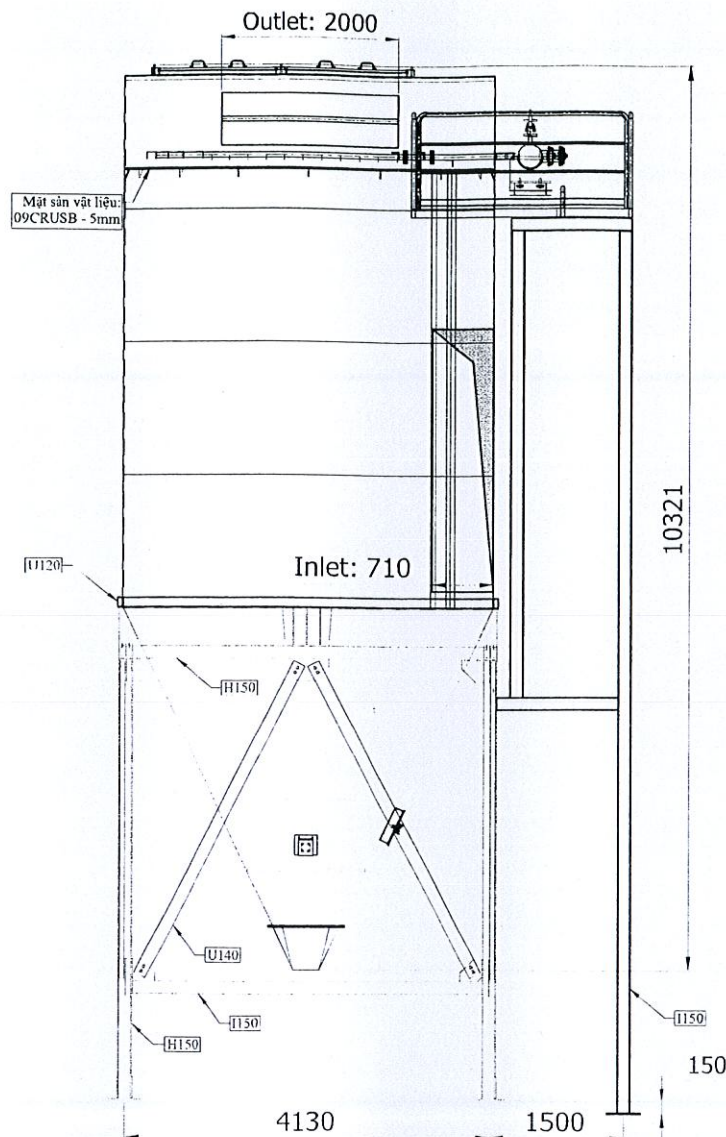
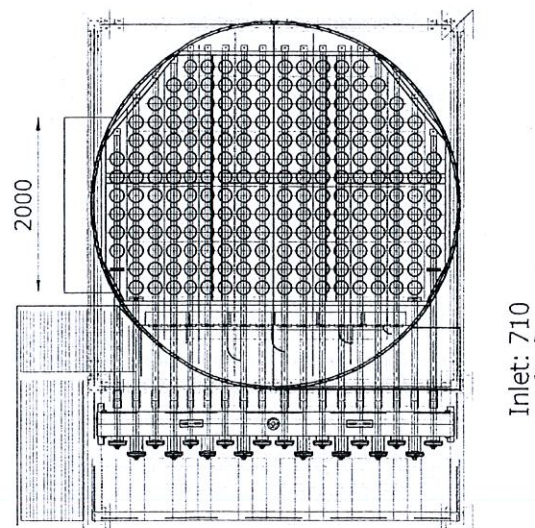
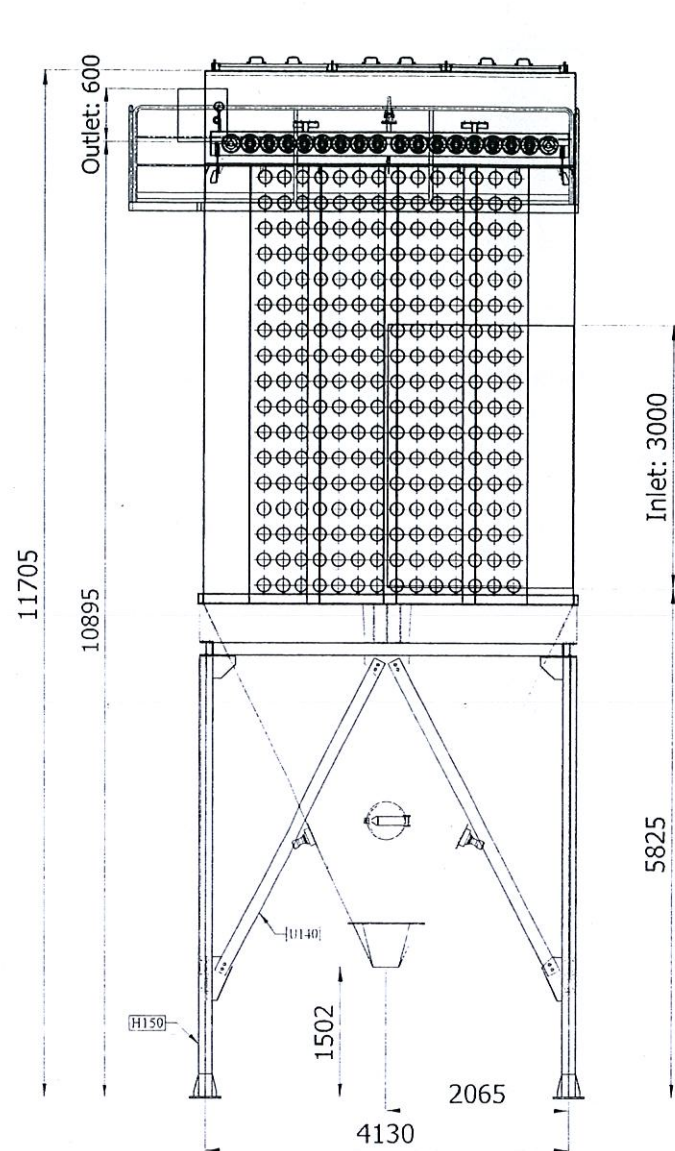
TITLE: BẢN VẼ LẮP TỔNG THỂ
LÒ HƠI GHI XÍCH
CYCLONE ĐA CẤP



Scale Size R

DRAWING NO.: 2203281.2655.0001.MGAD. 01

FIT A4



BỘ LỌC BỤI TÚI-LÒ HƠI GHI XÍCH		
Thông số	Đơn vị	Số lượng
Lưu lượng	m ³ /hr	21,000
Nhiệt độ vận hành	°C	150 - 180
Nhiệt độ lớn nhất	°C	200
Vật liệu túi		PTFE
Kích thước túi	mm	Ø155x4,500
Số lượng túi	Cái	208
Kiểu rửa bụi		Online
Tổng khối lượng	Kg	14,432
Trở lực	Pa	<1500
Kích thước vận chuyển	mm	5510x3590x9880

00	10.02.23	For approval	H.T.THANG	H.T.THANG	P.N.HUNG	P.N.HUNG
Rev.	Date	Description	Drawn	Designed	Checked	Approved

CLIENT:

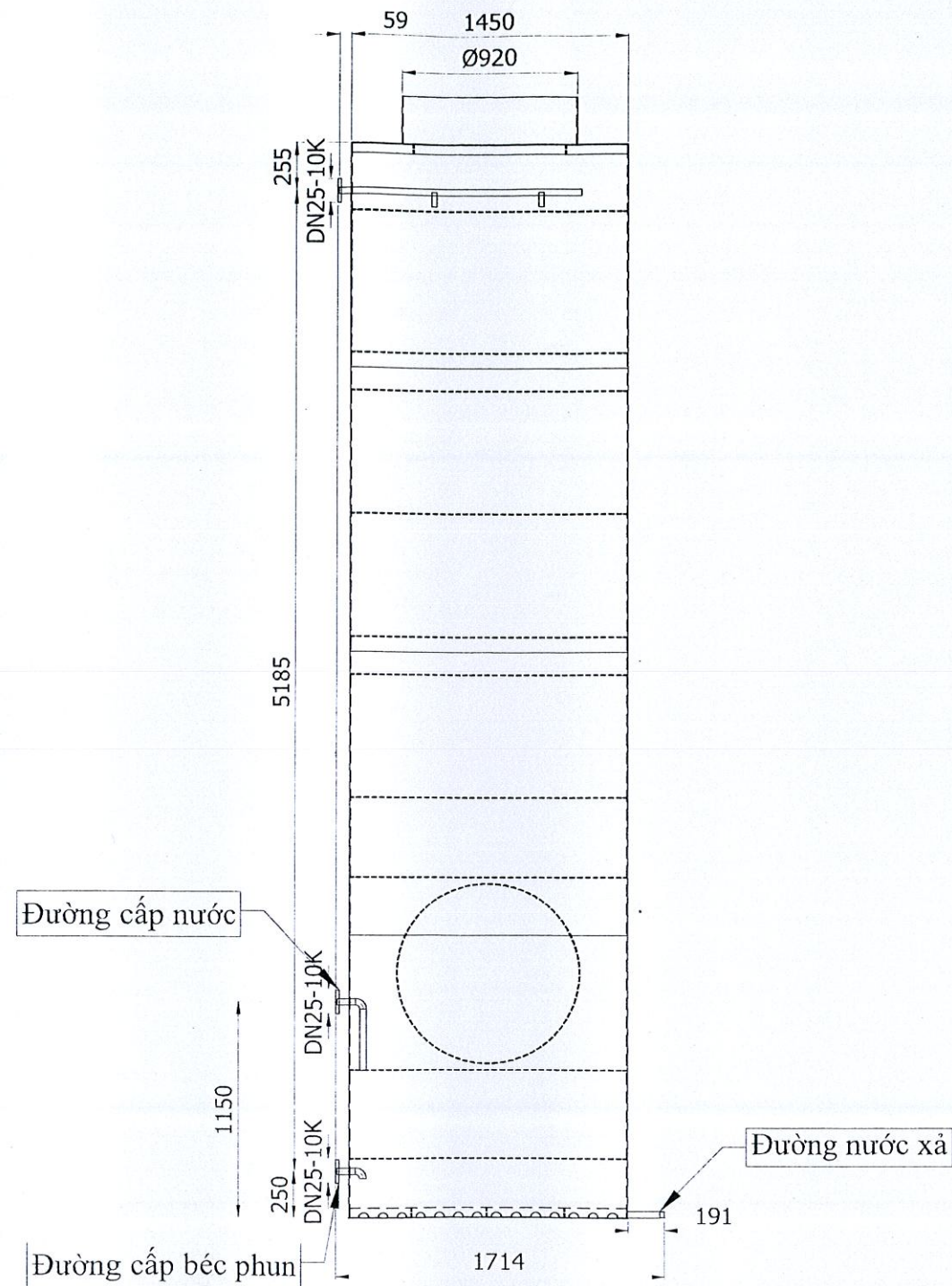
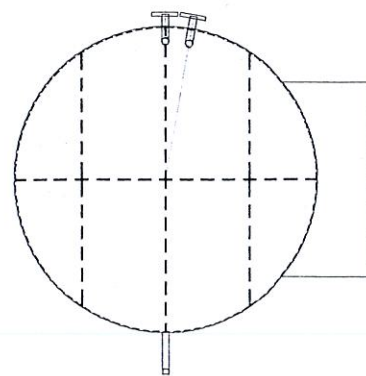
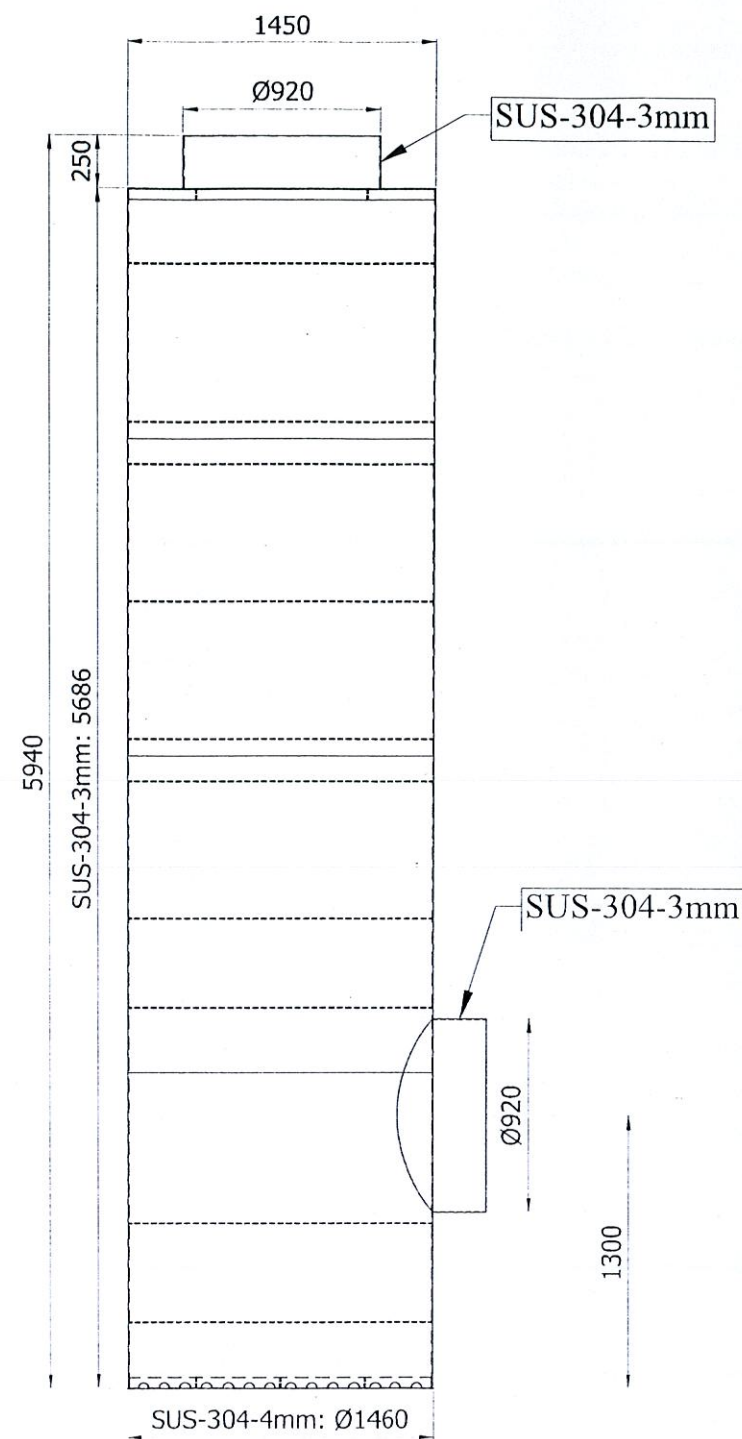
MANUFACTURER:
MARTECH[®] BOILER MARTECH JOINT STOCK COMPANY
The energy Solutions

PROJECT CODE: CPV-BPH-220328

TITLE: BẢN VẼ LẮP TỔNG THỂ
LÒ HƠI GHI XÍCH
LỌC BỤI TÚI

DRAWING NO.: 2203281.2906.0001.MGAD. 01

Scale Size F
FIT A4



Thông số - Lò hơi 8 I

Thông số	Đơn vị	Số lượng
Lưu lượng	m ³ /hr	21,000
Tổng khối lượng	Kg	860
Kích thước	mm	1730x1450x594

00	10.02.23	For approval	H.T.THANG	H.T.THANG	P.N.HUNG	P.N.HUNG
Rev.	Date	Description	Drawn	Designed	Checked	Approved

CLIENT:

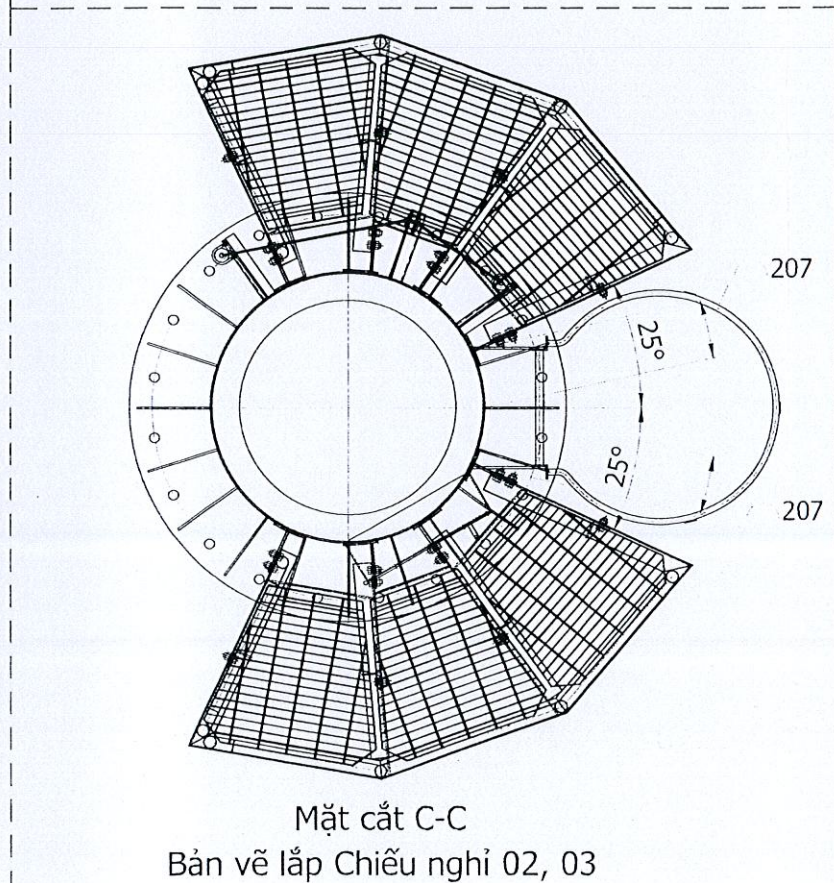
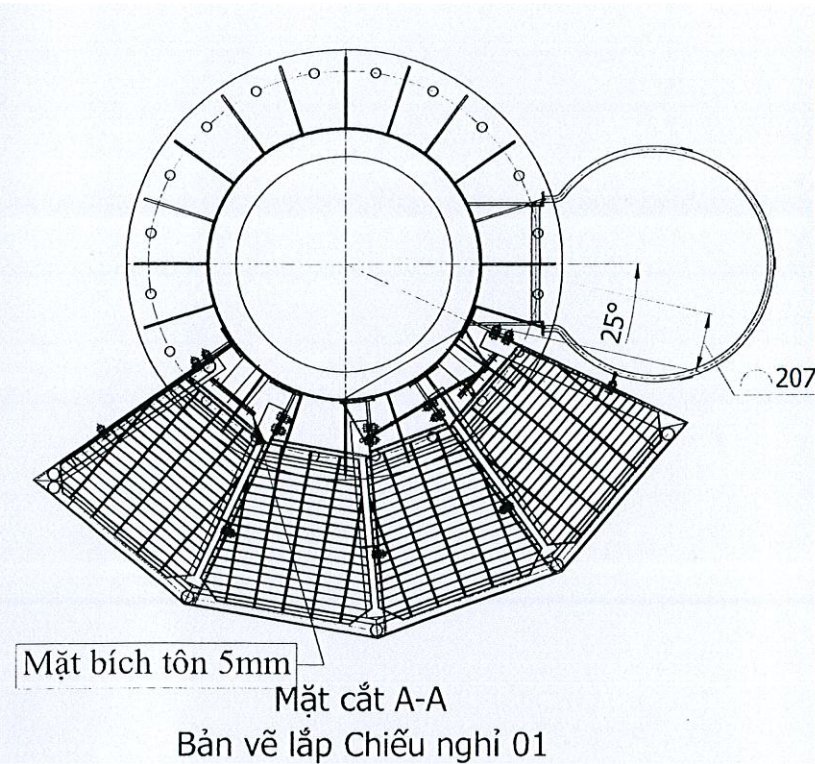
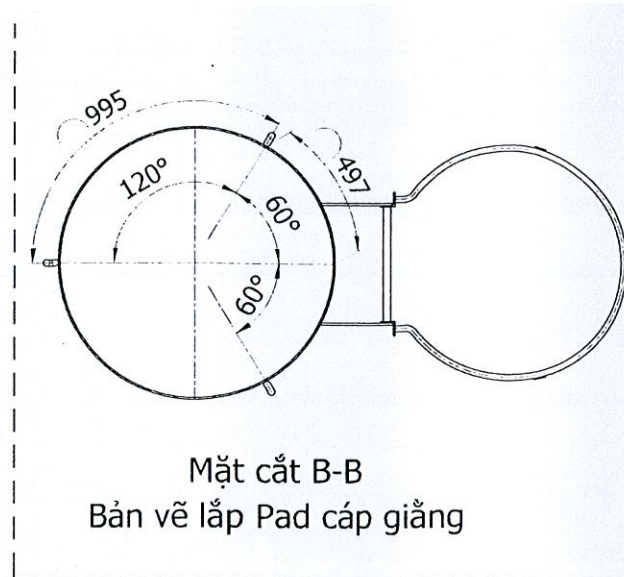
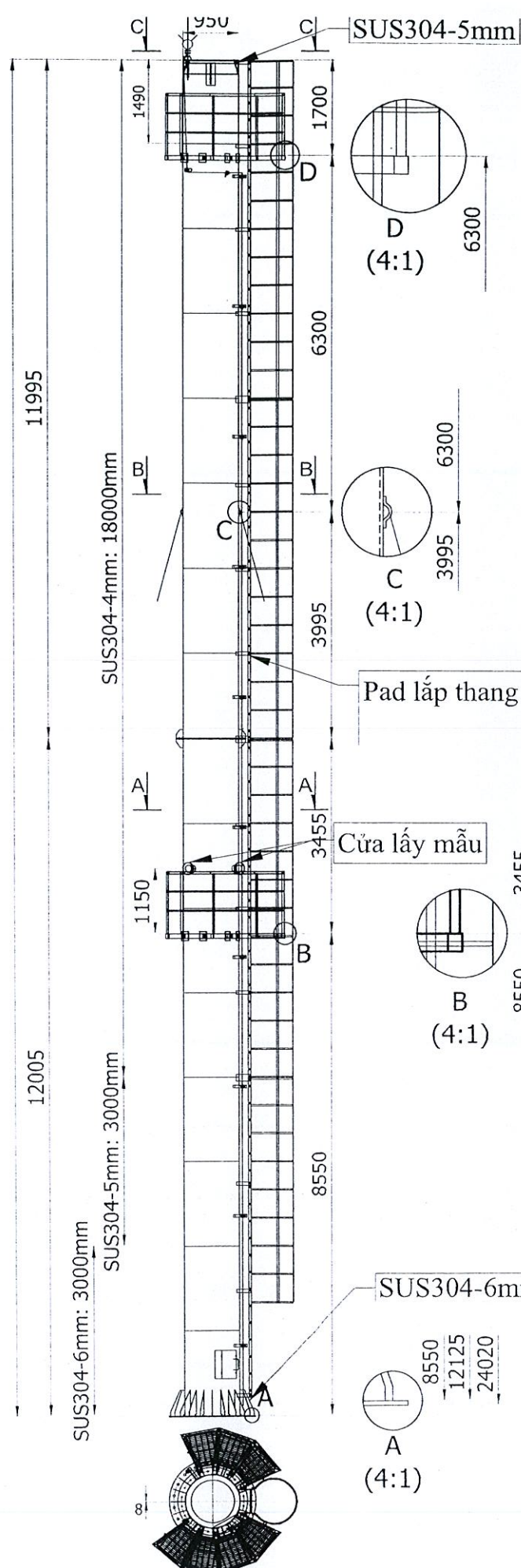
MANUFACTURER:
MARTECH[®] BOILER
 The Energy Solutions
 MARTECH JOINT STOCK COMPANY

PROJECT CODE: **CPV-BPH-220328**

TITLE: BẢN VẼ LẬP TỔNG THỂ
 LÒ HƠI GHI XÍCH
 ÔNG KHỎI

DRAWING NO.: 2203281.2909.0001.MGAD. 01

Scale Size F
 FIT A4 (



Ông khói		
Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
Chiều cao	mm	24,000
Đường kính ngoài	mm	950
Số đoạn	Đoạn	2
Chiều dài đoạn 1	mm	12005
Chiều dài đoạn 2	mm	11995
Tổng khối lượng	Kg	3,434
Khối lượng đoạn 1	Kg	1,732
Khối lượng đoạn 2	Kg	1,492
Tầm đế ống khói	Kg	210
Khối lượng Sàn thao tác	Kg	800

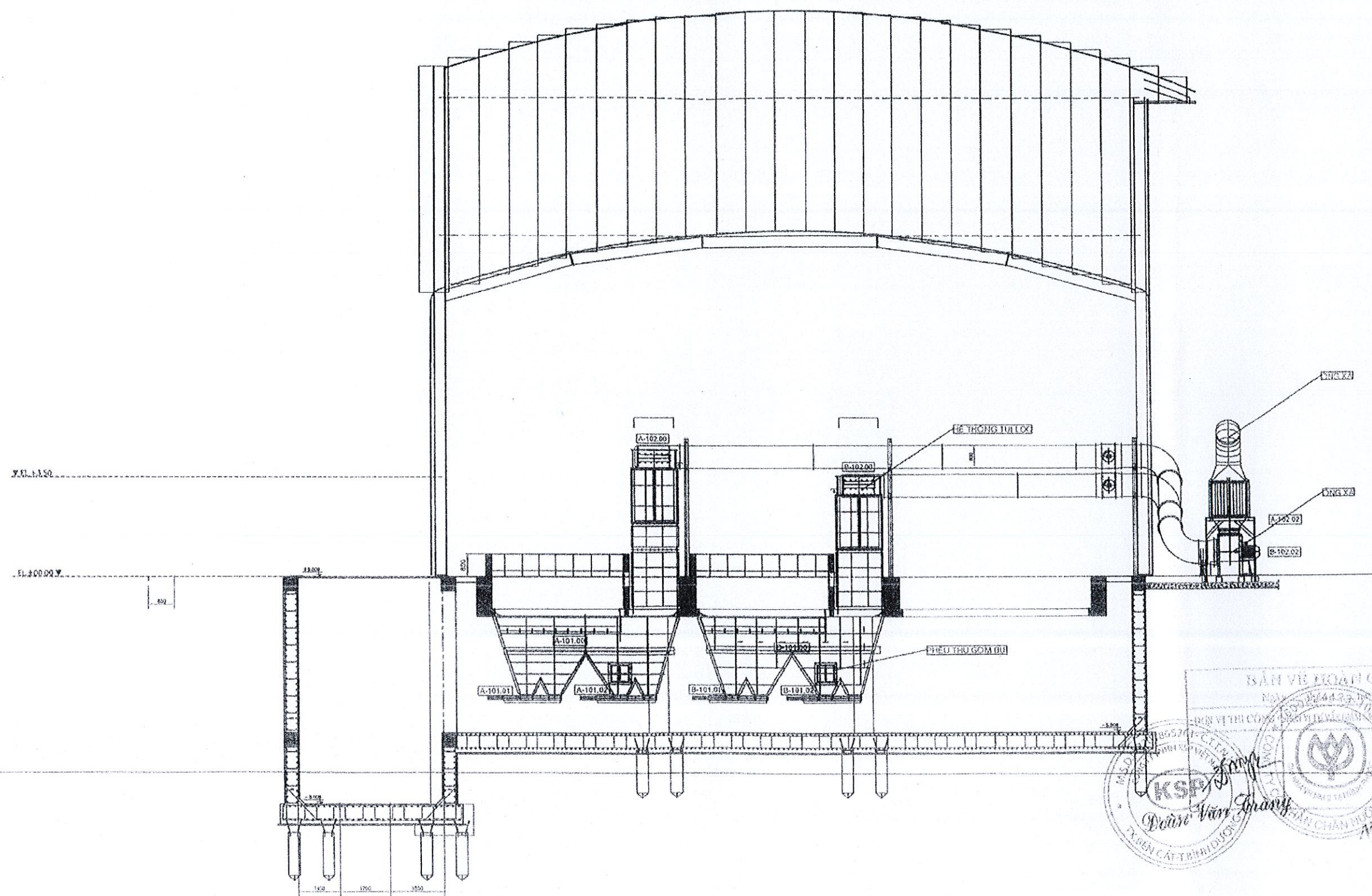
00	10.02.23	For approval	H.T.THANG	H.T.THANG	P.N.HUNG	P.N.HUNG
Rev.	Date	Description	Drawn	Designed	Checked	Approve

CLIENT:

MANUFACTURER:
MARTECH[®] BOILER
The Energy Solutions
MARTECH JOINT STOCK COMPANY

PROJECT CODE: CPV-BPH-220328

TITLE: BẢN VẼ LẮP TỔNG THỂ LÒ HƠI GHI XÍCH ÔNG KHÓI	Scale Size
DRAWING NO.: 2203281.2909.0001.MGAD. 01	FIT A4



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG TY TNHH KSP VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ
NGUYỄN MINH THẮNG

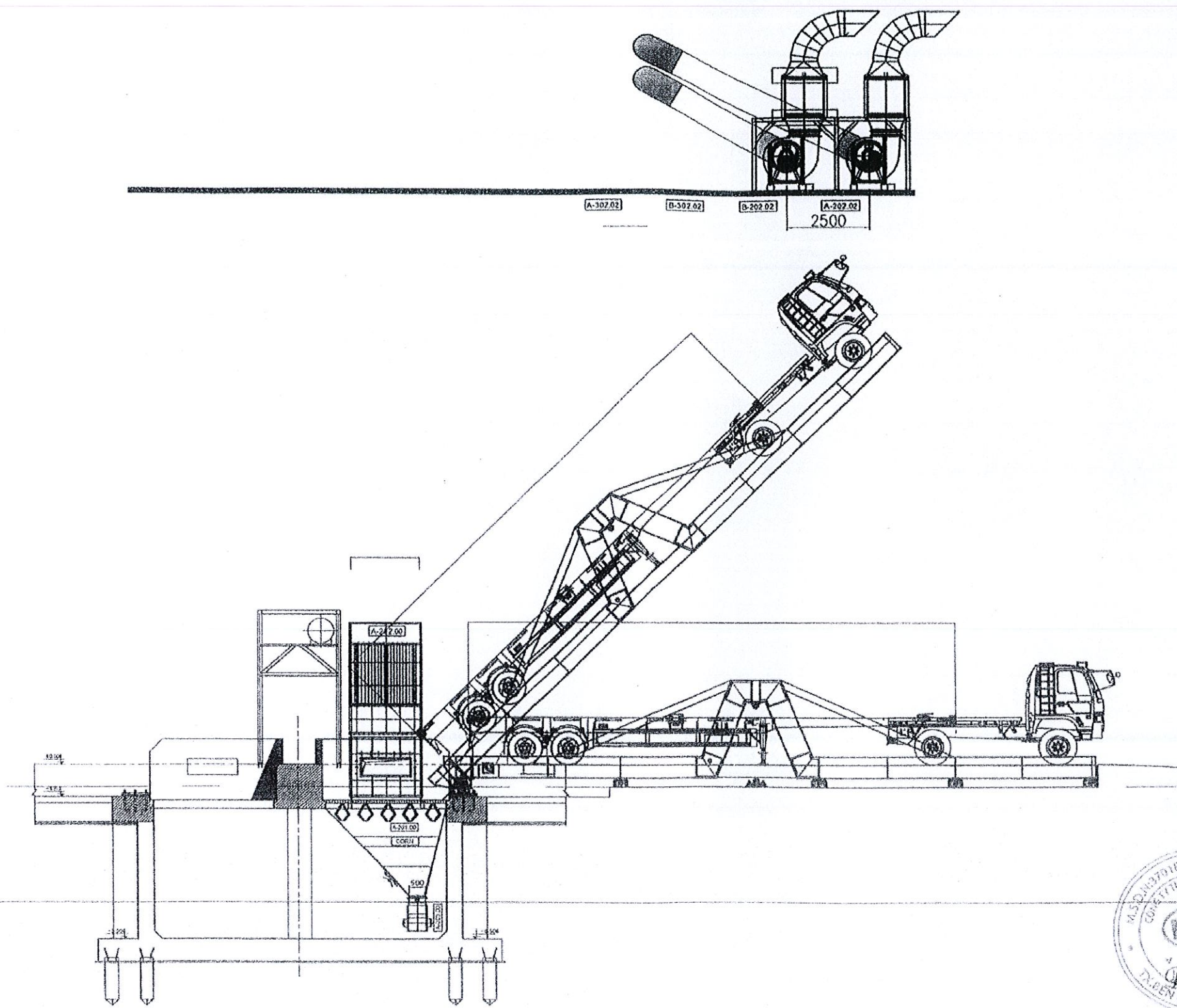

CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Socoma Industrial Zone
Minh Thien commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam


KSP VIET NAM CO., LTD
Lot B10, Zone B, Socoma Industrial Zone, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam
TEL: (84) 4330 000-41 Ext 871, FAX: (84) 4334 6202

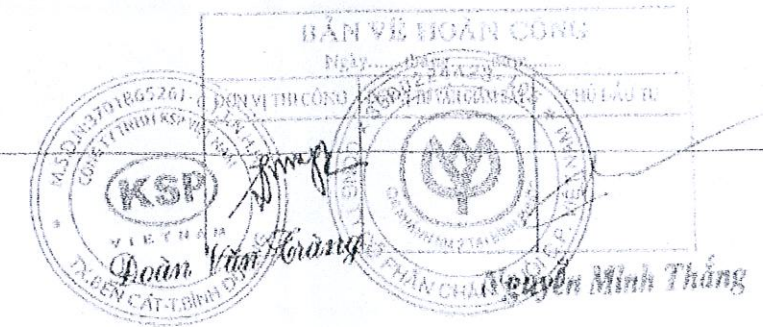
ARCHITECT	
STRUCTURAL DR.	
DATE	
DESCRIPTION	
REV. NO.	
0	00-00-00
1	00-00-00
2	00-00-00
3	00-00-00
4	00-00-00
5	00-00-00
6	00-00-00
7	00-00-00
8	00-00-00
9	00-00-00
10	00-00-00
11	00-00-00
12	00-00-00
13	00-00-00
14	00-00-00
15	00-00-00
16	00-00-00

PROJECT
C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.
TITLE OF DRAWING
HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC NHẬP LIỆU DẠNG BỘT

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Dep. No.			
			1



SECTION FRAME LINE X6-X6



CP VIETNAM CORPORATION
 BUNHAI FACTORY 2 AT BINH PHUOC
 Lot 810, Zone B, Broomer Industrial Zone
 Binh Thuan province, Chon Thanh district, Binh Phuong, Viet Nam

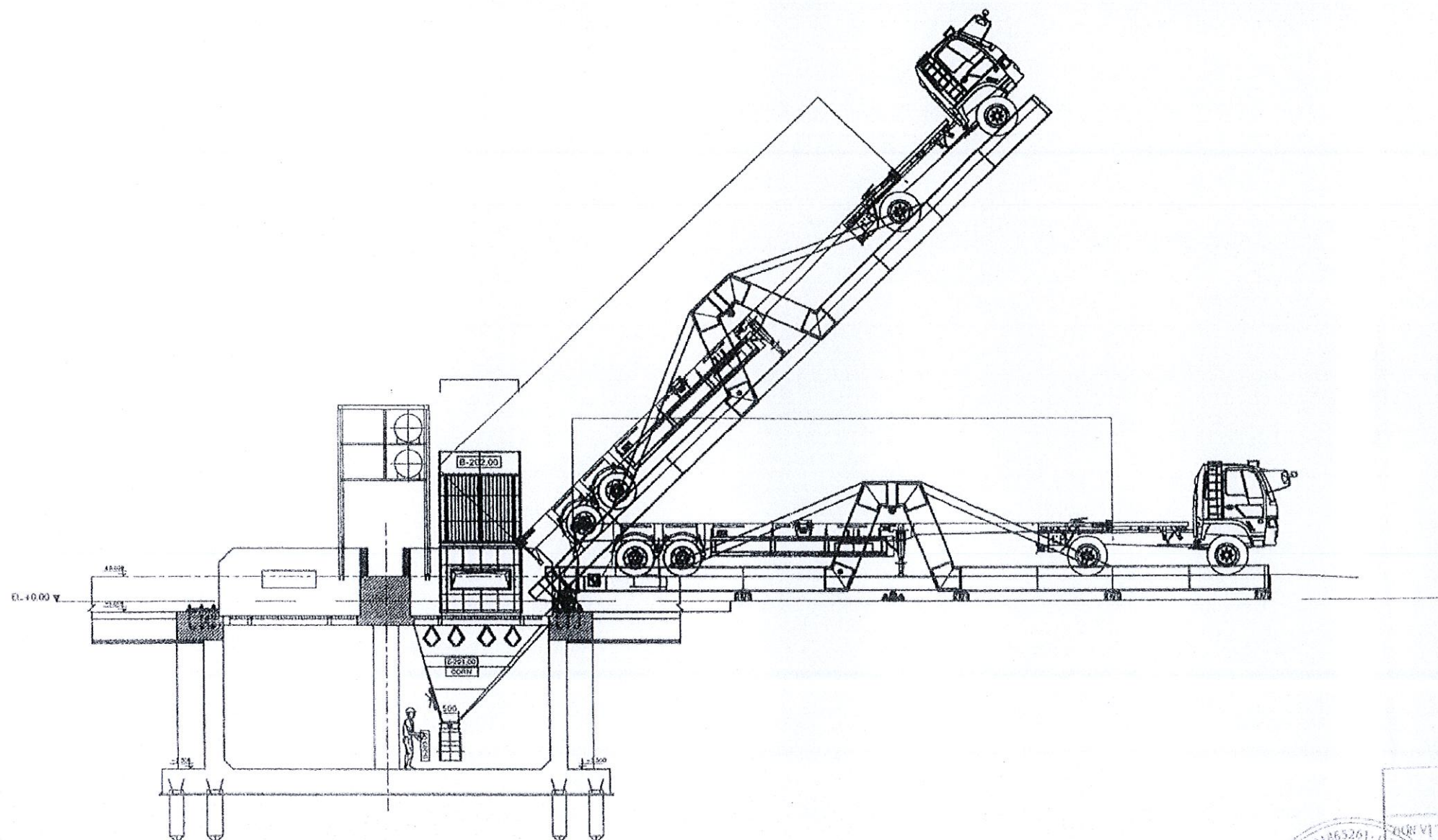
KSP VIETNAM CO., LTD
 1a M. A. Chi My Phuong 2 Industrial Zone, Chon Thanh New Ward,
 Binh Duong, Binh Duong, Viet Nam
 TEL: (84) 4320-000-21 Ext 871, FAX: (84) 4354-6303

REV.	NO.	DATE	DESCRIPTION	APP.	BY
0	00-00-00		FIRST ISSUED		

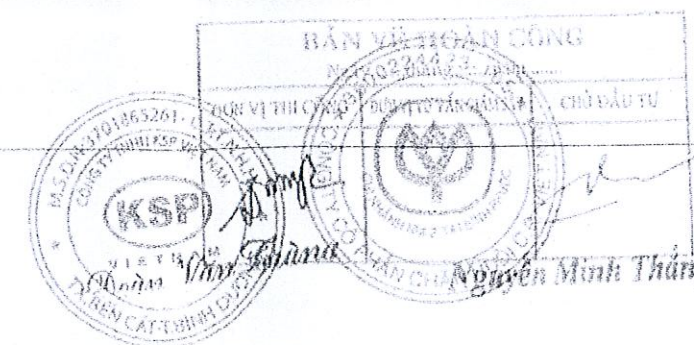
PROJECT: **C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT**
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING:
HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC NHẬP LIỆU DẠNG BỘT

Drawn: ENGINEER TEAM	Checked By: ENGINEER TEAM
Design By: ENGINEER TEAM	Project Mgr.:
Date:	Scale:
Proj. No.	
Dep. No.	2



SECTION FRAME LINE X5-X5

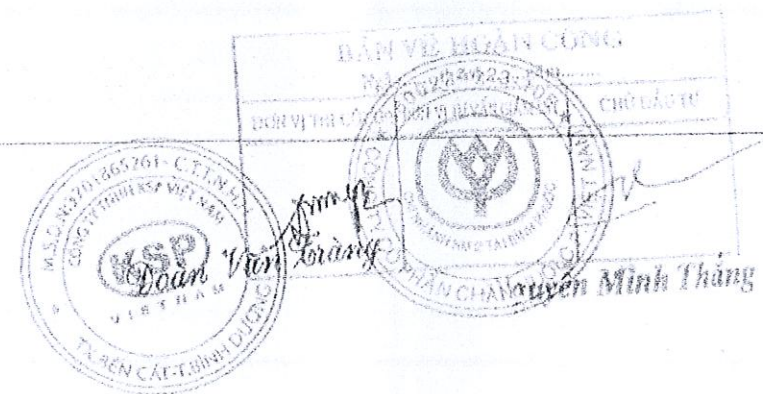
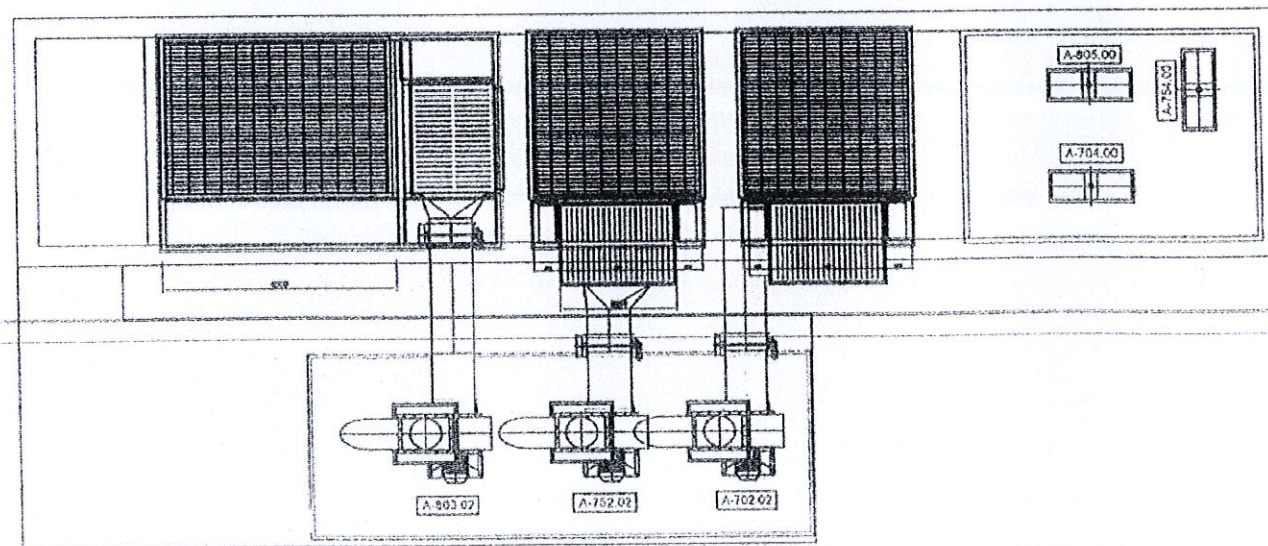
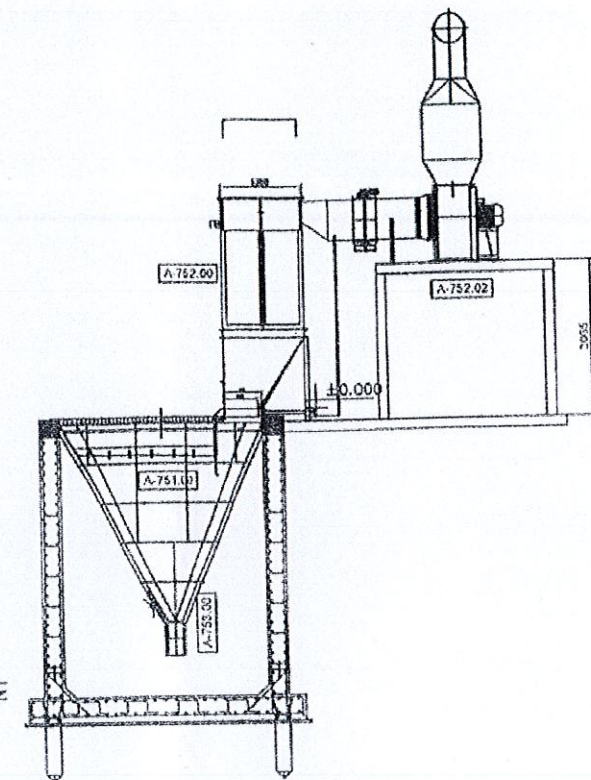
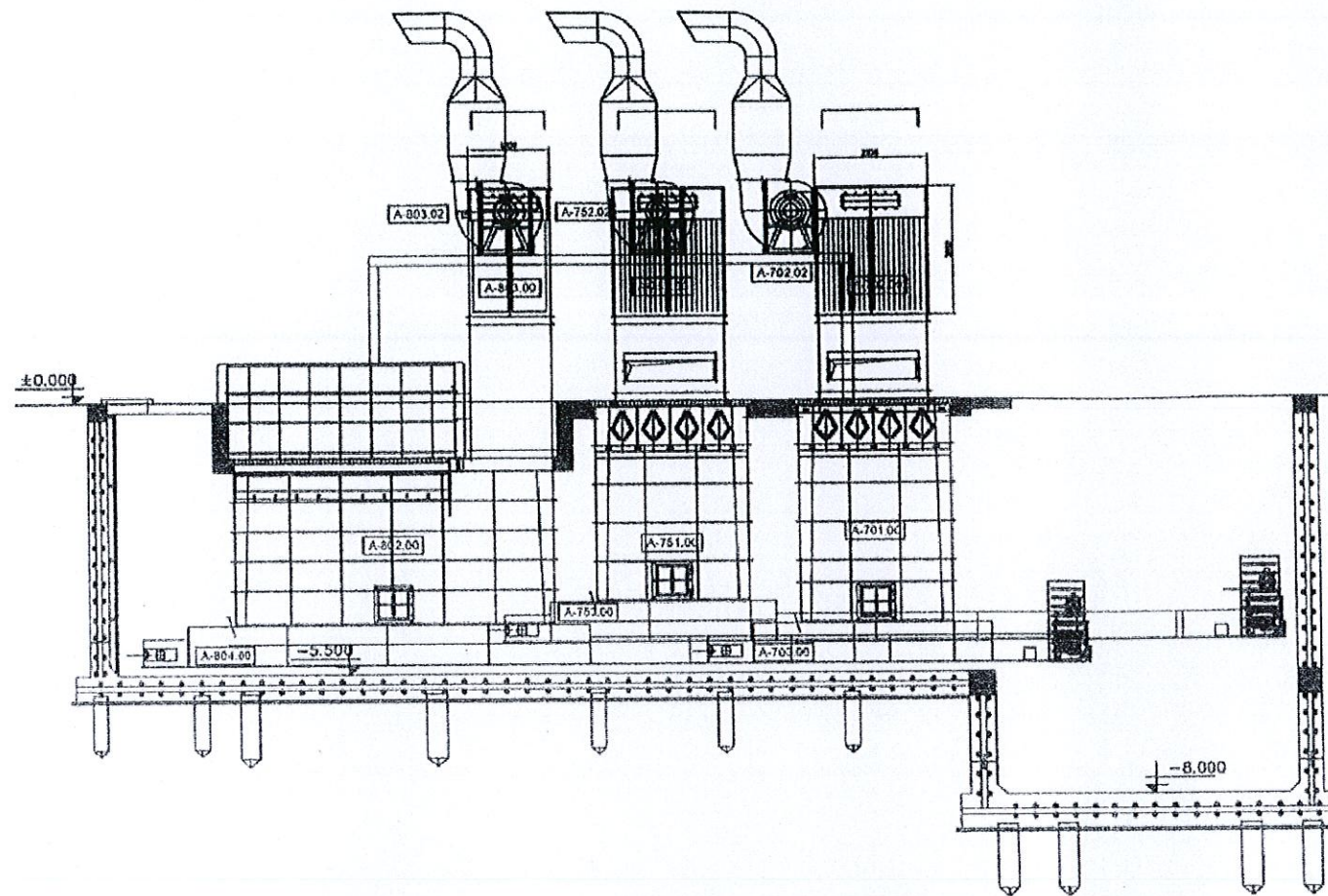


CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone
Binh Thanh commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam



KSP VIET NAM CO., LTD
Lot 1, LJA, CK, My Phuoc 2 Industrial Zone, Chanh Phai Hoa Ward,
Binh Duong, Binh Duong, Viet Nam
TEL: (843) 6339-600 61 64 871, FAX: (843) 6334-6203

					ARCHITECT	-		PROJECT	C.P. BINH PHUOC FEEDWILL PROJECT C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.	Drawn :	ENGINEER TEAM	Checked By :	ENGINEER TEAM
					STRUCTURAL DIA.	-				Design By :	ENGINEER TEAM	Project Mgr. :	
								TITLE OF DRAWING		Date :		Scale :	
								HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC NHẬP LIỆU ĐANG ĐỢT		Proj No.			
D	00-00-00				FIRST ISSUED	KPI				Dep. No.			3
REV.	DATE				DESCRIPTION	BY							



CP VIETNAM CORPORATION
 PHAN THIAT FACTORY 2A1 BINH PHUOC
 Lot B10, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone
 Binh Thuan Commune, Binh Thuan District, Binh Thuan, Viet Nam
 TEL: (843) 4550.600-31 Bui 871, FAX: (843) 4551.6003



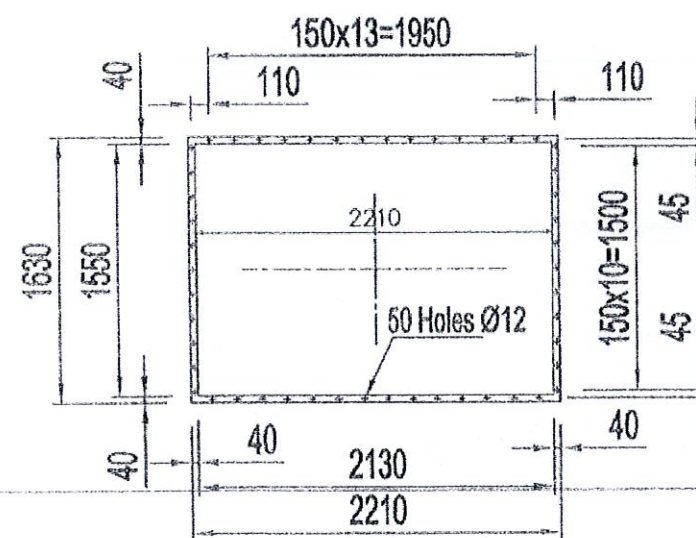
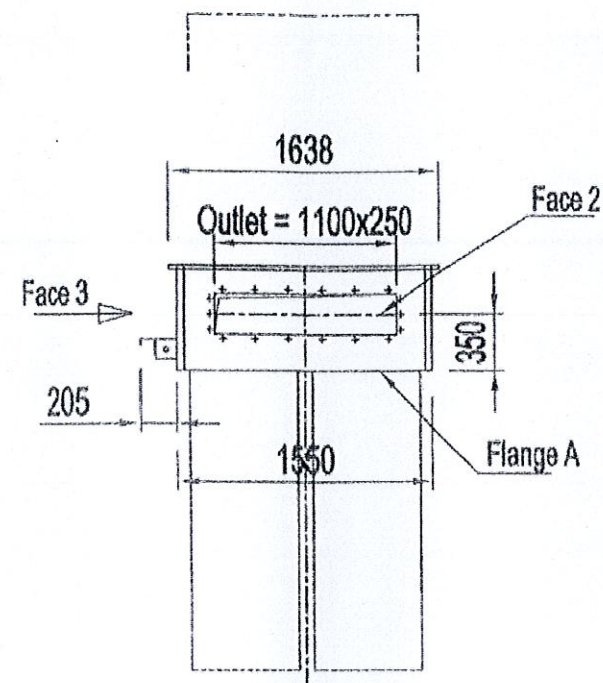
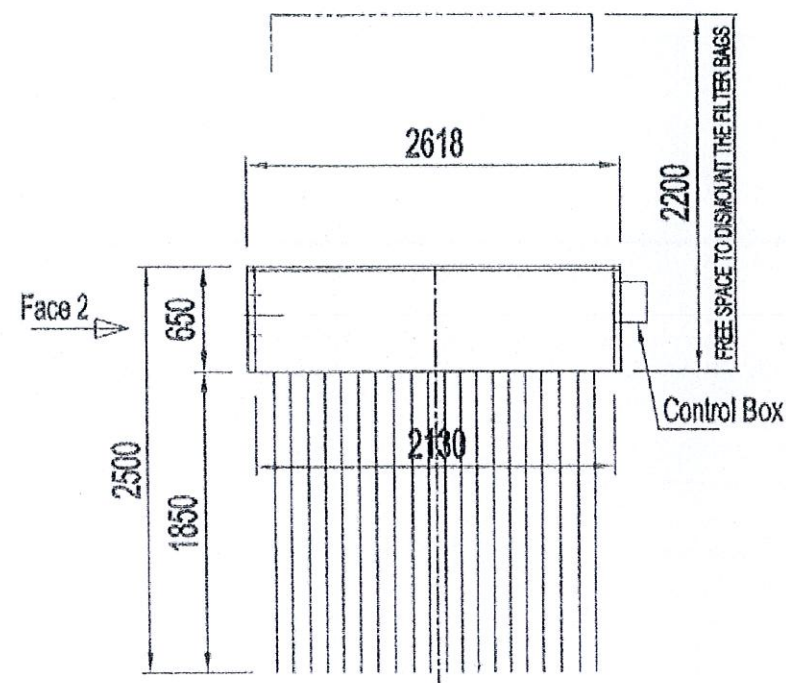
KSP VIET NAM CO., LTD
 Lot B10, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone, Binh Thuan Commune,
 Binh Thuan District, Binh Thuan, Viet Nam
 TEL: (843) 4550.600-31 Bui 871, FAX: (843) 4551.6003

REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00	FIRST ISSUED	KPH

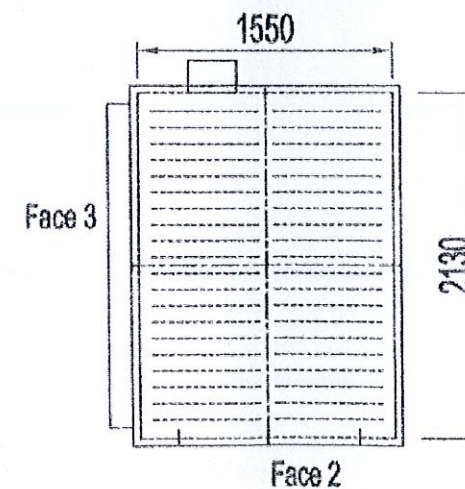
ARCHITECT	
STRUCTURAL ENG.	

PROJECT	C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.
TITLE OF DRAWING	HE THONG LOC BUI KHU VUC TAMAP LIEU DANG BOT

Drawn By:	ENGINEER TEAM	Checked By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Draw. No.			4

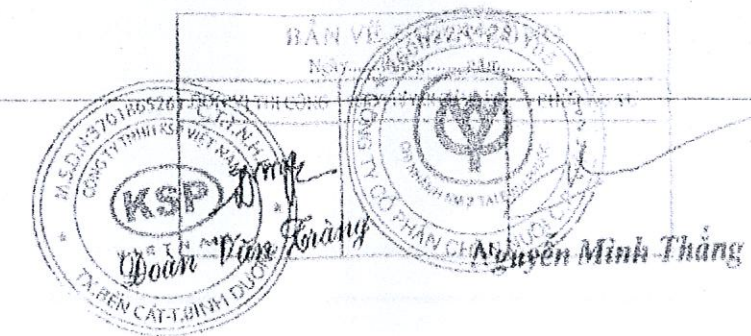


DETAIL FLANGE A



FILTER CFPD 20-40-100m2
Dead Load = 870 kg on Periphery
Dynamic Coeff. = x 1.3

Control Box: 230V 50Hz mono
Air Consumption: 45 Nm3/H - 6 Bar - G 1/2"
Depression maxi = 200 mm CE
Filter Regulator + Manometer G 1/2"



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
LUBO, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone
Binh Thuan District, Binh Thuan, Vietnam

KSP VIETNAM CO., LTD
LUBO, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone, Chanh Phu Hoa Ward,
Binh Thuan District, Binh Thuan, Vietnam
TEL: (855) 4336-608-31 Ext 871, FAX: (855) 4334-6208

REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00	FIRST ISSUED	01

PROJECT: C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

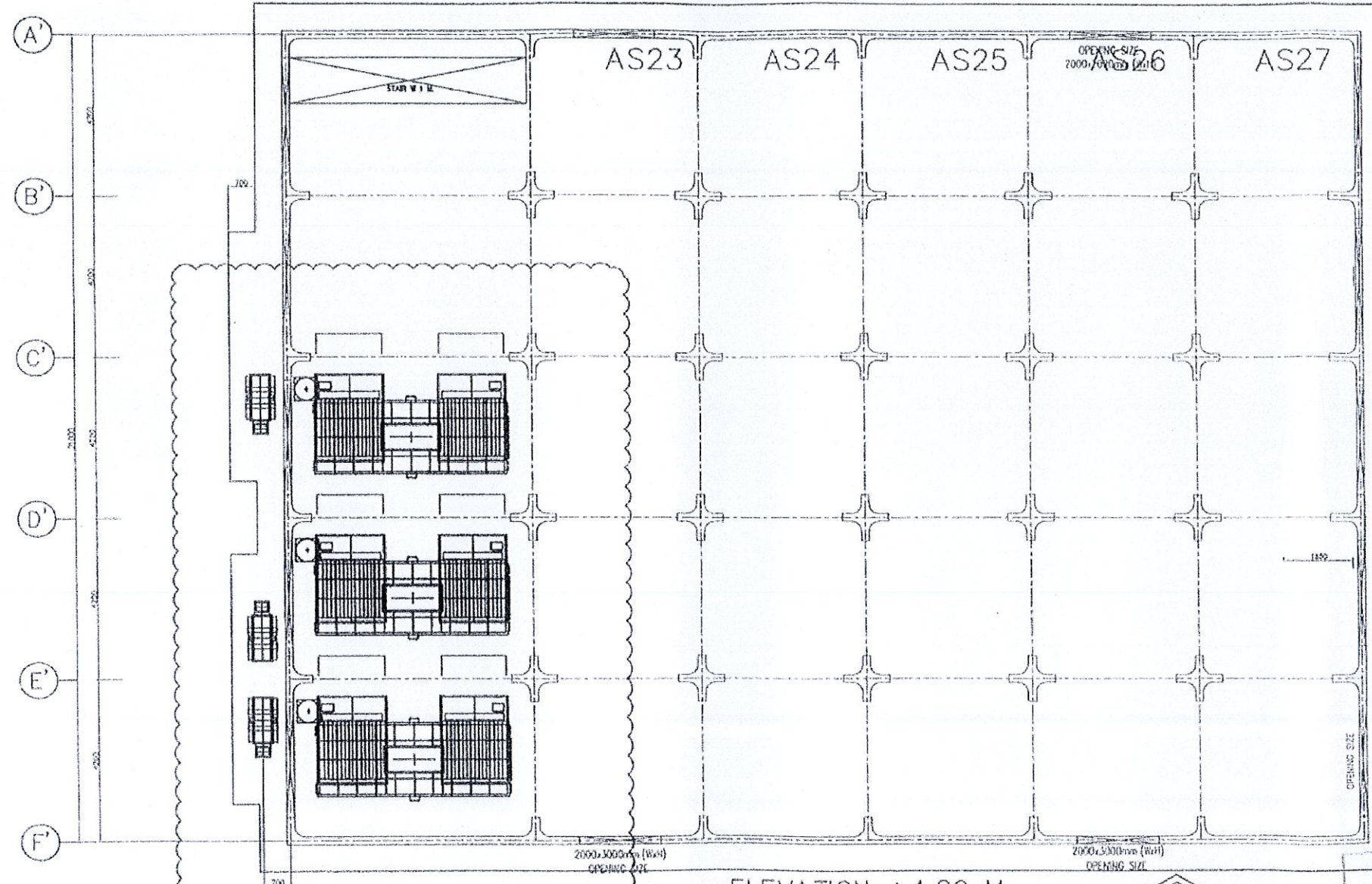
TITLE OF DRAWING: HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC NHẬP LIỆU DẠNG BỘT

Drawn: ENGINEER TEAM	Checked By: ENGINEER TEAM
Design By: ENGINEER TEAM	Project Mgr: ENGINEER TEAM
Date: 15/05/2024	Scale: 1:1
Proj No: 2024-001	Draw No: 6

SECTION 1'A-1'A

A1 SCALE

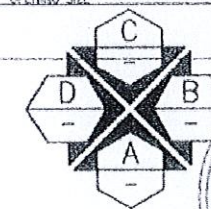
1 : XXX
1 : XXX



ELEVATION +4.80 M.

LIVE BOTTOM SCREW PLAN

A1 SCALE
A3 SCALE



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Baocan Industrial Zone
Mia Thanh commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam



KSP VIET NAM CO., LTD
Lot B10, Zone B, Baocan Industrial Zone, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam
TEL: (84) 438-600-81 Ext 871, FAX: (84) 438-600-81

ARCHITECT	-
STRUCTURAL DR.	-
DATE	00-00-00
DESCRIPTION	FIRST ISSUED
BY	KPI

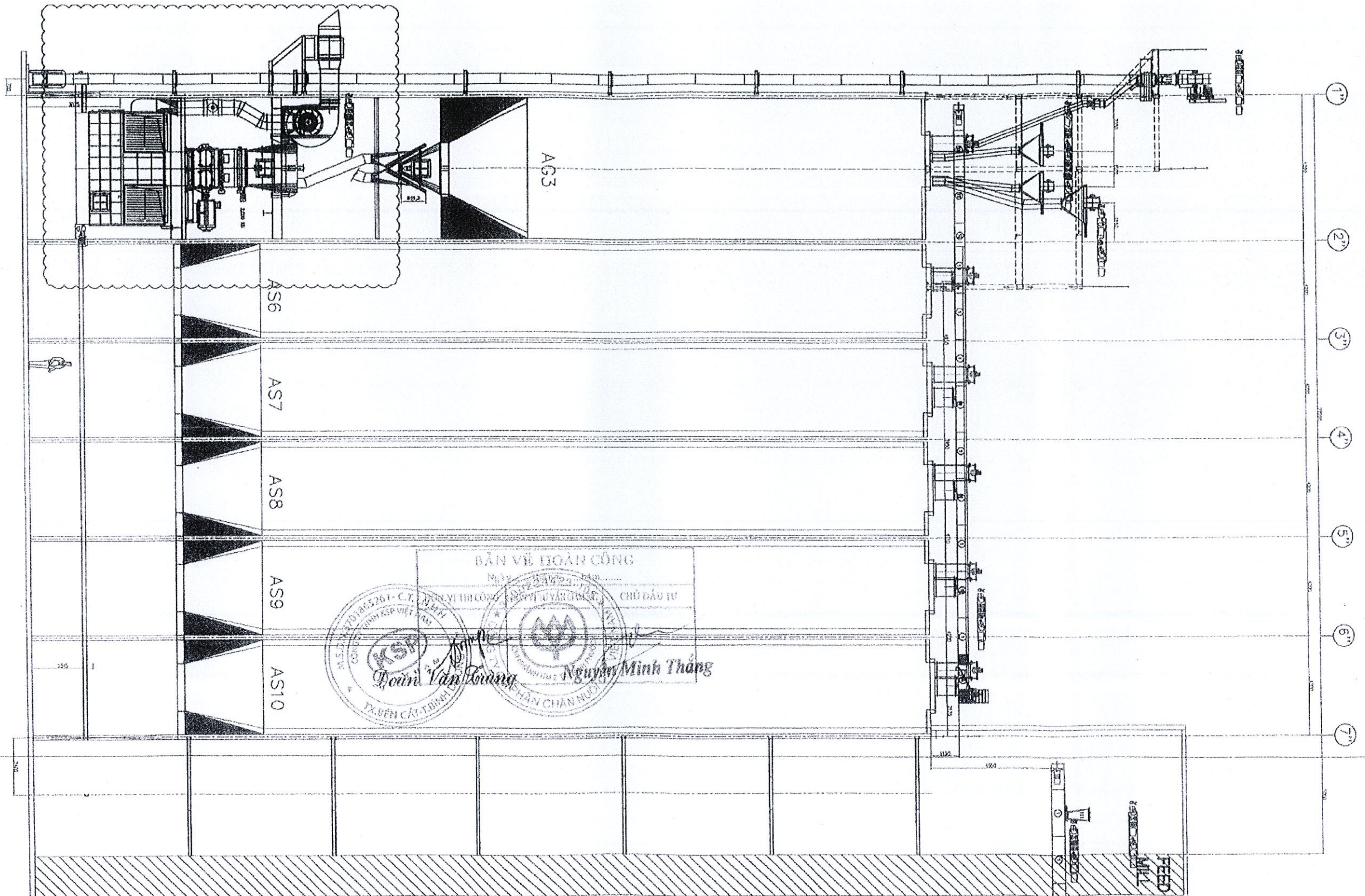
PROJECT C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING

HỆ THỐNG LỘC BỤI KHU VỰC MÁY NGHIÊN

Drawn : ENGINEER TEAM	Checked By : ENGINEER TEAM
Design By : ENGINEER TEAM	Project Mgr. :
Date :	Scale :
Proj. No.	
Dep. No.	1

SECTION E'-E'
1:100
1:100
A



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 3 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone,
Lien A Thanh commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Vietnam



KSP VIET NAM CO., LTD
Lot M1A, CR, My Phuoc 2 Industrial Zone, Chanh Phu Hoa Ward,
Ban Oai, Binh Duong, Viet Nam
TEL: (843) 4520-800 211 841 971, FAX: (843) 4534 5002

REV.		DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00		FIRST ISSUED	YET

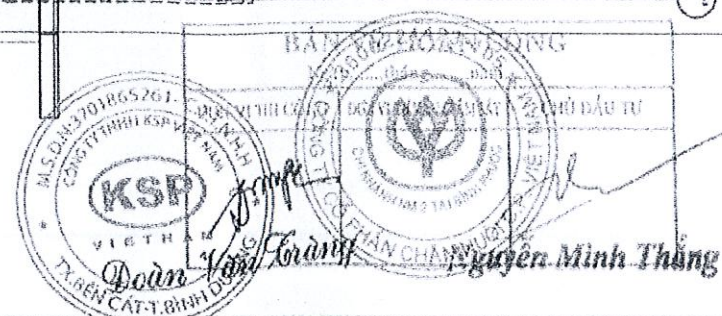
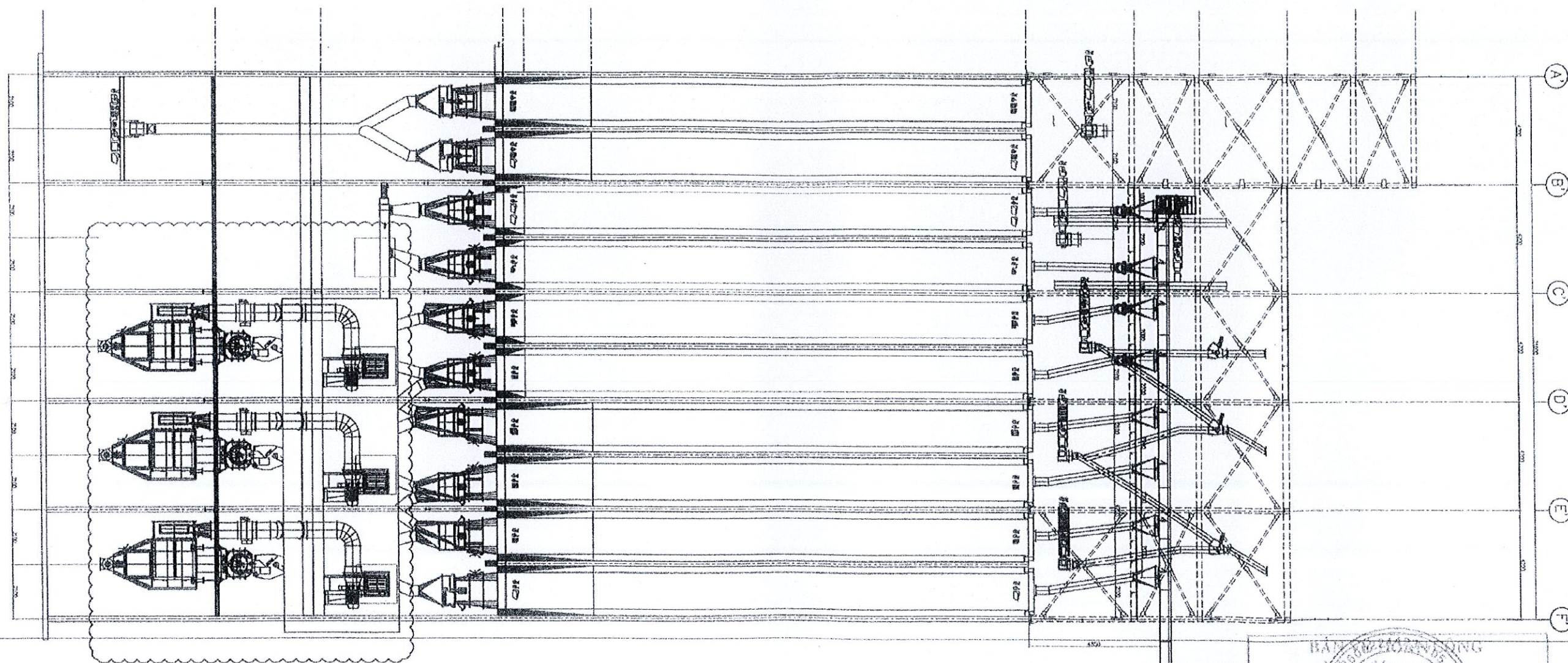
ARCHITECT	
STRUCTURAL ENG.	

PROJECT
C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING

HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY NGHIÊN

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked by:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Dep. No.			2



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY # AT BINH PHUOC
Lot #10, Zone B, Socomec Industrial Zone,
Binh Thanh commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam



KSP VIET NAM CO., LTD
Lot #4, SA, CN, My Phuoc 2 Industrial Zone, Chanh Phu Hoa Ward,
Binh Cat, Binh Duong, Viet Nam
TEL: (84) 4330 600-21 KINH 871, FAX: (84) 4334 633

REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00	FIRST ISSUED	KSP
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			

PROJECT: C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

FILE OF DRAWING

HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY NGHIÊN

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Dwg. No.			3

HỆ THỐNG TÚI LỌC

VÍT THU GOM BỤI

ÔNG XÁ GIÓ

QUẠT HÚT



CP GROUP
CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Socosao Industrial Zone
Minh Thien commune, Gioe Thanh district, Binh Phuoc, Vietnam

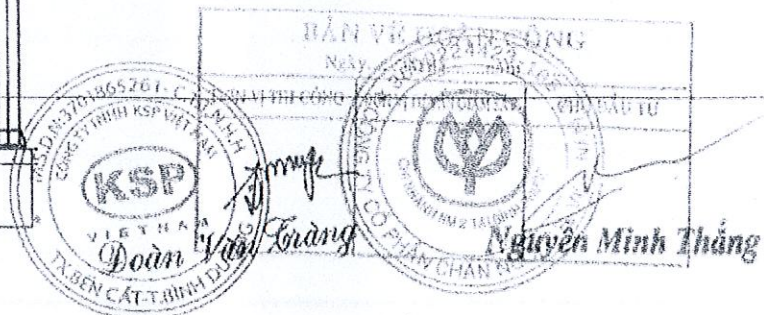
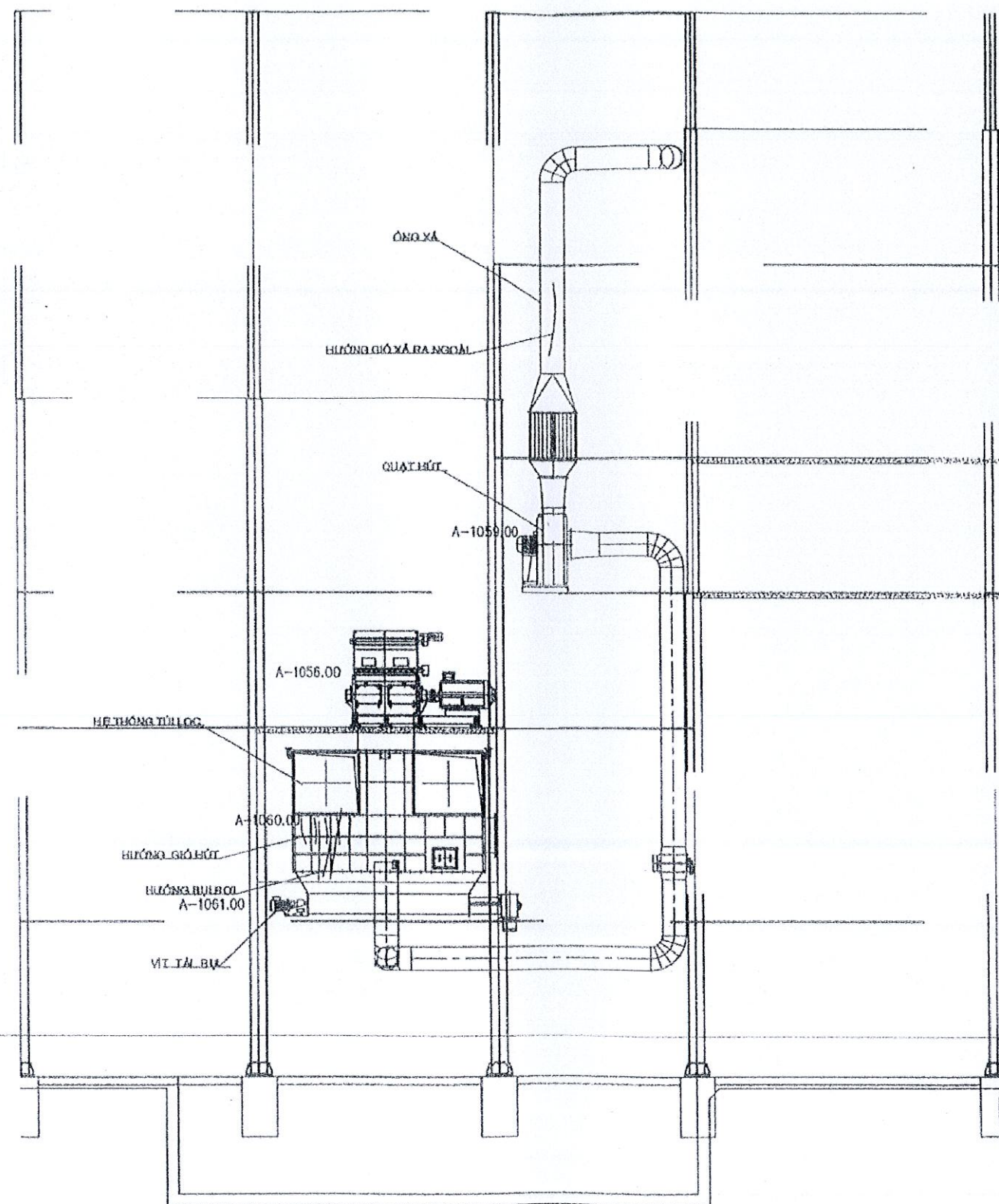
KSP
VIETNAM
KSP VIET NAM CO., LTD
Lot M_3A_01, My Phuoc 2 Industrial Zone, Thanh Phu Hoa Ward,
Ben Cat, Binh Duong, Viet Nam
TEL: (855) 4330-609-21 Ext 871, FAX: (855) 4334-5203

REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00	FIRST ISSUED	KPI

ARCHITECT	-
STRUCTURAL ENG.	-
ELECTRICAL ENG.	-
Mechanical Eng.	-
Plumbing Eng.	-
Sanitary Eng.	-
Other	-

PROJECT	C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.
TITLE OF DRAWING	HỆ THỐNG LỌC BỤI KÍ VỰC MÁY NGHIÊN

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Dwg. No.			04



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT 0881 P18J00
Lot 010, Zone B, Binhphuoc Industrial Zone
Mekong Thinh company, Chao Thanh 08815, Binh Phuoc, Viet Nam



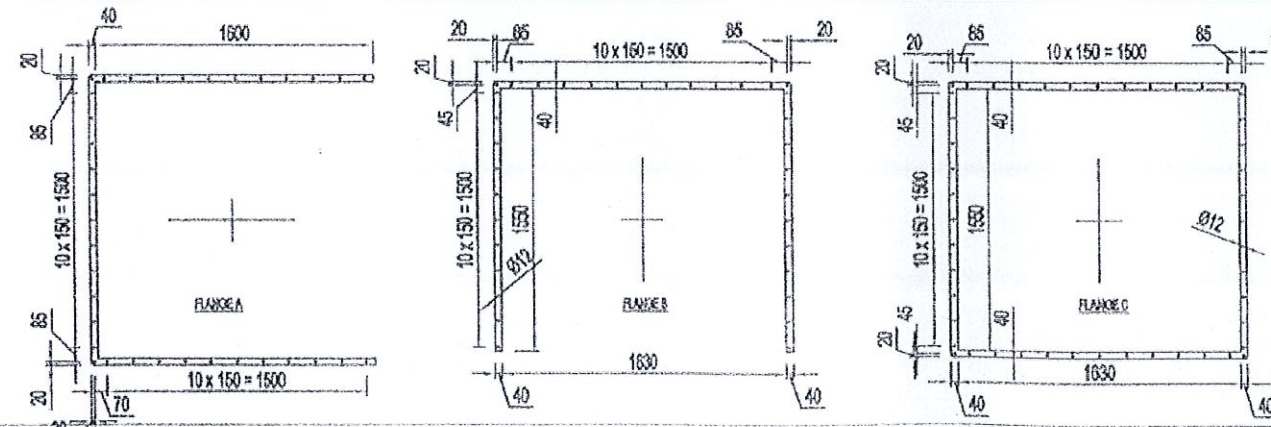
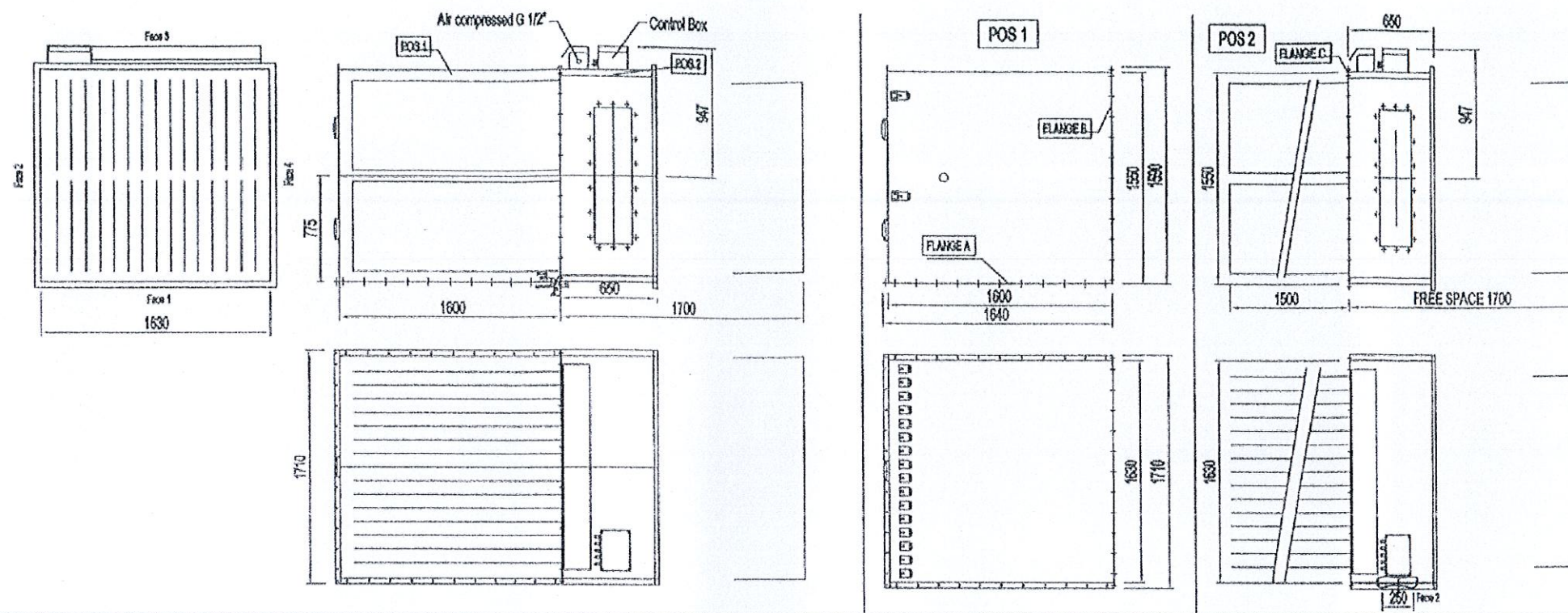
KSP VIET NAM CO., LTD
Lot 010, Zone B, Binhphuoc Industrial Zone, Chao Thanh 08815, Binh Phuoc, Viet Nam
TEL: (84) 933 030 41 Fax: (84) 933 434 033

ARCHITECT	-
STRUCTURAL ENG.	-
MECHANICAL ENG.	-
ELECTRICAL ENG.	-
PLUMBING ENG.	-
REVISION	-
REV. NO.	0
DATE	00-00-00
DESCRIPTION	FIRST ISSUED
BY	121

PROJECT C.P. BINHPHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING
HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY NGHIÊN

Drawn by : ENGINEER TEAM	Checked By : ENGINEER TEAM
Design By : ENGINEER TEAM	Project Mgr. :
Date :	Scale :
Proj No. :	
Draw. No. :	05

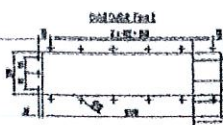


FILTER CPH 15-30-60m2
 Empty Dead Load = 812 kg on Periphery
 Dynamic Coeff. = 1.3
 Filter regulator + manometer G 1/2"
 Control Box 230V 50Hz mono
 Air Consumption: 28.1 Nm3/H - 8 Bar - G 1/2"
 Depression max = 239 mm CE



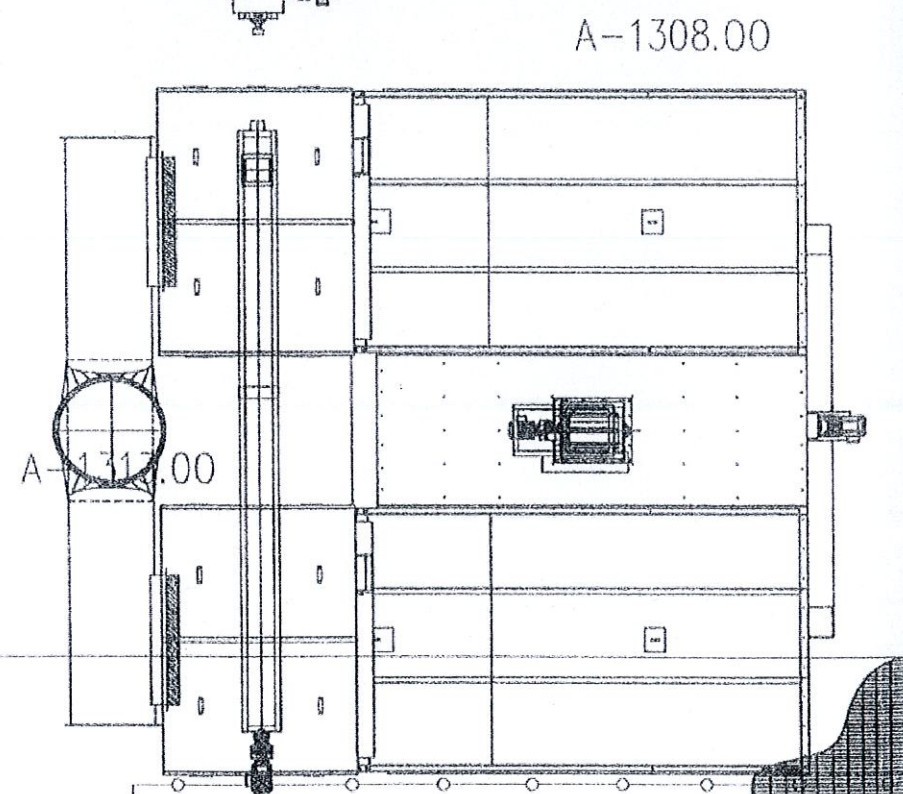
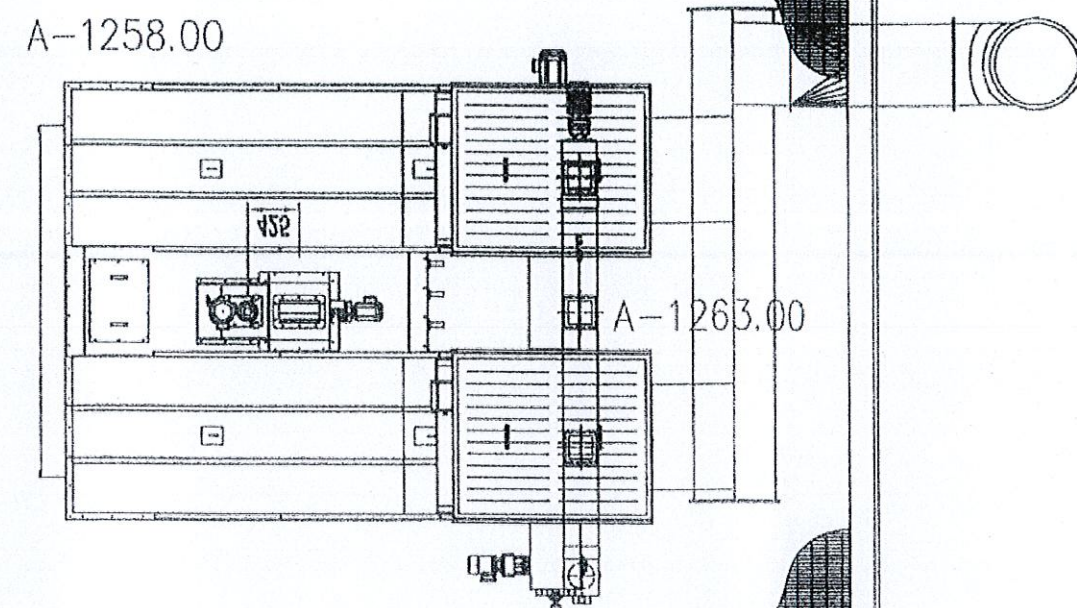
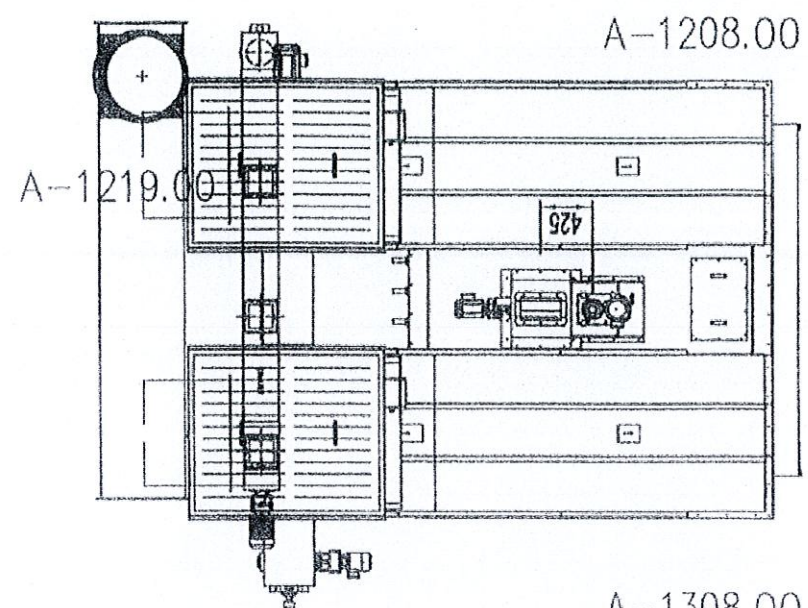

CP VIETNAM CORPORATION
 BRANCH FACTORY ZAT BINH PHUOC
 Lot 810, Zone B, Bacan Industrial Zone
 Minh Thang commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam


KSP VIETNAM CO., LTD
 Lot 81A, CH, My Phuoc 2 Industrial Zone, Chon Phu Hoa Ward,
 Ban Chai, Binh Duong, Viet Nam
 TEL: (843) 4330 400-81 Ext 871, FAX: (843) 4334 3203



REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	00-00-00	FIRST ISSUED	KSP

PROJECT	C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.
TITLE OF DRAWING	HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY NGHIỀN
Drawn By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM
Date:	
Proj. No.	
Dwg. No.	06
Checked By:	ENGINEER TEAM
Project Mgr.:	
Soda:	



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Broomer Industrial Zone
Minh Thanh commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Vietnam

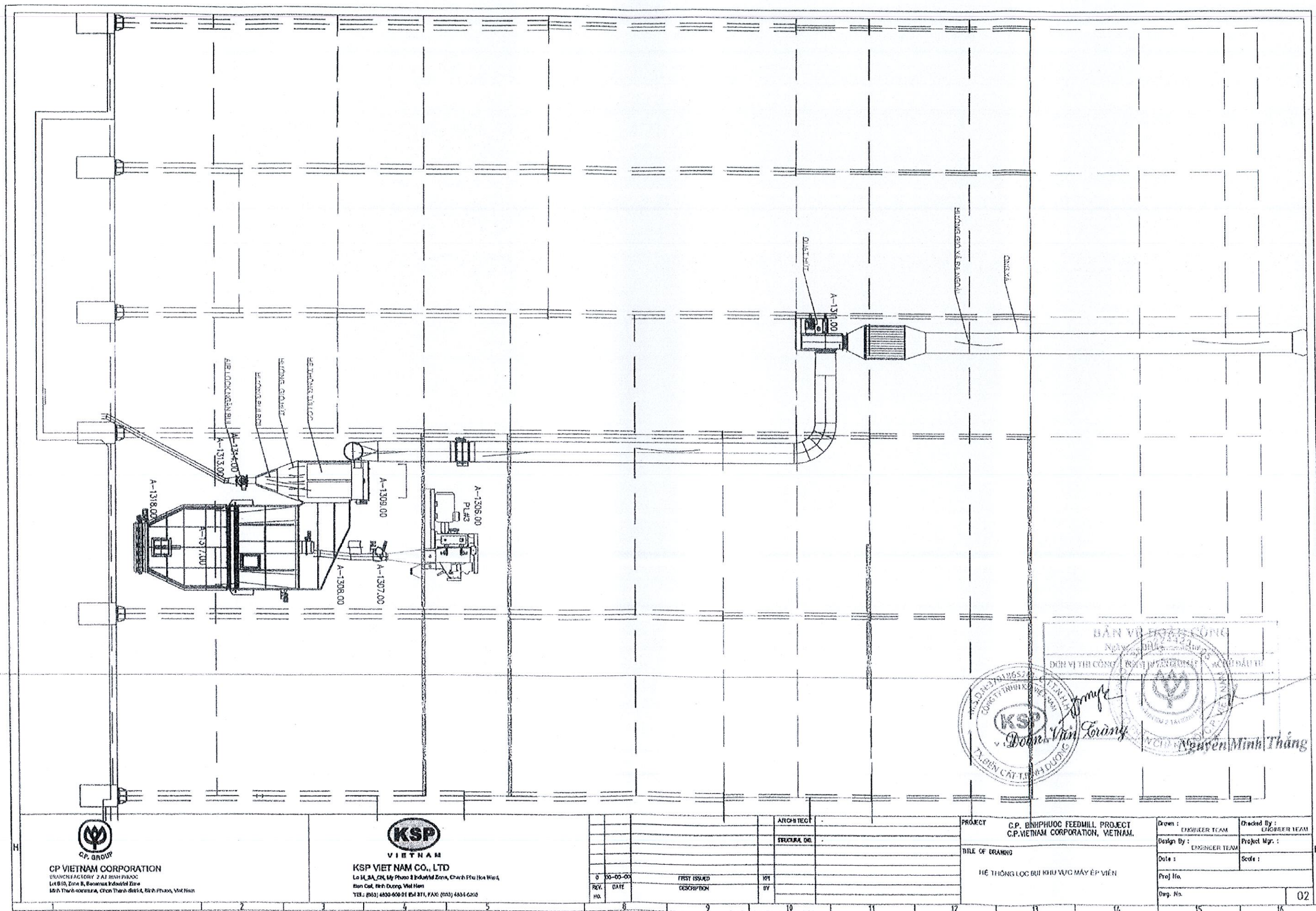
KSP VIETNAM CO., LTD
Lot B10A, Zone B, Broomer Industrial Zone, Chon Thanh district, Binh Phuoc, Vietnam
TEL: (84) 4250-800-811 FAX: (84) 4250-800-812

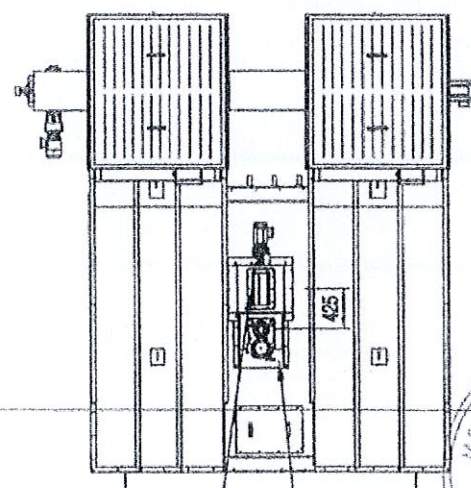
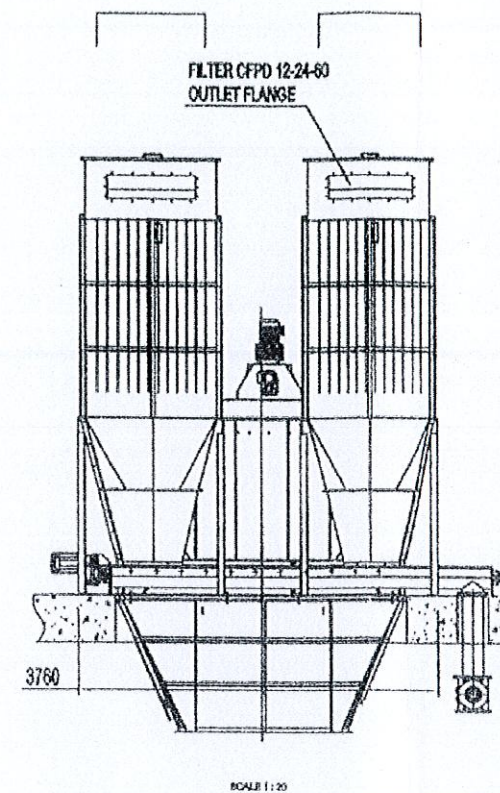
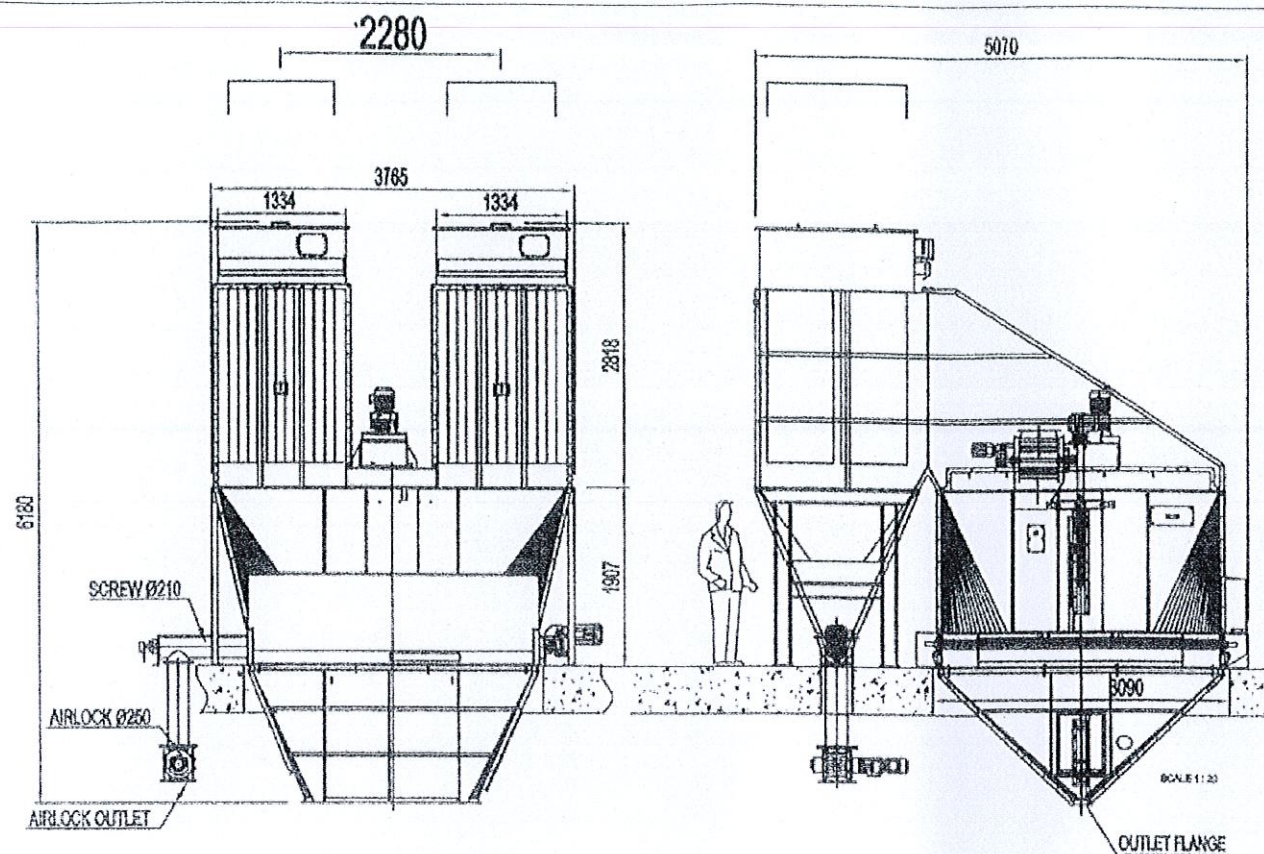
REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	10-00-00	FIRST ISSUED	KSP
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			

PROJECT
C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING
HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY ÉP VIÊN

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked by:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Dep. No.			01





- Power:**
- Oscillating air lock valves: Gear motor 1 x 0.75 kW 220/380V 50hz
 - Equalizing shafts: 1 x 1.1 kW 220/380V 50hz
 - 1 Rotary detector 24V DC
- RCCS Extractors as :**
- Driving by 1 x 1 pneumatic cylinders with monitoring accessories (24V DC)
 - 1 x 2 inductive switches (20/220V - AC/DC) control the position of the paddles .
 - 1 PT 100
- CASING ABOVE & UNDER RCCS:**
- 1 Indicator for emergency stop
 - 2 Capacity detector 24V DC for pellets unloading
 - 1 Position detector 24V DC for pellets unloading
 - 2 control boxes 220V
 - 1 Security switch for door access
- SCREW D.210:**
- 1 Rotary detector 24V DC
 - Gear motor 2.2 kw
 - 2 Position detector 24V DC for overload
- AIRLOCK D.250:**
- Gear motor 0.55 kw
- Air compressed 6bar-2Nm³/h**

CP GROUP
CP VIETNAM CORPORATION
 BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
 Lot B10, Zone B, Riverside Industrial Zone
 Binh Thuan Commune, Cua Thanh District, Binh Phuoc, Viet Nam

KSP VIETNAM
KSP VIET NAM CO., LTD
 Lot M_BA, CPH My Phuoc 2 Industrial Zone, Check Point for Viet Nam
 Binh Duong District, Binh Duong, Viet Nam
 TEL: (84) 4539-600-41 Ext 371, FAX: (84) 4539-6202

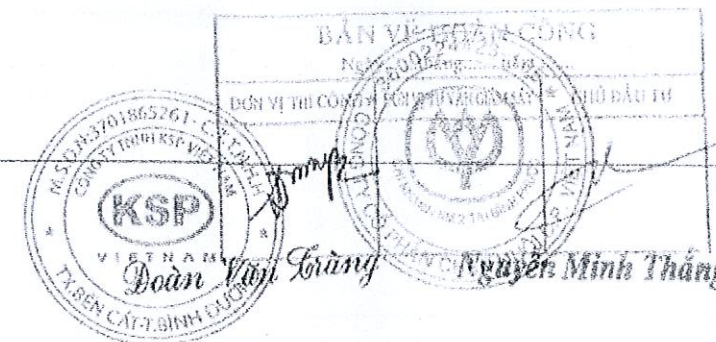
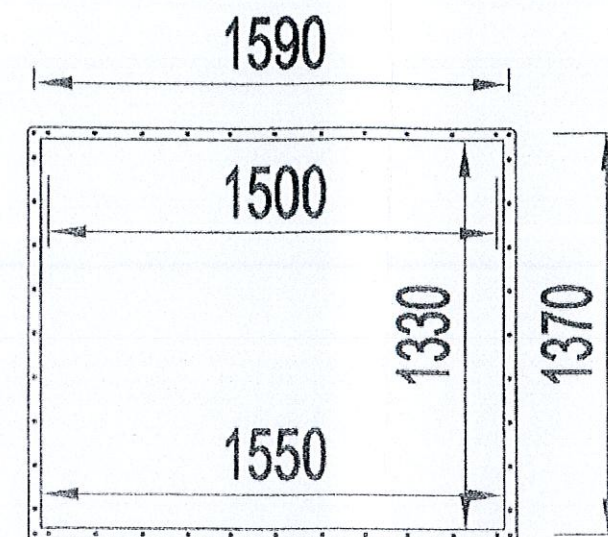
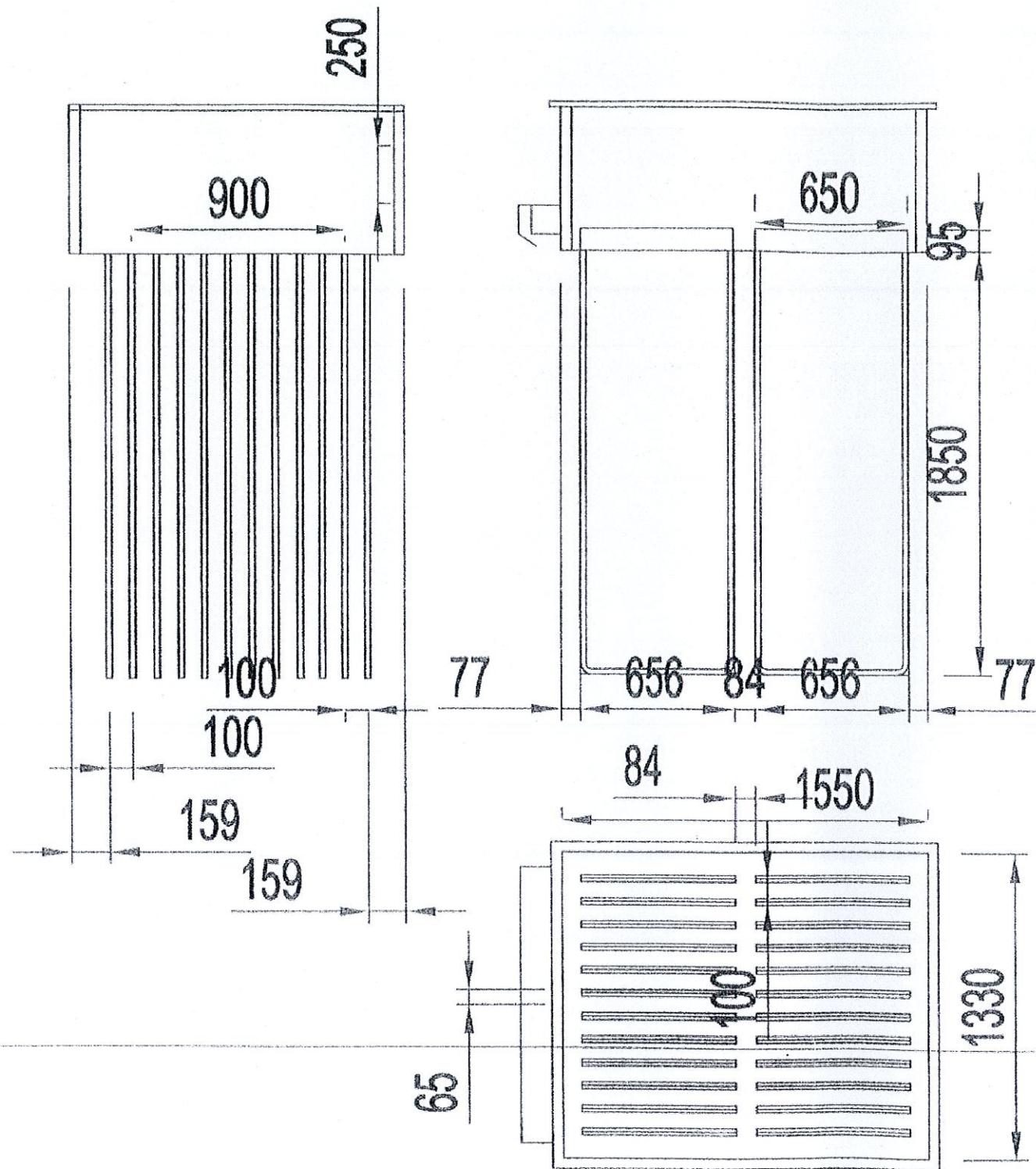
REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	20-09-00	FIRST ISSUED	KY
1			BT

PROJECT
 C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT
 C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.

TITLE OF DRAWING
 HỆ THỐNG LỌC BỤI KHI VỰC MÁY ÉP VIÊN

Drawn : ENGINEER TEAM
Design By : ENGINEER TEAM
Date :
Proj No. :
Dep. No. :

Checked By : ENGINEER TEAM
Project Mgr. :
Scale :



CP VIETNAM CORPORATION
BRANCH FACTORY 2 AT BINH PHUOC
Lot B10, Zone B, Binh Phuoc Industrial Zone
Minh Thanh commune, Omon Thanh district, Binh Phuoc, Viet Nam



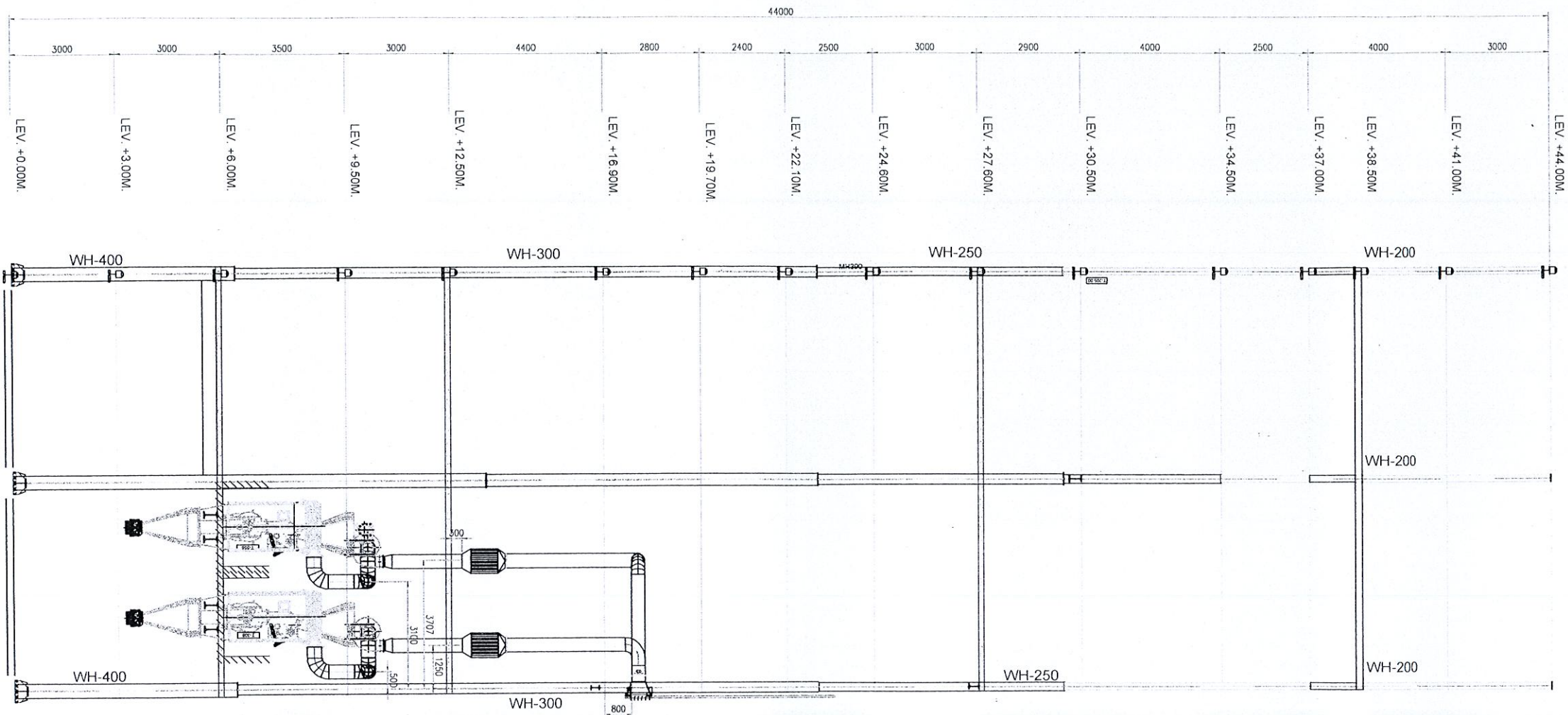
KSP VIET NAM CO., LTD
10 M. 3A, ON, My Phuoc 2 Industrial Zone, Chanh Phu Hoa Ward,
Ben Cat, Binh Duong, Viet Nam
TEL: (84) 650 650 21 Ext 871, FAX: (84) 654 650 8

REV.	DATE	DESCRIPTION	BY
0	20-00-00	FIRST ROUND	KSP

ARCHITECT	
STRUCTURE DR.	

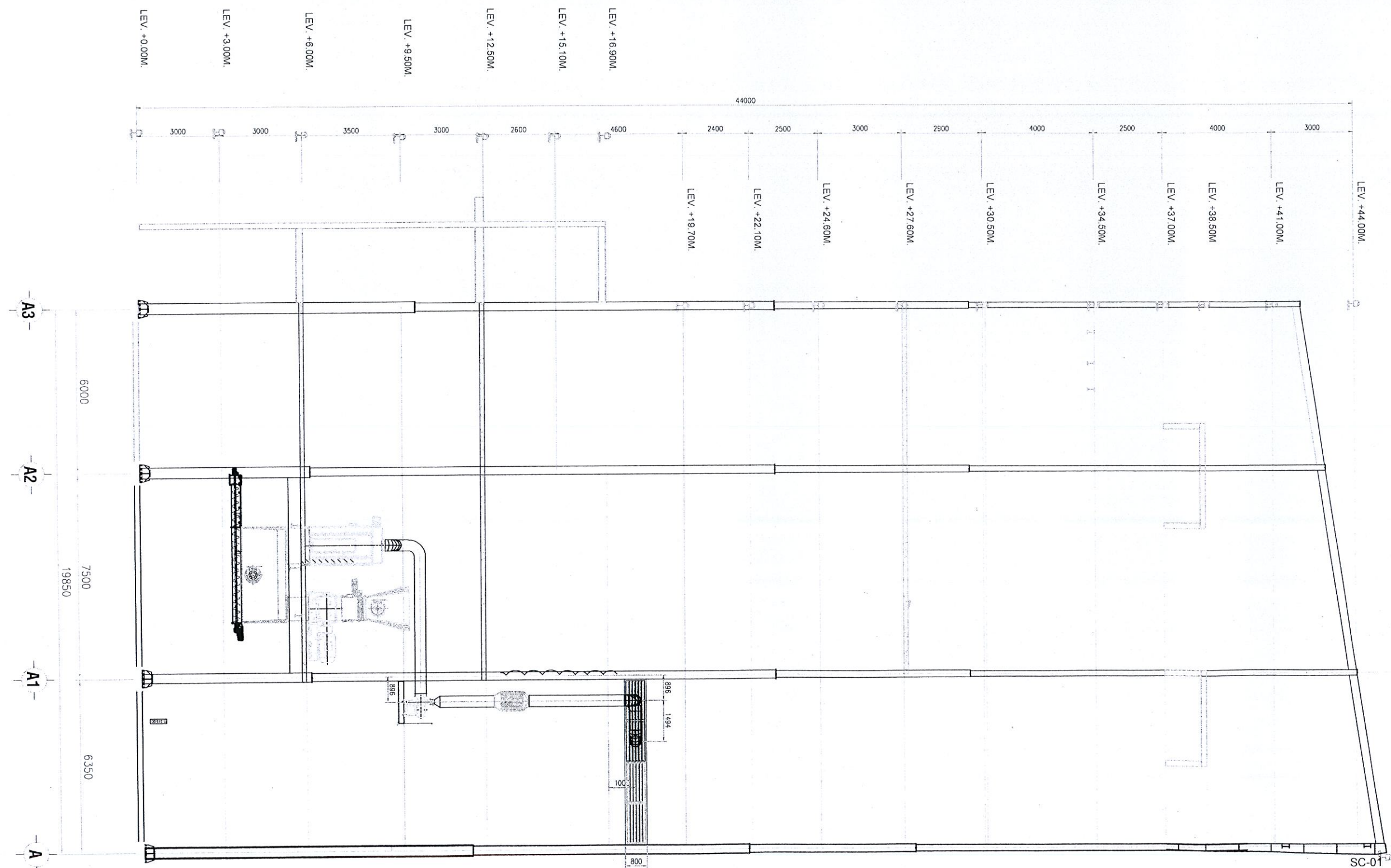
PROJECT	C.P. BINH PHUOC FEEDMILL PROJECT C.P. VIETNAM CORPORATION, VIETNAM.
TITLE OF DRAWING	HỆ THỐNG LỌC BỤI KHU VỰC MÁY ÉP VIÊN

Drawn by:	ENGINEER TEAM	Checked By:	ENGINEER TEAM
Design By:	ENGINEER TEAM	Project Mgr.:	
Date:		Scale:	
Proj. No.			
Draw. No.			04

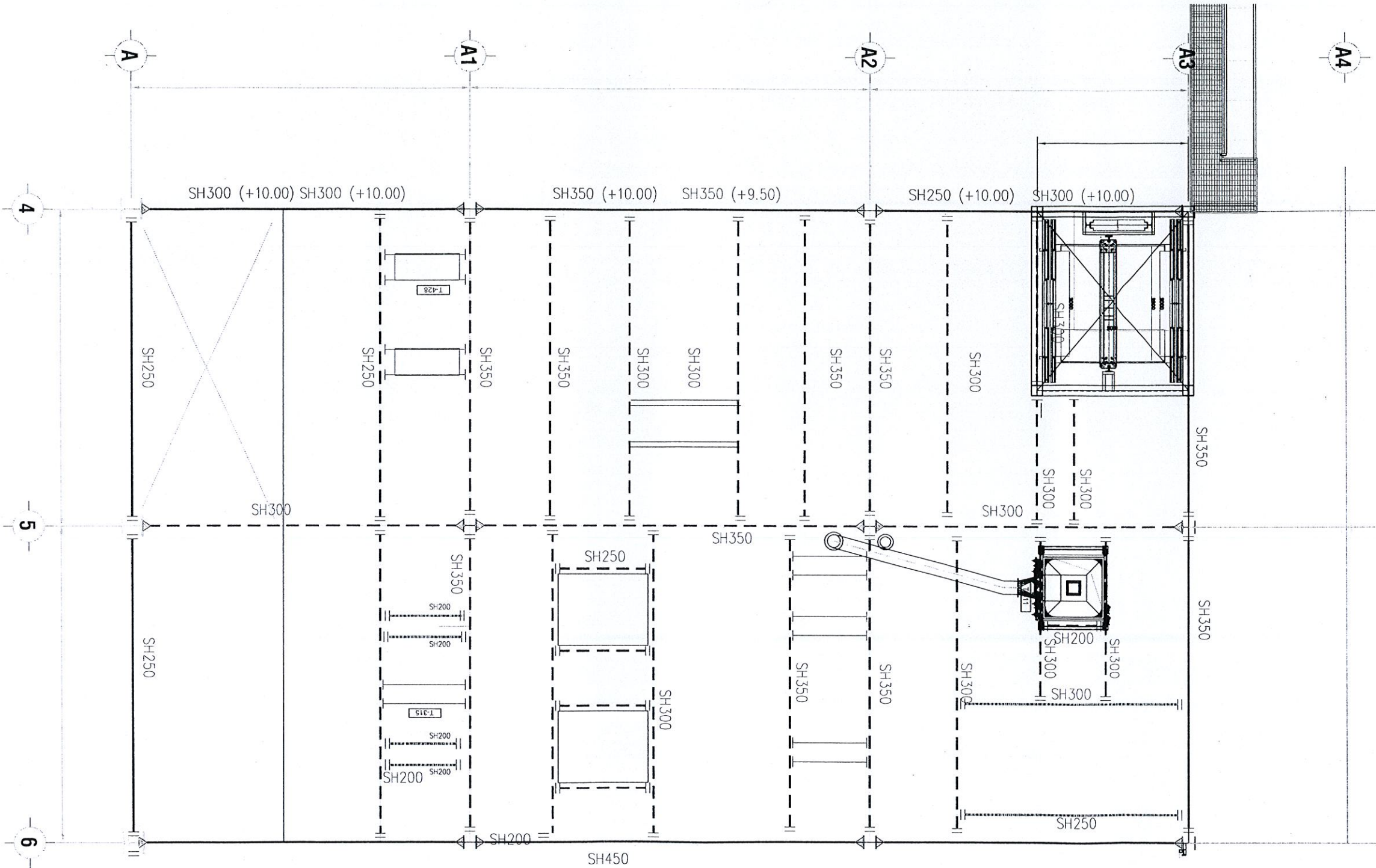


AXIS A1
A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN / PROJECT:	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:	THIẾT KẾ / DESIGN:	Hạng mục			Tên bản vẽ	
						Chủ Trì	Thiết Kế	Họa Viên	Tỷ lệ	Ngày
☒ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☒ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☒ Hoàn Công/ As-Built	KFM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ		NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC Địa chỉ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2 Địa chỉ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.		Chủ Trì	Thiết Kế	Họa Viên	Tỷ lệ	Ngày
	NGÀY THÁNG NĂM			Chủ Đầu tư	Giám Đốc	Kiểm			Ký hiệu bản vẽ	
				Director	Director	Checked By			Drawing No.	

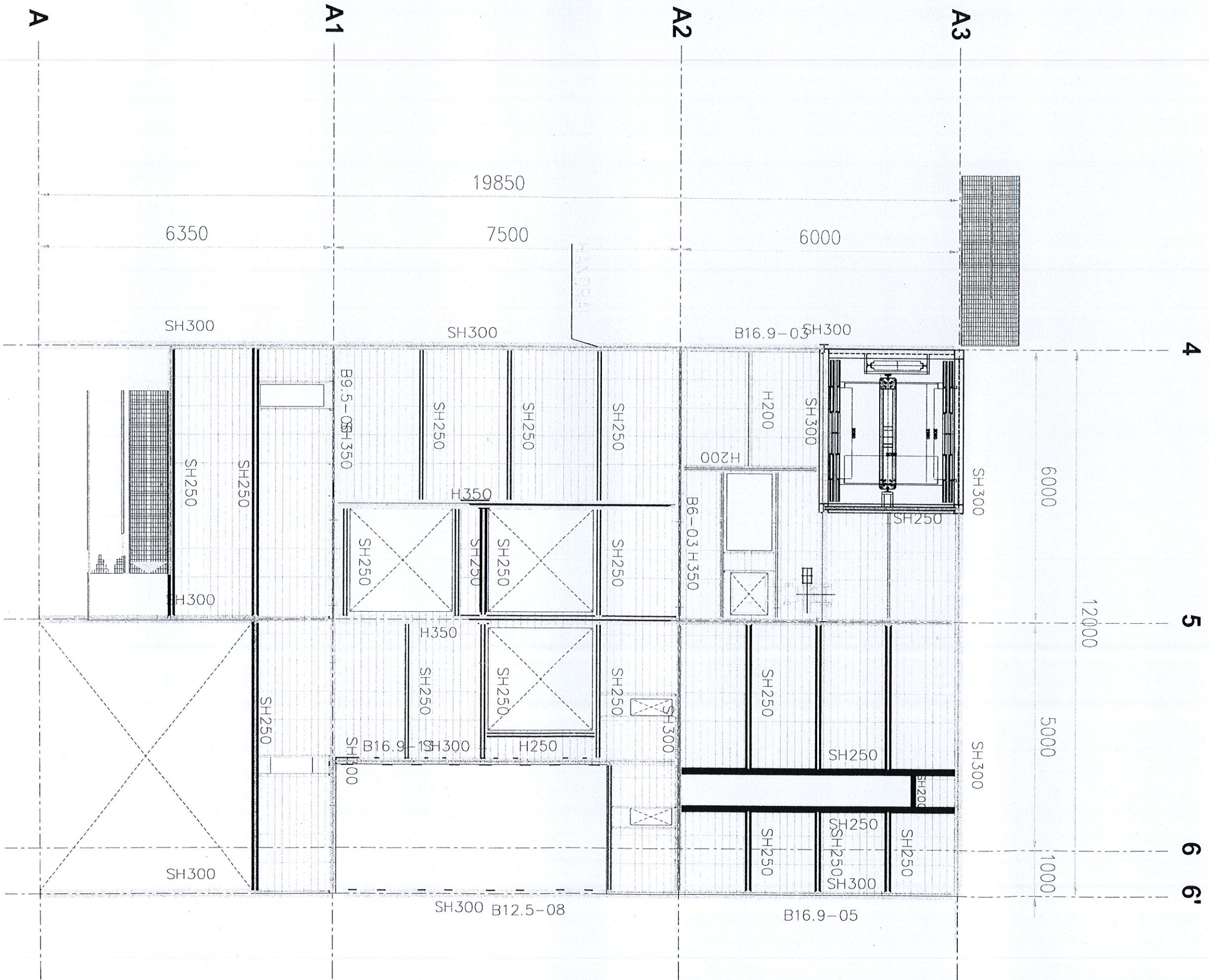


LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục Item		Tên bản vẽ Drawing title				
1 Thiết kế sơ sở Basic Drawings 2 Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings 3 Thiết Kế Thi Công Construction Design 4 Hoàn Công/ As-Built	KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM		NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC ĐỊA CHỈ: L6 B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province		LEV +45.00M			Tỷ lệ Scale: Ngày Date:			
										Chủ Đầu tư Owner	Giám Đốc Director	Kiểm Checked By
									Ký hiệu bản vẽ Drawing No.			



FLOOR 3: +9.50M
A2 SIZE SCALE 1:100

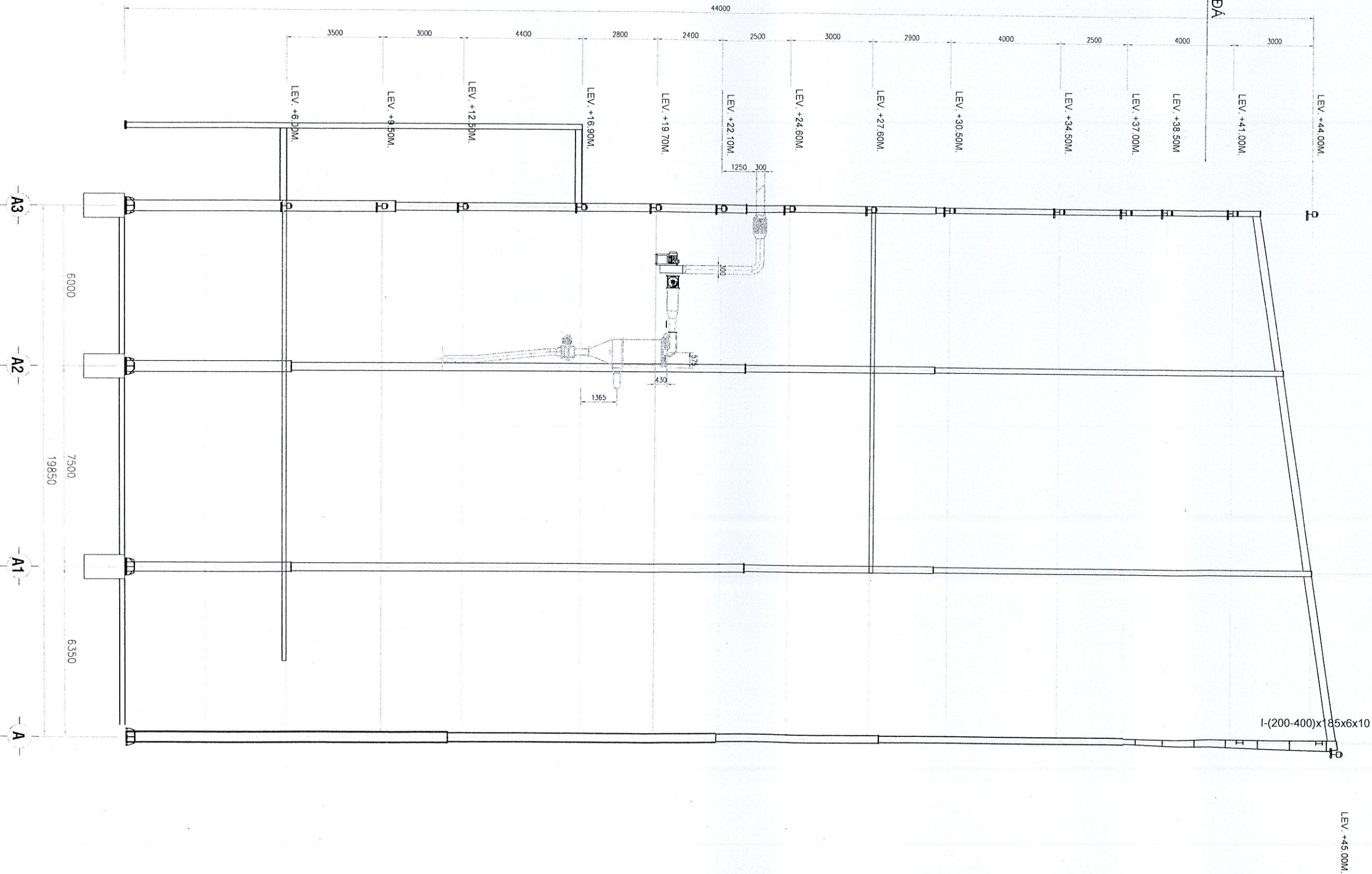
LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục Item		Tên bản vẽ Drawing title	
Thiết kế sơ sở Basic Drawings Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings Thiết Kế Thi Công Construction Design Hoàn Công/ As-Built			NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM		Chủ Trì Chief			
				CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC		Thiết Kế Designer			
				C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2					
				ĐỊA CHỈ KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước					
ĐỊA CHỈ: L6 B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước				ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province		Hoa Viên Draftsman		Tỷ lệ Scale	Ngày Date
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY THÁNG NĂM		ĐỊA CHỈ: L6 B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Chủ Đầu tư Designer		Giám Đốc Director		Kiểm tra Checked By	Ký hiệu bản vẽ Drawing No.
ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province									



FLOOR 7: +19.70M
A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE		CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT:	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :			Hạng mục/ Item		Tên bản vẽ/ Drawing title	
☐ Thiết kế sơ sở/ Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu/ Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công/ Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built									Chủ Trì/ Chief			
									Thiết Kế/ Designer			
									Hoa Viên/ Draftman			
									Giám Đốc/ Director			
Kèm theo Quyết định số		Ngày tháng năm	Địa chỉ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province		Chủ Đầu Tư/ Owner			Kiểm/ Checked By		Tỷ lệ/ Scale:	Ngày/ Date	Ký hiệu bản vẽ/ Drawing No.

QUẠT HÚT MÁY TÁCH DÀ

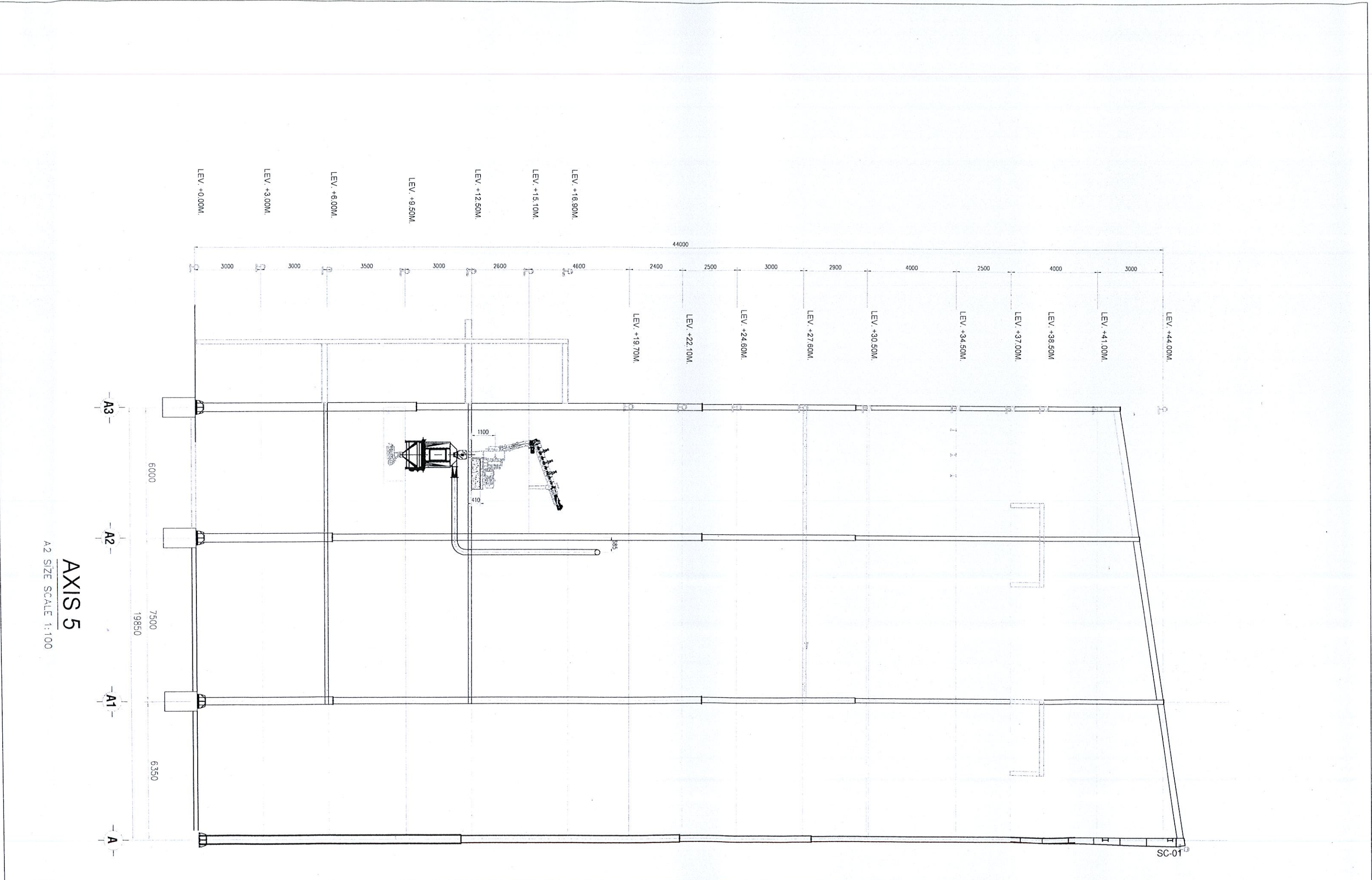


AXIS 4
A2 SIZE SCALE 1:100

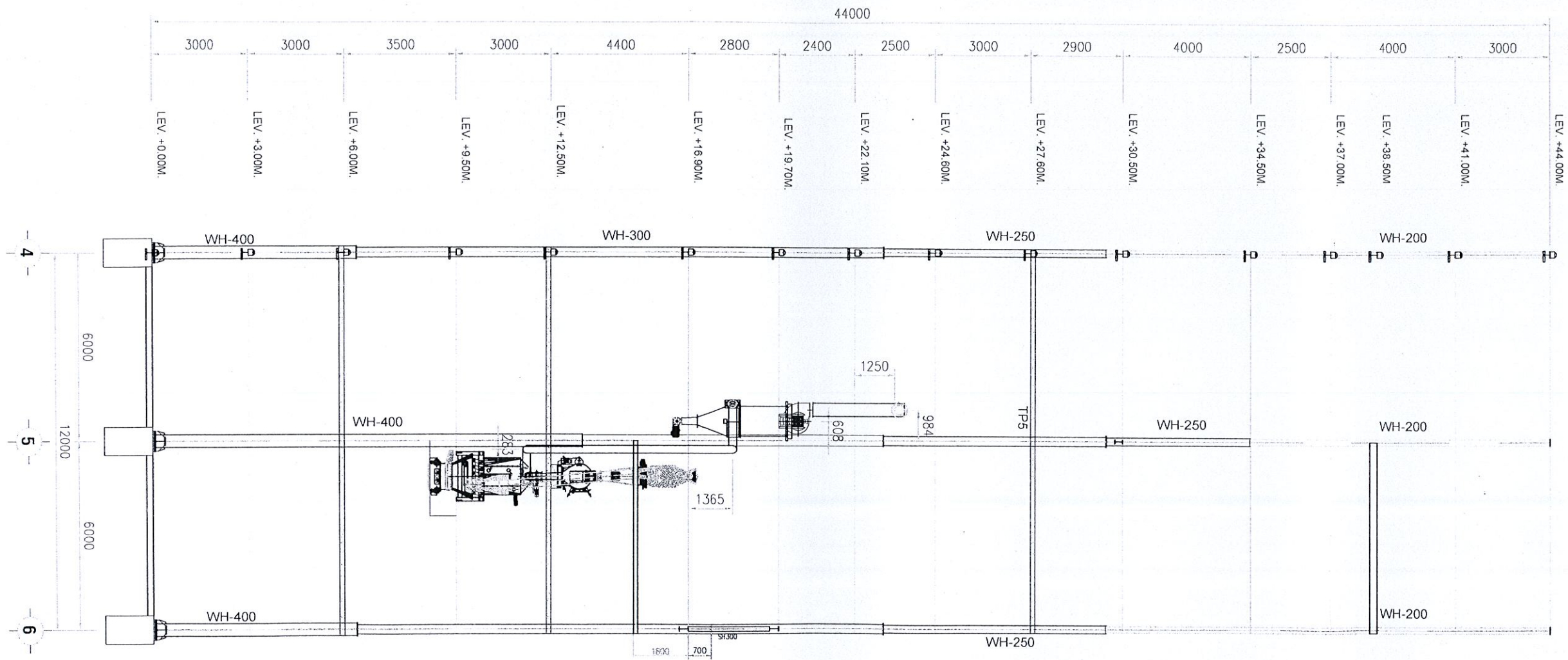
LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE		CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:		REMARKS / GHI CHÚ:		DỰ ÁN/ PROJECT :		CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :				THIẾT KẾ / DESIGN :				Hạng mục Item:		Tên bản vẽ Drawing title:			
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built						NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC		C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2								Chủ Trì Chief					
																Thiết Kế Designer					
																Họa Viên Draftsman					
		KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ		NGÀY THÁNG NĂM				ĐỊA CHỈ: Lũ B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province				Chủ Đầu tư Owner								Tỷ lệ: Scale:	Ngày: Date:
												Giám Đốc Director								Kiểm Checked By	Ký hiệu bản vẽ Drawing No:

NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI
BÌNH PHƯỚC

C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM
CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC
C.P.VIETNAM CORPORATION - BÌNH PHUOC FACTORY 2

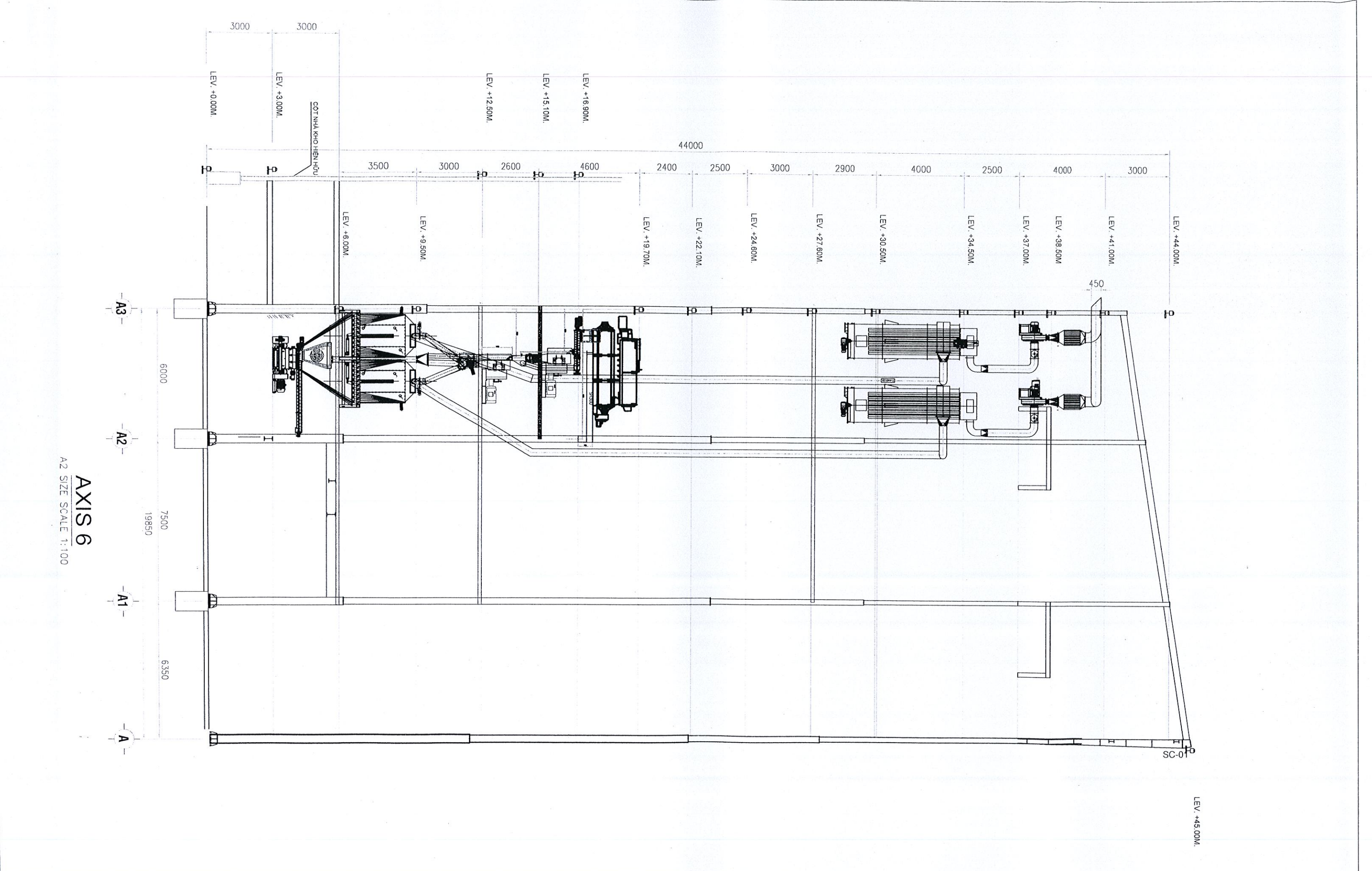


LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE		CƠ QUAN PHÊ DUYẾT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT : NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC ĐỊA CHỈ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh Dictrist, Binh Phuoc Province	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR : C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C. P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C. P. VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh Dictrist, Binh Phuoc Province			THIẾT KẾ / DESIGN :			Hạng mục Item		Tên bản vẽ: Drawing title					
☒ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☒ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☒ Hoàn Công/ As-Built											Chủ Trì Chief				LEV. + 45.00M.			
											Thiết Kế Designer							
											Họa Viên Draftman						Tỷ lệ: Scale	Ngày Date
											Giám Đốc Director						Kỹ hiệu bản vẽ Drawing No	
											Chủ Đầu tư Owner							
KẾM THEO CHUYỂN ĐỔI SƠ		NGÀY THÁNG NĂM																

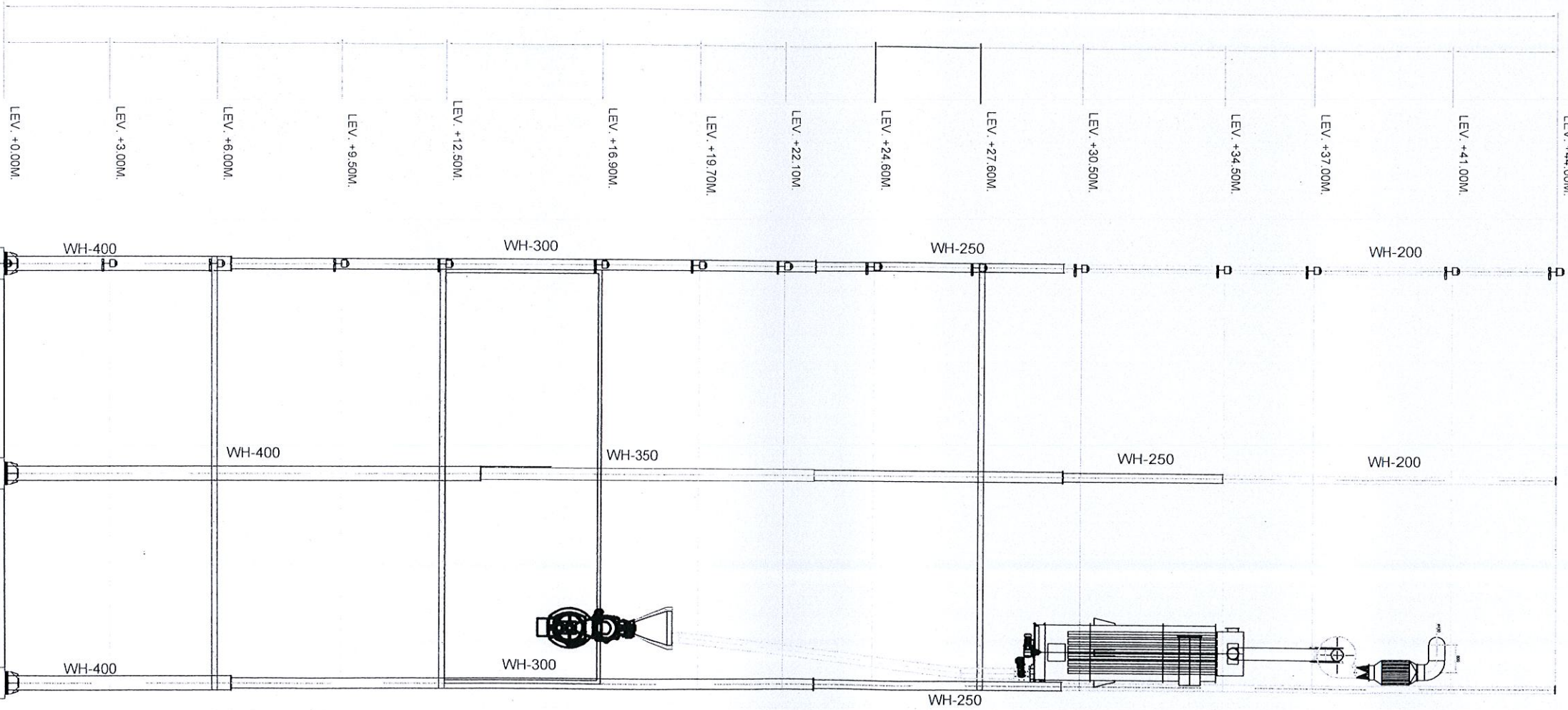


AXIS A3
A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục/ Item			Tên bản vẽ/ Drawing title	
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built			NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC ĐỊA CHỈ: Lô B10-B, KCN Becamex-Binh Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Binh Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province		Chủ Trì/ Chief Thiết Kế/ Designer Họa Viên/ Draftman Giám Đốc/ Director				
				Chủ Đầu tư/ Investor					Tỷ lệ/ Scale	Ngày/ Date
									Ký hiệu bản vẽ/ Drawing No.	



LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN / PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục Item			Tên bản vẽ: Drawing title		
❑ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ❑ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ❑ Thiết Kế Thi Công Construction Design ❑ Hoàn Công/ As-Built						Chủ Trì Chief					
						Thiết Kế Designer					
						Họa Viên Draftman			Tỷ lệ: Scale	Ngày: Date	
	KEM THÊU QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG NĂM.		Địa chỉ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.	Chủ Đầu tư Designer			Giám Độc Director		Kiểm Checked By	Ký hiệu bản vẽ: Drawing No.

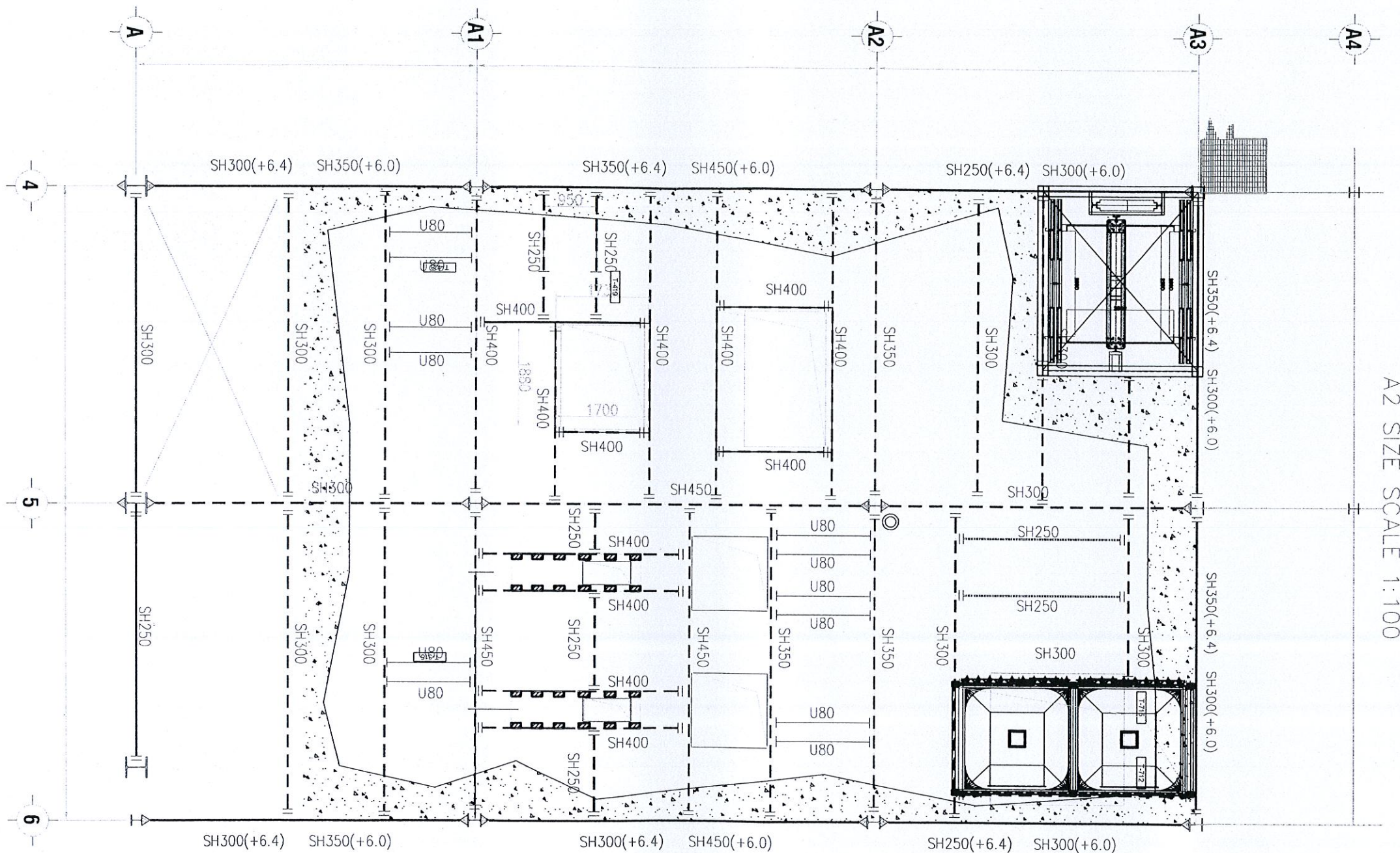


AXIS A4
A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN / PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục:			Tên bản vẽ:	
						Item:			Drawing title:	
						Chủ Trì Chief:				
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings	KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG NĂM	NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2		Thiết Kế Designer:			Tỷ lệ:	Ngày
☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings						Họa Viên Draftman:			Scale:	Date:
☐ Thiết kế Thi Công Construction Design						Kiểm Checked By:			Ký hiệu bản vẽ:	
☐ Hoàn Công/ As-Built			Địa chỉ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.	Chủ Đầu tư Director	Giám Đốc Director				Ký hiệu bản vẽ: Drawing No.	

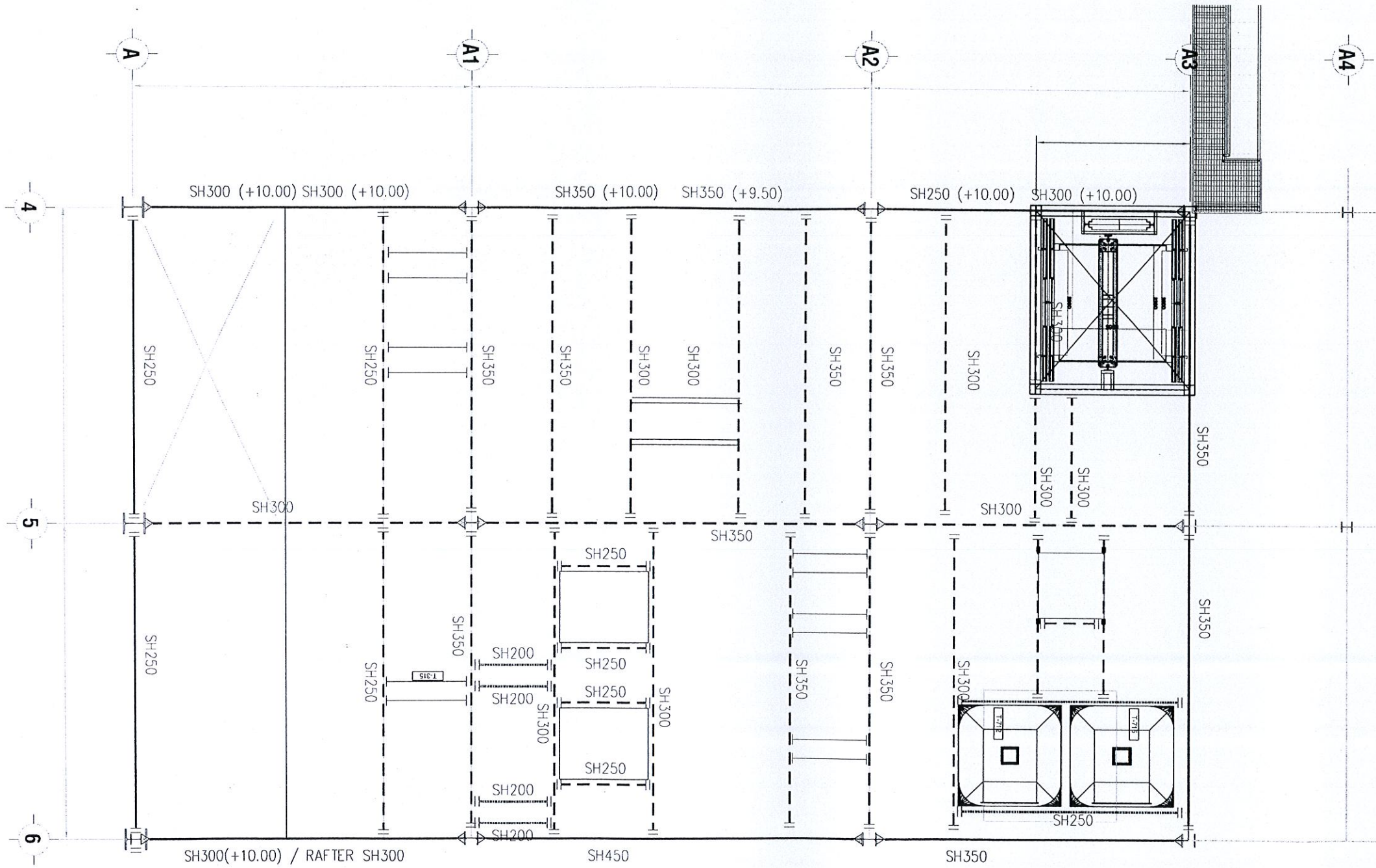
FLOOR 2: +6.0M

A2 SIZE SCALE 1:100



A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ / DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN / PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục:		Tên bản vẽ:	
						Item		Drawing title:	
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built	KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ		NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BÌNH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.		Chủ Trì		Tỷ lệ:	Ngày
						Chief		Scale:	Date
						Thiết Kế			
						Designer			
						Họa Viên			
						Draftman			
						Kiểm		Ký hiệu bản vẽ:	
						Checked By		Drawing No.:	

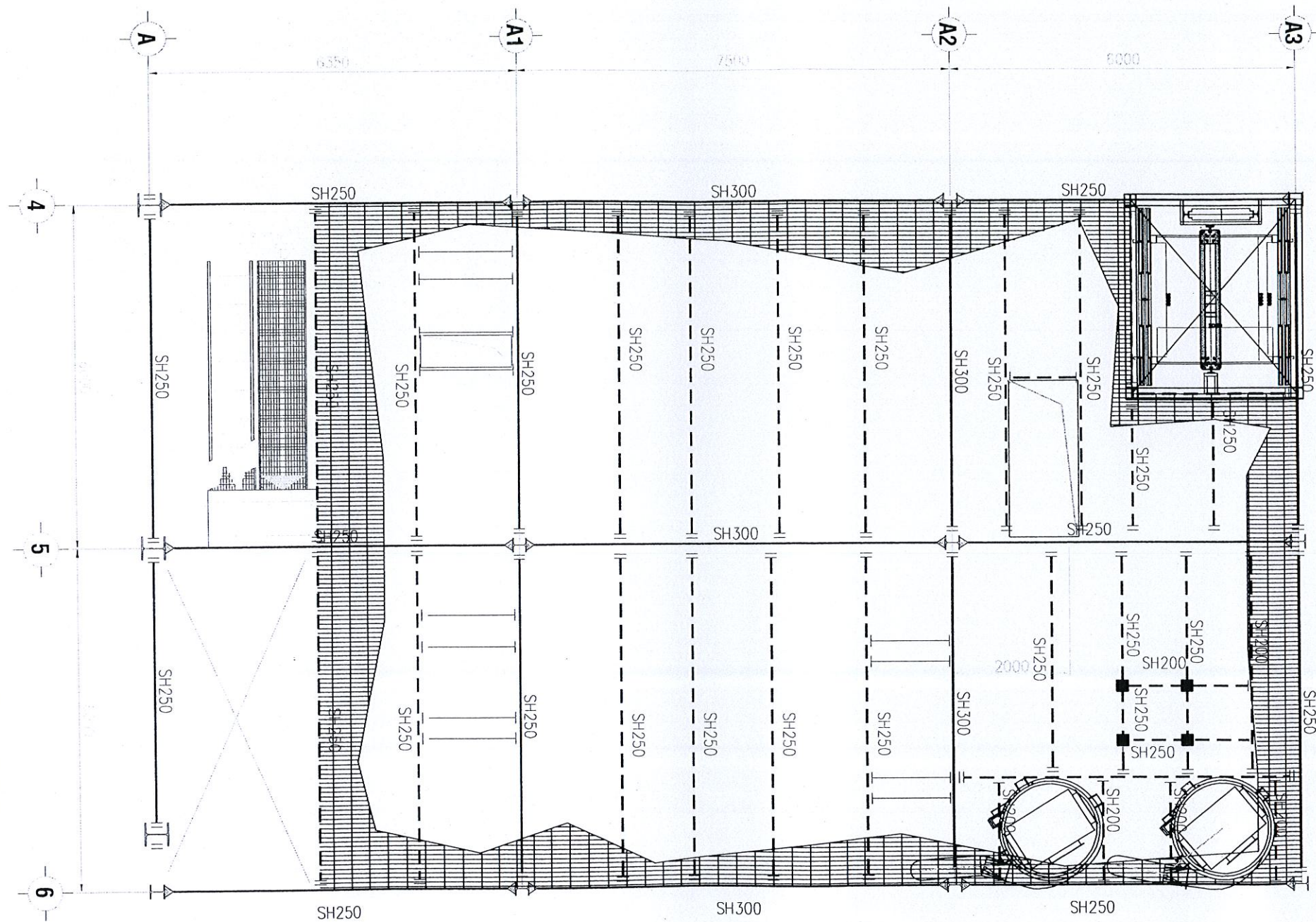


FLOOR 3: +9.50M
A2 SIZE SCALE 1:100

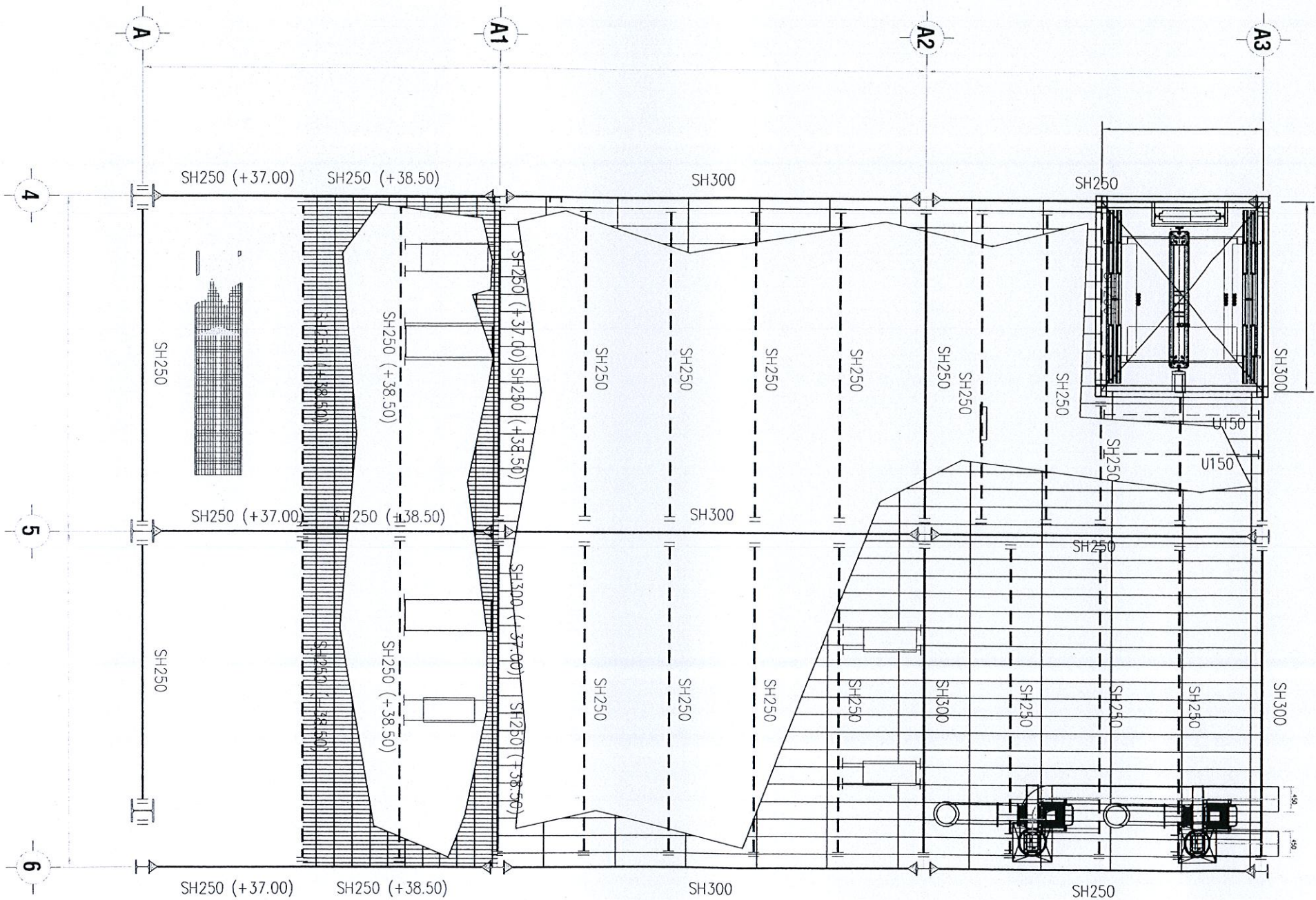
LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục:		Tên bản vẽ:	
						Item		Drawing title	
						Chủ Trì			
						Chief			
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built	KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY THÁNG NĂM	ĐỊA CHỈ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Thiết Kế		Tỷ lệ	
						Designer		Scale	
						Họa Viên		Ngày	
						Draftman		Date	
				CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Kiểm		Ký hiệu bản vẽ	
						Checked By		Drawing No.	
						Giám Đốc			
						Director			

FLOOR 12: +34.50M

A2 SIZE SCALE 1:100



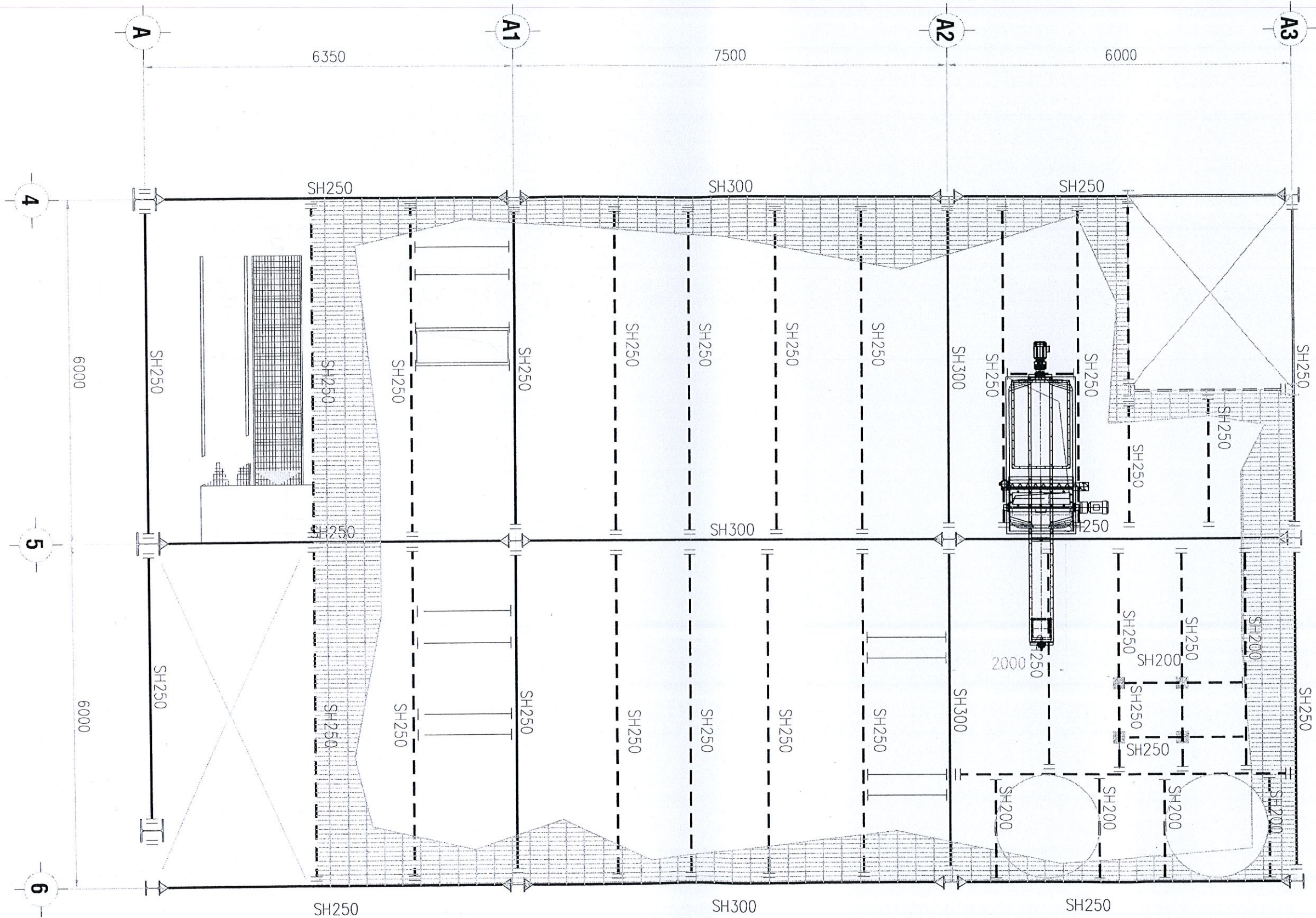
LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục Item		Tên bản vẽ Drawing title		
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built			NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2		Chủ Trì Chief			Tỷ lệ Scale:	Ngày Date:
				Thiết Kế Designer						
				Họa Viên Draftman						
				Kiểm Checked By						
ĐỊA CHỈ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.				ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province.	Giám Đốc Director				Ký hiệu bản vẽ Drawing No.:	



FLOOR 13: +37.0M

A2 SIZE SCALE 1:100

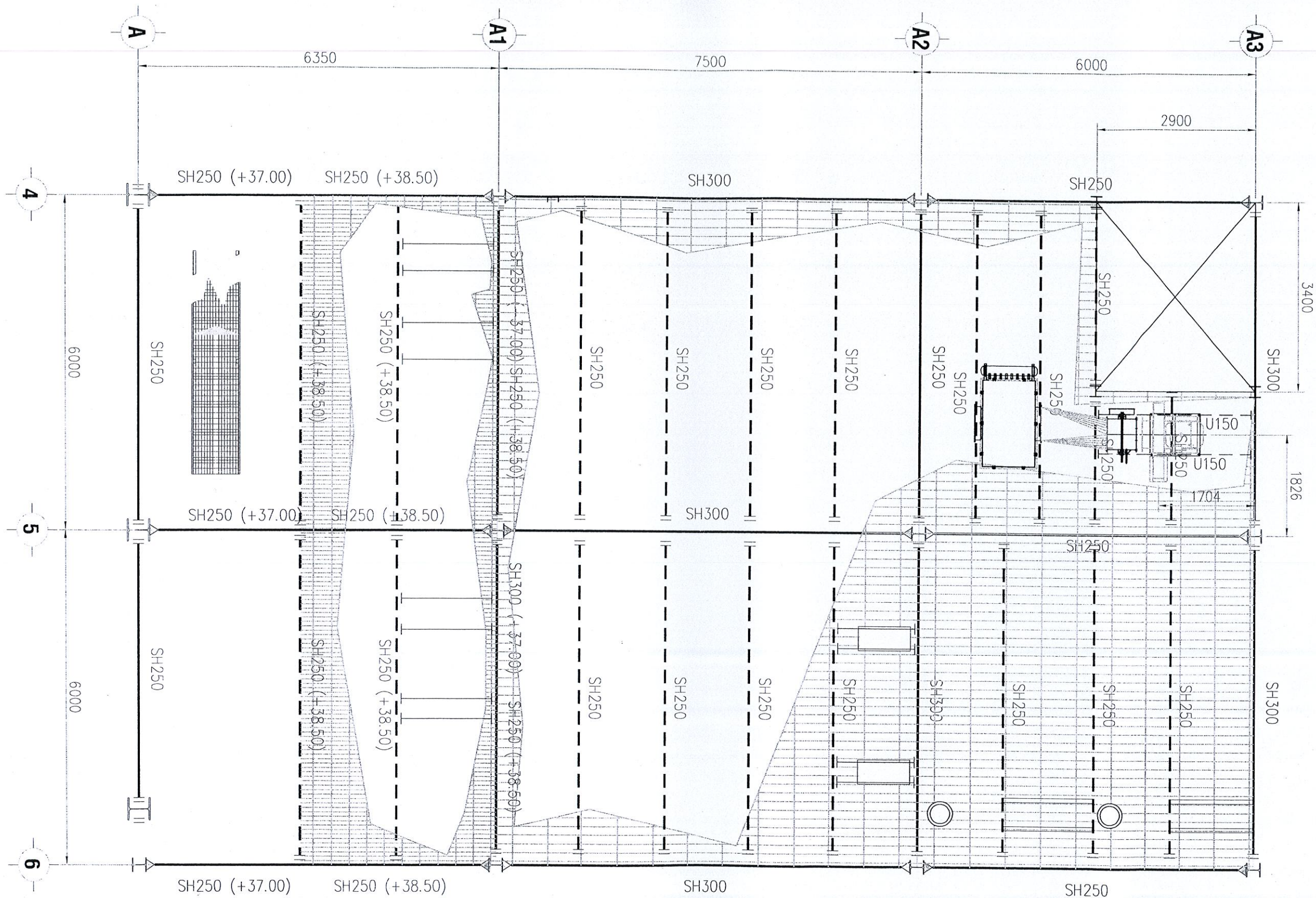
LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục: Item			Tên bản vẽ: Drawing title					
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built			NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2		Chủ Trì Chief			Tỷ lệ Scale	Ngày Date				
ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh Distrist, Binh Phuoc Province.				Chủ Đầu tư Owner										
VĂN THIỆN/VIỆT DINH SƠ					Giám Đốc Director									
					Kiểm Checked By						Ký hiệu bản vẽ Drawing No.:			



FLOOR 12: +34.50M

A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục:		Tên bản vẽ:	
						Item:		Drawing title:	
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built	KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY THÁNG NĂM	NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C.TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BÌNH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chon Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS Becamex-Bình Phước Industrial Zone, Minh Thành Ward, Chon Thành District, Bình Phước Province.	Giám Đốc Director	Chủ Trì Chief		Tỷ lệ Scale	Ngày Date
						Thiết Kế Designer		Ký hiệu bản vẽ Drawing No.	
						Hoa Viên Draftman			
						Kiểm Checked By			

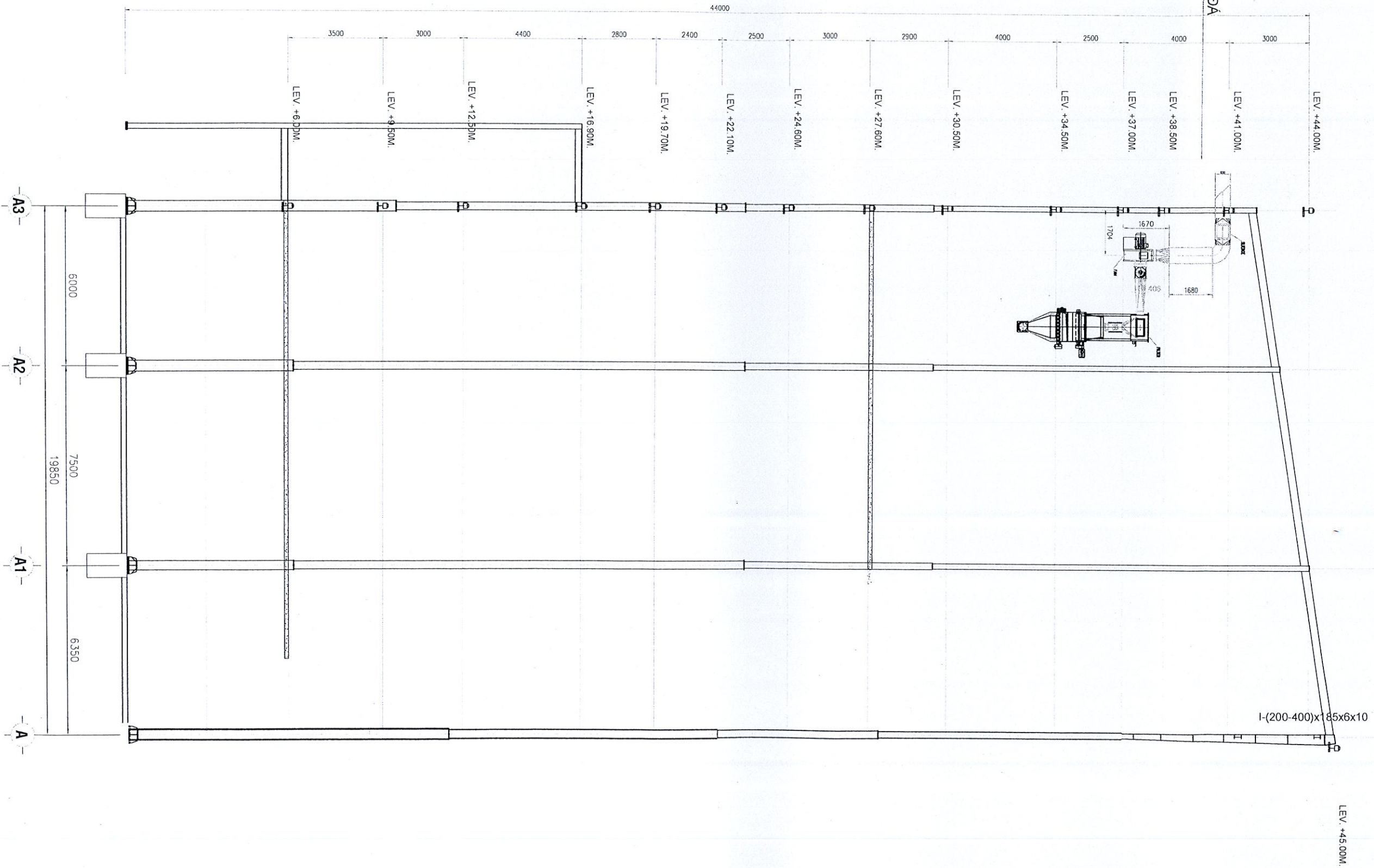


FLOOR 13: +37.0M

A2 SIZE SCALE 1:100

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT:	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :	Hạng mục/ Item:		Tên bản vẽ/ Drawing Title:			
☒ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☒ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☒ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☒ Hoàn Công/ As-Built			NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P. VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2		Chủ Trì/ Chief					
						Thiết Kế/ Designer					
						Hoa Viên/ Draftman				Tỷ lệ/ Scale	Ngày/ Date
						Chủ Đầu tư/ Owner					
						Giam Đốc/ Director					
			ĐỊA CHỈ: Lô B10-B, KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh Dist, Binh Phuoc Province			Kiểm/ Checked By			Ký hiệu bản vẽ/ Drawing No:		

QUẠT HÚT MÂY TÁCH DÀ

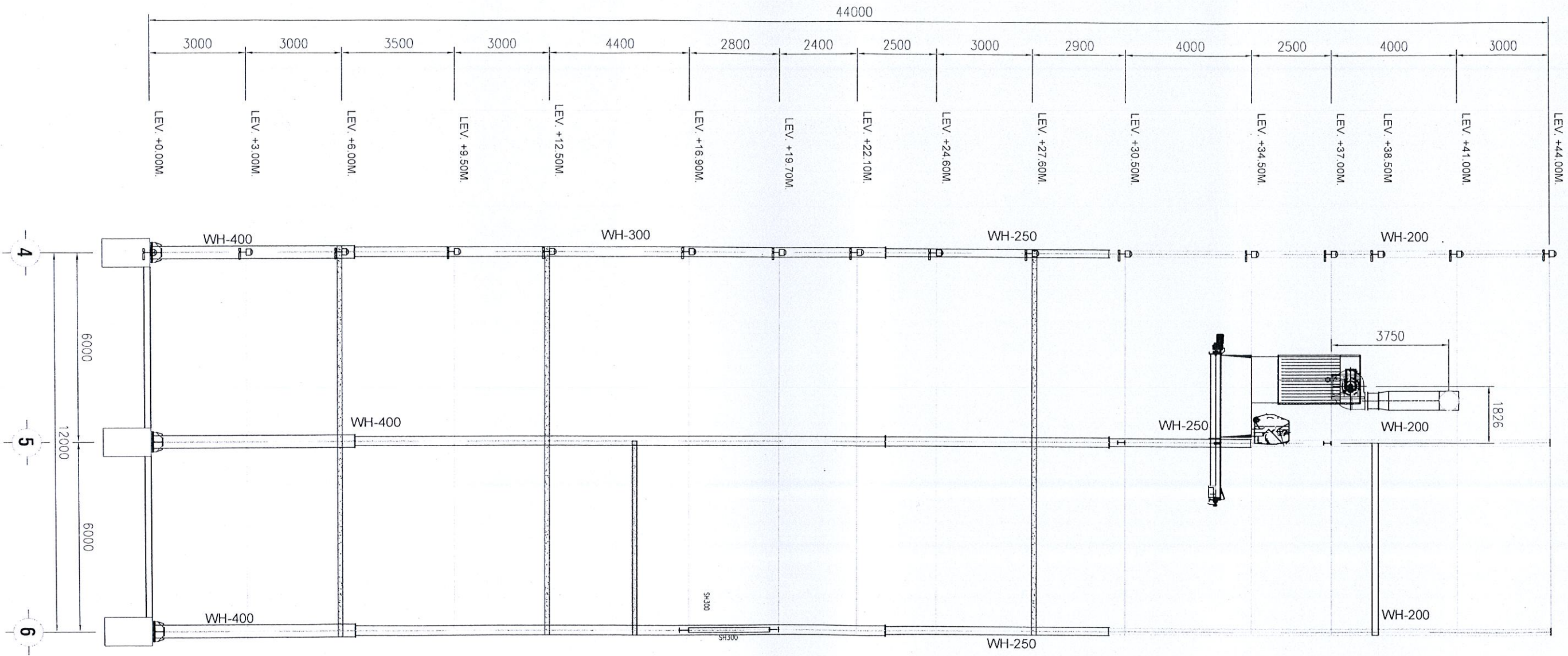


I-(200-400)x185x6x10

LEV. +45.00M.

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR :		THIẾT KẾ / DESIGN :		Hạng mục:		Tên bản vẽ:	
								Item:			
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built	KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY THÁNG NĂM	NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	C. TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIET NAM CHI NHÁNH NM2 TẠI BÌNH PHƯỚC C.P.VIETNAM CORPORATION - BINH PHUOC FACTORY 2 ĐỊA CHỈ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province		Giám Đốc Director		Chủ Trì Chief		Tỷ lệ Scale	Ngày Date
								Thiết Kế Designer			
								Họa Viên Draftman		Ký hiệu bản vẽ: Drawing No.	
								Kiểm Checked By			

LOẠI BẢN VẼ/ DRAWING TYPE		CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	REMARKS / GHI CHÚ:	DỰ ÁN/ PROJECT :	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR :	THIẾT KẾ / DESIGN :			Hạng mục:			Tên bản vẽ:	
☐ Thiết kế sơ sở Basic Drawings ☐ Bản vẽ đấu thầu Tender Drawings ☐ Thiết Kế Thi Công Construction Design ☐ Hoàn Công/ As-Built									Item			Drawing title:	
									Chủ Trì Chief			Tỷ lệ	
									Thiết Kế Designer				
									Họa Viên Draftman				
												Ký hiệu bản vẽ: Drawing No.	
		KÉM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	NGÀY THÁNG NĂM		Địa chỉ: KCN Becamex-Bình Phước, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ADDRESS: Lot B10-B, Becamex-Binh Phuoc Industrial Zone, Minh Thanh Ward, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	Chủ Đầu tư Owner				Giám Đốc Director			



AXIS A3
A2 SIZE SCALE 1:100